

KIM CANG BÁT LUẬN HỘI THÍCH

QUYỂN TRUNG

Nói rộng trong sáu trụ xứ, trên đã nói ba, dưới đây giải thích trụ xứ thứ tư, hợp với bốn trụ xứ ở trước, là Tín Hành Địa, trước một Đại A-Tăng-Kỳ kiếp, là giai đoạn dị sinh. Đại văn chia làm ba:

- Kết trước sinh sau, để phát sinh đầu mối của luận.
- Gạn lại nêu tên.
- Tùy nêu giải thích.

Trong đây nói tuy có hạnh khác lia chương làm đầu, từ cao quý mà gọi tên. Như nói phát tâm và tu hạnh sáu độ, tuy đều lia chương, chỉ do giai vị cao quý mà đặt tên. Tâm đại Bồ-đề, gốc lành tự thể là , hàng phục sở tri chướng, nên nói là Ba-la-mật, nêu ra san tham cho đến ngu si, nên đều phát tâm dứt chướng nhiếp thọ quả đại Bồ-đề. Sáu pháp Ba-la-mật, tịnh tu các hạnh, mỗi pháp cao siêu nên đặt tên, ở đây cũng vậy, ẩn các hạnh khác không nói, mười hai chương này thứ lớp sinh khởi, nhiếp bốn và hai hạnh nhân quả, trước và sau, cho đến ở sau nên biết, là lia không có phương tiện khéo léo, dưới đây đều không có giáo thọ, ở sau hợp lại giải thích , văn đầu tiên nên biết.

Trong phần nêu tên, chỉ nêu tên chương, ở đây đối với hai chương, thuộc về chương nào, đến sau sẽ biết.

Dứt thứ ba tùy theo nêu bày theo trong phần giải thích chia làm mười hai.

Trong phần đầu tiên lia mạn có hai thứ.

1- Ngã mạn.

2. Tà mạn.

Cũng ở văn sau sẽ biết.

Văn đầu có hai.

Đầu tiên phối hợp với bốn nghĩa, thượng tọa trở v.v...xuống, là giải thích nghĩa khó. Văn kinh có hai: đầu tiên hỏi đáp bốn quả, để giải thích lia mạn, sau dẫn ra rồi thành hiểu biết, bốn quả là bốn, mỗi quả có hai. hỏi, và đáp, đây là hỏi bốn quả, đương lúc nhập quán, lại

khởi ý này. Ta đắc quả, không cần phải lìa mạn, trong lời đáp của ngài Thiên Hiệ. Trong kinh Năng Đoạn , sơ quả, hậu quả, đều nói ta có khả năng đắc quả, tức là chấp có, trong hai quả không có, lược nêu đầu và sau. Vì trong phần nêu để hỏi, bản khác đều chỉ cho quả thứ tư là, nêu theo ba quả trước, nếu vậy theo Vô học còn nói chấp sinh, vì sao nhân hữu học không nói chấp khởi, cho nên chính là trong kinh Năng Đoạn . Ngài Thiên Thân nghi rằng: Nói về bậc Thánh vô vi được gọi tên, pháp ấy không thể chấp nói, như vậy, thế nào là quả Dự Lưu, có thể tự biết ta được quả kia, như vậy theo chứng cho người nghe nói, tức là bốn quả có thể chấp có thể nói, vì thành ý nghi. Luận này quyển trước chép, vì tu đạo đắc quả cao siêu trong không có mạn, các lời trong kinh tức nghi kia đồng với. Nếu nói vô vi không nên chấp lấy thì, làm sao có bốn quả. Nói có thể nói , kia đã có nghi, đối với không đắc không nói nghĩa có đắc có nói, ngã là ngã mạn, vì tánh kiêu ngạo, hoặc là ta có chứng đắc, trong cái không có sở đắc, nghĩa là không có công đức sở đắc, đây là tà mạn nói , cũng là sở nói như vậy, đều là sở nói lợi trong ích chúng sinh, vì ngã kiến ngã mạn là cội gốc, tà mạn v.v... sinh, nên luận này chép. Nếu có tướng ngã thì có ngã mạn, cái mà Bồ-tát nên dứt chính là pháp chấp, nêu tên phiền não, để nói lên pháp chấp, ở sau đều y theo ý theo nên biết. Nay ở đây nói chung là lìa mạn này cho nên trong kinh chép , v.v... Ý nói lúc chứng nhập vô vi, bốn quả đều không nói ta đắc ta nói, đưa ra pháp quán rồi mới nói, ta có khả năng chứng đắc quả này. Lại sau được trí quán sở chứng ở trước, sở chứng sâu mầu, quán đó không chấp đắm vào chứng, hành tướng gia hạnh ở trước, bèn y theo hành tướng, mà giảng nói, ta có chứng đắc, chánh chứng vô vi. Nói có đắc chứng là nếu nói đắc chứng, ba quả trước thì do có hạt giống phiền não theo . Lúc này tuy không có phiền não hiện hành, do có hạt giống, nên hai chấp theo sinh, nên nói tức vi, có các ngã chấp. Quả thứ tư nếu có người chứng đắc, chỉ có hạt giống sở tri chướng theo , chánh khởi ra bốn trí, ngã chấp hết rồi, phạm hạnh đã lập, tuy chẳng phải hiện báo, do chấp hạt giống theo . Nói Ngã, v.v...: lẽ ra pháp chấp khởi, nên ngài Thiên Thân nói: Do có kiết sử phiền não, chẳng phải hành phiền não. Vì sao khi đối với chứng kia, lìa các phiền não như chấp ngã,v.v... cho nên không có tâm như vậy, ta có khả năng đắc quả v.v... Đây là nói lúc chứng, nếu nói ta đã chứng có các thứ tùy , nên khởi hiện hành phiền não v.v... như khi các thứ phiền não khởi, luận chép kiết sử ấy, là hạt giống, khi chứng bốn quả, không nói chấp nói , rõ biết mạn có chấp, đều phải lìa, nay vì lìa đây, nên vẫn đây sinh. Tu-Đà-hoàn, v.v... vẫn

của ngài La-thập khác, các kinh khác phần nhiều đồng, giải thích từ ngữ dứt hoặc, đều đúng như lý nên biết.

Phối hợp trong với bốn nghĩa chia làm ba.

- Đầu tiên giải thích theo nghĩa nương tựa.
- Giải thích tướng và nhiếp trì.
- Giải thích Đệ nhất nghĩa.

Trong giải thích nghĩa khó, có ba:

- Đầu tiên giải thích văn kinh, do căn bản ngã tướng mới sinh tà mạn v.v....

- Giải thích thượng tọa Tu Bồ-đề tự nói về lý theo do.

- Giải thích hai hạnh không tranh chấp lý do.

Trong phần tự hiển giải thích kinh. Vì sao Tu Bồ-đề tự hiển, được Tam-muội vô tránh bậc nhất A-la-hán có chung công đức, nói là lìa dục, lìa dục. A-la-hán, A-la-hán: được công đức vô vi, vì lìa dục mà được, do lìa tham dục, nội chứng vô vi, ngoài thực hành vô tránh, cho nên vô tránh là thực hành bên ngoài, chứng vô vi là đức bên trong. Nhưng ngài La-thập, ngài Lưu-chi đều nói, Đức Phật Thế Tôn nói được vô tránh và lìa dục, ngài chân Đế dịch kinh Năng Đoạn đều chép; Thế tôn và ba hiệu đầu, nói được Vô Tránh, tự hiển lìa dục. Lại các bản đều nói Tam-muội Vô Tránh, chỉ có trong kinh Năng Đoạn nói Vô Tránh trụ. Như trong tám pháp giải thích thoát thì pháp thứ ba và thứ tám nói riêng thân tác chứng cụ túc trụ, sáu pháp còn lại không nói, ở đây cũng như vậy, nói các tam-muội này là trên hết, Đức Thế tôn thường tự trụ, nên nêu tên là trụ, hoặc định nghĩa xứ, do bao gồm hai nghĩa, nên dịch là Trụ vì sở chứng. Của mình Vì giúp cho họ tin, nên dẫn điều này làm chứng. Ngài Thiên Thân cũng nói: Tự khen được thọ ký, do tự thân chứng quả, là vì đối với nghĩa kia sinh tín tâm. Vì sao chỉ nói hạnh vô tránh. Phật thường trụ trong công đức, Luận của ngài Thiên Thân dịch có hai nói .

1- Nói công đức cao siêu, giúp sinh tâm ưa thích mong cầu.

2- Sinh lòng tâm tín sâu.

Luận này chỉ có một giải thích là giúp cho tin, sau là giải thích hai hạnh vô tránh, cho nên nội chứng chân lý, lìa ngã sở chấp, trụ lý vô tránh, không có chút pháp, để đắc A-la-hán, ngoại trụ vô tránh, đều không có sở hành, thực hành hạnh nên có vô tránh, do hai môn vô tránh, lý và hạnh, kinh chép lại vô tránh hạnh vô tránh, do không có chút pháp và không có sở hành, nên gọi là an lập nhất nghĩa bậc.

Ngài Thiên Thân nói: y theo nào Thiện cố kia, nói lìa hai môn

chương:

1- Phiền não chương.

2- Tam muội chương.

Vì lia hai chương ấy nên, nói không có sở hành, hai chương hiện tiền, vì có sở hành, do lia phiền não chương, nội chứng chân lý, được lý vô tránh, các công đức này, các bậc A-la-hán đều có, nên luận này nói, cho đến các bậc A La Hán cũng có công đức, gọi là sơ vô tránh. chương Lia Tam-muội, và ngoại trụ mà thực hành định kia, gọi là hậu vô tránh, luận y theo lia hai chương nói có hai, luận này y theo được lý sự hai món vô tránh, mà nói lại hai định nên, không trái nhau.

Thứ hai là lia ít nghe, trong chia làm hai. Thuộc về kinh lia chương, sau chỉ nên quán biết, văn kinh chia làm hai. hỏi, và đáp.

Luận của ngài Thiên Thân chép: Trong đây có thắc mắc rằng Đức Thích-ca Như lai xưa trụ Địa thứ tám, gặp Đức Phật Nhiên Đăng, thọ ký cho Đức Thích-ca. Đức Phật Nhiên Đăng nói: Đây là Đức Phật có thọ ký, tại sao nói pháp không nên chấp. Nay ý của luận này, nói có chấp nói. Do không gặp bạn lành lia pháp Phật xuất thế, không nghe hiểu rộng, vì ít học, nên nói lúc ấy Đức Phật này Đức Phật kia có chấp có nói, nay vì trừ chương ít nghe, nên có trụ cõi dưới quyển trước, vì bên ngoài không gặp bạn lành, nên có ở dưới kinh giúp cho gặp bạn lành. Quyển này là bên trong có sở trì chương, vì thiếu học rộng, có chương ít học, nên nói ở sau, giúp phải học rộng, nên trong kinh chép, học rộng có công Năng Đoạn hoặc, học rộng có thể dẫn đến hỷ lạc, học rộng xả bỏ vô nghĩa, học rộng được Niết-bàn. Lại luận chép: Học rộng huân tập, là hạt giống của tâm xuất thế, do ít học này, là sở trì chương, sinh nghi có cả hai chương, lặp lại luận nghi, khởi lên từ trước. Luận này nương vào theo tự mình nghe ít không gặp bạn lành, đều trông mong một nghĩa, cũng không trái nhau. Nếu gặp bạn lành, được gặp Chư Phật, học rộng nghe nhiều. Lại biết Đức Thích-ca ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với nghĩa chân thật không chút pháp nào thật có, không sinh phân biệt, nói vào lúc ấy có chấp có nói, khởi phân biệt này, vì không gặp Phật, có chương ít học, vì giúp cho gặp bạn lành lia chương phân biệt, mà học rộng, nên trong văn kinh nêu ra. Trong thế tục đế có đặc có nói. Trong Nghĩa Đế cao siêu lại không có việc này hai luận ba văn đều hướng về một nói, các bản đều đồng, chỉ có bản của ngài Lưu-chi nói: Xưa ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, được pháp Vô thượng Bồ-đề, không có ý này đối với nghĩa Đế cao siêu, có sở đặc không nói bản duyên này, như trái qua quá khứ hiện tại, có vị tiên Thiên Tuệ thấy năm giấc mộng, trong

luận Bà-Sa ít có khác nhau, trong số sẽ giải thích .

Thứ ba là lìa phan duyên nhỏ khởi niệm đối với tu đạo. Ngài Thiên Thân nghi rằng: bậc Thánh đã vô vi đặt tên, nói không thể chấp vì sao các Bồ-tát chấp trang nghiêm tịnh độ, được Phật giảng nói cho nghe. Tức là quyển trước vì nguyện Tịnh Độ Phật, nên Tiểu Bồ-tát sự tu hành của là , nguyện Tịnh Độ Phật này, là phan duyên khởi chút ít niệm tu đạo, để cầu sinh Tịnh Độ, làm tướng tịnh để mong cầu, giúp cho chúng sinh muốn về Tây theo phương, đều khởi nguyện này, nay vì lìa tiểu niệm tu đạo này, nên có văn kinh ở sau, thật nguyện sinh Tịnh Độ, nên tu vô tướng nghiêm tịnh tự tâm. Rộng như trong kinh Vô Cấu xưng có nói rộng Nghiêm về sự trang Tịnh Độ Tướng. Ngài Thiên Thân nghi, từ trước đưa ra quyển này, loại và hình sắc quyển trước nói nguyện sinh sự trang nghiêm của, cũng không trái nhau. Phan duyên, nhỏ là chấp có sắc tướng mà tu Tịnh độ, cũng là pháp chấp tham ái sinh, cũng là phiền não, là ý của luận này. Luận nghĩa kia vô vi nghi khởi, nên không trái nhau.

Văn kinh chia làm hai, đầu tiên là nói trang nghiêm Tịnh độ, khuyên bỏ hữu tướng quả trang nghiêm, sau khuyên sinh tâm, giúp cho tô điểm tu nhân vô tướng. Văn luận chia làm hai.

Phối hợp với kinh, khuyên bỏ hữu tướng.

- Nêu bày theo phân biệt.

Trong kinh Phật Địa chép: Xuất thế gian cao quý do gốc lành sanh khởi, rộng lớn tự tại, tịnh thức tướng là. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Trì Tập Duy Thức, chấp chung cõi Phật như vậy, chẳng phải hình thể bậc nhất, chẳng phải ý nghiêm trang nghiêm. Nửa bài kệ trên là giải thích văn thứ hai giúp tu vô tướng, nửa bài kệ sau là giải thích văn khuyên bỏ hữu tướng, học trì vô phân biệt, gốc lành làm nhân , nội chứng Pháp thân pháp tánh chân độ vô tướng lý độ, đã vô tròn đầy tướng, báo độ lại mãn, không thể trì biết, không thể nói năng, ngoài vì lợi ích chúng sanh, mới hiện cõi tha thọ dụng, và cõi biến hóa, các tịnh độ tịnh thức làm tướng, gốc lành cao quý làm nhân , nên khi thành Phật, chúng sinh có nghiệp thanh tịnh lại chiêu cảm cõi tịnh. Nên trong kinh Duy-ma chép: Muốn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, trước phải trang nghiêm tự tâm, người mới học không biết lấy năm trần làm thể của cõi, phát nguyện mong cầu, tiểu niệm tu đạo, mà thực hành hữu tướng. Nay vì dứt trừ các hữu tướng ấy, người mới học sinh nghi văn đầu tiên , khởi chẳng phải hình trang nghiêm là bậc nhất thể trang nghiêm, chân thật tu tập vô tướng thức, chân thật trì tuệ lại có cả tướng thanh tịnh

cõi Phật vô , Phật y theo vô tướng làm nhà, nói trang nghiêm tịnh độ, là lời không thật, luận của ngài Thiên Thân giải thích , dùng vô tướng hữu tướng trang nghiêm, nên nêu lại trong kinh Năng Đoạn nhắc lại cả hai kết luận cả hai, ngài Lưu-chi đều nhắc lại riêng kết. Ngài chân Đế, ngài La-thập đều riêng nhắc lại hết, chỗ nói tức chẳng phải trang nghiêm, tịnh độ vì trang nghiêm hữu tướng, chẳng phải trang nghiêm chân thật khác nhau có ba, có bốn, như trong chương có nói.

Giải thích văn thứ hai có ba.

- Nêu giúp tu vô tướng, nên không có chỗ trụ sinh tâm.

- Nói không có chỗ trụ, năm trần tâm tức là tiểu niệm tu đạo.

- Ứng với vô sở trụ kết thành chân tâm, bản khác đều đồng, chỉ có trong kinh Năng Đoạn , ở trong chỗ vô trụ, nói vô trụ ở sắc, vô trụ ở phi sắc, ý của bản khác nói, do năm trần thô, là thể của tịnh độ, mà nhân tu cầu, chẳng phải trang nghiêm, cho nên chỉ cõi tịnh chân thật giúp pháp ấy không trụ năm trần trong kinh Năng Đoạn có nói đủ. Trụ ở năm trần và trụ chẳng phải năm trần, năm uẩn khác đồng, chỉ sinh trụ chấp mà cầu tịnh độ, đều chẳng phải trang nghiêm, chân thật phải là không trụ chấp. Nhân tu tập chân trí thật là trang nghiêm chân thật. (744) Do đồng với hữu tình bên trong và khí thế giới bên ngoài nên phát ra thể độ, không trụ ở hai thân, không trụ trong cụ túc, đây là trang nghiêm cõi Tịnh . Nghĩa môn rộng lớn, không thể nói lược, rộng như trong chương Tịnh độ, sơ Vô Cấu có giải thích , công đức trang nghiêm cõi Phật, thẳng chỉ bày theo trang nghiêm, bèn tăng thêm công đức, trang nghiêm cõi Phật.

Thứ tư là trong lìa bỏ chúng sinh, ngài Thiên Thân nói. Nếu các bậc Thánh đặt tên là vô vi, làm sao thọ lạc báo Phật, giữ gìn tự thân Pháp Vương, làm sao ngoài các thế gian giữ gìn thân Pháp Vương kia? Đây là nghi báo thân có thể giữ gìn tự thể thân tốt đẹp thân cao lớn người khác cũng chấp là cao lớn tốt đẹp, có khả năng giáo hóa chúng sinh, có phi bậc Thánh gọi là vô vi. Nếu vô vi đặt tên, không chấp thân tốt đẹp cao lớn, lại không có việc Chư Phật lợi ích chúng sinh, thì thành các pháp dứt diệt. Đã không có thân cao lớn, bỏ lợi ích chúng sinh, nay vì giải thích lý do này, văn sau từ đây nêu rằng, vì lìa bỏ chúng sinh nên trong kinh chép v.v.... Nhưng Phật phương tiện khéo léo. Có mười hai thứ:

1- Bi tâm.

2- Rõ biết các hạnh.

3- Ham cầu trí mầu của Phật.

- 4- Không bỏ vòng sinh tử.
- 5- Trở về bất nhiễm.
- 6- Tinh tấn mạnh mẽ.
- 7- Nhờ chút ít điều lành mà thành vô lượng quả.
- 8- dùng năng lực chút nhiếp, hóa nhân có gốc lành lớn.
- 9- Nhân ghét Thánh giáo thì dứt bỏ xúc não cho họ.
- 10- Nhân ở trong các trụ giúp họ thú nhập.
- 11- Nhân đã thú nhập giúp họ thành tựu.
- 12- Nhân đã thành tựu giúp họ giải thích thoát.

Nên Phật Bồ-tát không bỏ chúng sinh, bỏ tức là chướng. Lại trong bốn chướng, thì Duyên Giác xả tâm, lấy chính làm chướng, các pháp ấy do bậc Thánh đặt tên vô vi, lại không có thân báo Phật cao lớn cao tốt đẹp. Nay vì lìa phân biệt chấp đắm này, nên ở kinh, quyển trước ở dưới nói thẳng rằng: Vì thành tựu chúng sinh, nên trong kinh chép v.v...: Tuy do vô vi bậc Thánh đặt tên, do không phân biệt như núi chúa, v.v... mà Phật cũng có khả năng thành tựu chúng sinh.

Luận do ngài Thiên Thân dịch nghi ngờ từ trước mà sanh quyền trước có nói về hạnh ấy, trong đây vì phá chấp kia, đều y theo một nói, nên không trái nhau, chấp có thân cao lớn, đây là chướng chấp pháp, xa lìa chúng sinh nói không có đại bi.

Văn kinh chia làm hai. Hỏi và đáp.

Luận cũng chia làm hai. nêu phối hợp với kinh và. giải thích hỏi đáp.

Văn sau có hai.

- Đầu tiên giải thích văn hỏi, kinh nói v.v... trở xuống mới giải thích đáp văn, ở đây làm sao nói lên câu hỏi, ý hỏi trong đây là báo Phật mà Bồ-tát Sơ địa thấy, ngồi trên đài sen trăm cánh, thân xứng với tòa hoa, hóa thân không nhất định. Trong đây nói ví dụ, làm sao nói lên, ở đây nói báo thân, để phá các nghi của họ, nêu ra thân cao lớn mà nói, dù không có chỗ nói về lại nêu một lượng nhỏ của báo thân để dụ, vì thành tựu chúng sinh ở cõi Dục, lại nêu báo thân, như La-hầu vua A-tu-la v.v... đồng chấp v.v... Tỳ-Ma-Chất-Đa-la. Bài kệ trong quyển năm mươi kinh Hoa Nghiêm chép: A-tu-la hóa thành thân. Bồ tát Kim cương Địa thượng an định đầy theo đủ, nước biển chỉ sâu đến nửa thân, thân ấy cao lớn, như núi Tu-di, Báo thân Phật vì giáo hóa chúng sinh ở cõi dục, hiện như lượng ở núi Tu-di kia, do không phân biệt, còn không nên thấy tự thể kia, huống chi là các thân khác, vì giáo hóa người Mười địa mà hiện thân lớn, dứt sinh phân biệt mà sinh tự thể. Nay trong luận

giải thích rằng: Kinh Phật nói chỉ như núi Tu-di, vì là ai, mà La-hầu ma A-tu-la hóa thân kia, thật bằng lượng núi Tu-di, cho nên Phật chỉ dụ như hóa thân, lượng biến hóa tuy lớn, nhưng trời nhân được hóa độ thì ít, không thể thấy lớn, nên thân như Tu-di, chỉ là báo thân, trong đây tạm nói vì giáo hóa trời nhân cõi Dục đã hiện báo thân, từ đây y theo thân Phật A-Di-Đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha-do-tuần, phàm phu Địa tiền chẳng thấy hóa thân Phật.

Trong văn giải thích đáp chia làm ba.

- Giải thích Phật nói chẳng phải thân nói.
- Giải thích thân kia chẳng phải thân nói.
- Nói về pháp được hiển bày.

Văn đầu tiên là Đức Như lai nói rằng chẳng phải thân, là nói lên pháp vô ngã. Cho nên ngài Thiên Thân nói: Đây là nói thọ vui thể báo Phật, đồng với núi chúa Tu-di kia, vì nghĩa hình tượng trong gương, đây nên ở nói báo thân Phật, như núi chúa Tu-di, thế lực cao xa, nên gọi là lớn, như hình tượng trong gương, vì hiểu biết rõ ràng, mà không chấp ngã tự thể của núi chúa kia là núi chúa, vì không phân biệt, báo Phật cũng vậy. Do được thể của Pháp Vương vô thượng, nên gọi là Đại, mà không chấp ngã tự thể của Pháp Vương kia là Pháp Vương, vì không phân biệt. Có phân biệt: Các tâm ngang trái như phiền não.v.v.. này là hữu lậu, Pháp Vương lìa lậu, pháp chứng vô ngã, cho nên không phân biệt, Luận ấy chép: Nếu vậy theo thì không có vật, không có vật, vì không phân biệt, ý nói Phật nói Pháp Vương hiện thân lớn, chẳng phải thân hữu lậu phân biệt, đó gọi là thân lớn, vì thân kia không lợi ích chúng sinh. Pháp Vương hiện thân lớn do chứng pháp vô vi không có lý ngã, vì không phân biệt, mà không xả bỏ việc lợi ích chúng sinh. Vì thế kia chẳng phải thể nói lên vô sinh vô tác. Ngài Thiên Thân nói: Nếu vậy theo thì gọi là hữu vật, vì chỉ có thân thanh tịnh, để xa lìa pháp hữu vi. Do nghĩa này nên, thật có ngã thể. Vì không nương duyên khác mà trụ: ý của luận ấy nói thể của báo Phật thọ lạc chỉ có thân thanh tịnh, vì như vậy, nên gọi là có vật. Cái gọi là chẳng phải thân, có hai thứ thân.

1. Chẳng phải nương thân hữu lậu của nhân gọi là chẳng phải thân của báo thân.

2. Chẳng phải nghiệp ác tạo ra thân đó, nên gọi là chẳng phải.

Trước chẳng phải thân, là chẳng bị phiền não ràng buộc, sau chẳng phải thân là , chẳng phải thân do nghiệp ác tạo ra, nên luận chép xa lìa hữu vi. Xa lìa hữu vi: là nói về báo thân Phật, chẳng phải xa lìa thân nhân duyên, vì nhân duyên khởi, nên thân này là vô vi, như nói

theo pháp thì, chẳng phải việc làm của nghiệp ác, lại tức do đây chẳng phải nghiệp ác làm, đã xa lìa biến kế chấp, thật có ngã thể không nương duyên khác vì tự nhiên trụ. Báo Thân Pháp Vương cũng như hình tượng trong gương, chẳng phải thân, nên làm thân lớn, thể đã chẳng phải thật, sao lại có sinh và thật tạo ra. Nhưng nay luận này và trong kinh Năng Đoạn nói thân là thể, thể nương vào nghĩa nhóm, gọi chung là thân, thể đồng mà tên khác. Nhưng kinh Năng Đoạn nói: Như có sĩ phu có thân cao lớn. Bản do ngài Chân đế dịch chép: Thì như có nhân thể tướng cao lớn, hai bản không khác. Thân đây theo đủ là tốt đẹp nghĩa, đây theo đủ tướng tướng phú. Đại phú: là chiều cao lớn to, bản khác đều thiếu, có tướng nghĩa không gì lớn bằng. Lại bản do ngài Chân đế dịch chép: Đức Như lai nói chẳng phải có tên gọi là có thân, ở đây chẳng phải có. Thân đầu tiên chẳng phải có, nên nói hữu thân. Đầu tiên chẳng phải có: là chẳng phải hữu lậu phân biệt. Sau chẳng phải hữu vi chẳng phải có là phân biệt, tên khác mà nghĩa đồng, nói lược là nói trong pháp đây nói về thân tự tánh, là lý Pháp thân vô ngã sở chứng pháp vô ngã. Cùng với tướng là hình ảnh trong gương của báo thân. Sai khác biệt: Nghĩa là chỉ có thân hữu lậu hữu vi, chấp khắp sở chấp thật có ngã, thân chỉ có chỗ, không phải chỉ y theo tha sở chấp hai ngã khác nhau. (745) Vì ba thân khác, nên có ba thứ này. Vì trong sở chứng pháp lý vô ngã, nên hiện báo thân hiện ra không có phân biệt, chẳng phải thân hữu lậu hữu vi, cũng chẳng phải sở thân thật ngã chấp, nên gọi là thân lớn.

Địa thứ năm là lìa vui bên ngoài mà nói về tán loạn bên trong, quyển trước có lời thuận, theo do thuận Luận bên ngoài, liền sinh tán loạn. Ở đây Đây có vui, là theo thuận cũng không trái nhau. Y theo Luận do ngài Thiên Thân dịch ở sau trong cái So sánh thứ hai chia làm hai.

- So sánh hơn kém.

- Nói lên lý do hơn kém.

Lý do hơn kém có bốn:

- Nói về chỗ ở của Bát-nhã thì nhân ở chỗ cao quý tức nhân là bố thí tôn quý bố thí Phước phải chăng?

- 2. Nói Bát-nhã Chư Phật đồng nói, chẳng phải chỉ một Đức Phật nói bố thí Phước là không đúng .

- 3. Các dụ như thế giới nói về bố thí Phước nhân nhiễm phiền não Bát-nhã không phải như vậy.

- 4. Nói Bát-nhã sẽ được Pháp thân cũng thành tướng bố thí Phước là không đúng. Tức xét luận này có ba văn, hợp quán hạnh thứ sáu cúng

đường Địa thứ bảy theo và Địa thứ năm này thành một văn. Do pháp So sánh hơn kém kia đồng, hợp thành một, đây là do quán hạnh lưu chuyển khác nhau, nên chia làm ba, luận này trong văn đầu của văn kinh có chín, như hỏi đáp v.v...

- Có năm câu hỏi đáp So sánh hơn kém, chánh phá thuận theo bên ngoài nói về tán loạn.

- Có bốn câu hỏi đáp bác bỏ như lời nói chấp nghĩa, nhưng luận chỉ giải thích Địa thứ năm văn nói về Phật bảo, trong phần đầu.đồng thời giải thích văn sau như lời nói chấp nghĩa. Bản do ngài Chân Đế dịch vốn tên sông Hằng, do dịch ở phía nam, nhân Phía Nam lấy chữ Hà làm chữ Giang, như Hà về phía Bắc, gó sông là Hà, như Hà về Phía Nam, nói Hà là sông, nói Giang cũng vậy. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Vì sao trước không nói So sánh ví dụ đây, vì lần lần giáo hóa chúng sinh giúp họ phát sinh lòng tin, vì nghĩa mâu nhiệm trên hết, lại trước chưa hiển vì sao các công đức cao quý có công năng chứng được đại Bồ-đề, vì thế do vì dụ này thành tựu công đức kia, cho nên nói lại dụ cao quý.

Trong luận chia làm hai.

- Giải thích văn bác bỏ thuận theo bên ngoài nói về tán loạn.

- Nói lên dưới đây là giải thích bác bỏ y theo lời nói chấp nghĩa, văn ở đầu chia làm ba:

- Nêu bày.

- Giải thích .tùy theo

- Giải thích .ở bên ngoài luận của thế tục cho là sâu kín, nên bị tán loạn không học tập nội điển. Nay nhân bác bỏ nói rằng: Bảy theo báu đây theo đủ như cát sông hằng, để bố thí, còn không bằng đối với kinh này dùng một bài kệ thọ trì bốn câu, nói cho nhân nghe. Luận bên ngoài mà sinh tán loạn, lại ít học nhân thường tu Phước bố thí , gọi là Luận ngoài mà tán loạn, không tu trì kinh này mà làm nhân trí tuệ, nay vì dứt tán loạn này, nên dùng tài vật ở các thế giới nhiều như cát sông Hằng để bố thí cũng không bằng công đức trì một câu rồi nói cho nhân nghe Nên trong kinh khác chép : Nếu Hằng sa thế giới châu báu đây theo trong dâng lên, cúng dường các Đức Như lai, không bằng cúng dường pháp, bố thí vật báu tuy vô lượng, nhưng không bằng bố thí pháp một bài kệ Phước còn hơn, hưởng chi nhiều như trong kinh nói, nay vì dứt tán loạn này, có văn sau nói về bên ngoài tán loạn, tức phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa đã ngăn, không cho tập học, sách luận bên ngoài, trong sáu món tán loạn là tùy ứng.

1- Nhiếp chung sở tri và phiền não chương, có bốn nhân duyên, cho thấy bên trong pháp hơn sách luận khác và thuộc về bố thí Phước.

2- Giải thích trong thích cúng dường, ngài Chân Đế, ngài Lưu-chi, ngài La-thập chỉ có trì nói. Trong kinh Năng Đoạn có năm. Đó là: đọc, tụng, thọ trì, giảng nói và tác ý, luận này chỉ có ba: là. Giảng nói. Thọ trì giải thích.

Là nói mà không thọ trì, y theo ở trước chỉ nên Trì, và nói. Hoặc mười pháp hạnh nói năm và ba. Tụng thì khác.

Chi Đề: Tức kinh Năng Đoạn nói là linh miếu, bản khác là tháp miếu. Tiếng Phạm nói là Chế-đa, có nói nói là Chi-Đề, Tột-Đỗ Ba là nghĩa Cao Hiển. Chi-Đề là linh miếu, đây là nói lên chỗ ở, là chỗ tôn quý. Khó làm, là nói về hạnh kia tương ứng với lý, nên là khó làm. Khởi niệm là có Pháp thân Phật, hoặc báo hóa thân Phật không tồn tại, thân tương tự báo thân hóa ở đây cũng nói, đây cho nên đáng tôn nặng. Đệ tử cũng như vậy. Trong kinh Năng Đoạn có ba:

1- Chỗ ở của Đại Sư.

2- Tôn nặng nơi chốn.

Có chỗ kinh này, tức là tinh xá Kỳ-hoàn.

3- Đồng phạm hạnh. Bồ-tát Thịnh Văn ở trong đó nói, v.v..điều khi giải thích kinh đã nói, nói thọ khác nhau, bản khác chỉ nói, mà không trao nghĩa.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Nghĩa này thế nào, tôn nặng hai chỗ, nhân tập chứng đại thể.

1- Chỗ đã nói là theo chỗ nào? Kinh này giúp sinh tâm tôn nặng tướng đặc biệt.

2- Nhân năng nói tùy nhân nào, năng trì nói cùng với Phật chứng các pháp, vì là nhân tác chứng. có ba

- Lấy cúng dường các tầng trời làm chỗ tôn nặng.

- Thành ít có, là nhân cao quý.

- Sau trong khởi niệm đều nói hai thứ cao quý.

Phần Pháp trong lời nói chấp nghĩa. Y theo có hai

- Kết trước hiển pháp khác lạ về trước.

- Sau sinh lại văn sau chia làm hai:

Nói Chư Phật cùng nói Bát-nhã này, không chỉ một Đức Thích-ca Như lai nói Bát-nhã này, tức gọi là tu riêng nói, mà nói riêng không đáng tôn nặng, cùng nói thì đáng tôn nặng.

- Nói không chỉ Bát-nhã là Chư Phật cùng nói, chẳng những có một nói, mà còn không có một Phật pháp, chỉ có một Đức Thích-ca

nói. Chư Phật không cùng nói, dịch rõ tất cả Phật nói Chư Phật cùng nói, chẳng phải chỉ một Đức Thích-ca nói, nên ngài Thiên Thân nói: Nghĩa này thế nào, không có một pháp chỉ có Đức Như lai nói Phật khác không nói. Lại xét luận này, phá chấp y theo lời nói chấp nghĩa giúp cho kia hiểu. Riêng tên gọi Kim cương Bát-nhã, giả đặt tên gọi là. Phật nói Bát-nhã, không thể như lời nói lại sinh chấp thật, nên nói tức là trái, còn tất cả pháp không nói mà nói, cũng như vậy, do trước lý là hơn, nên không có văn kết, đây gọi là Bát-nhã, sau giải thích nên có văn kết, trong kinh Năng Đoạn có văn kết, có thể giải thích chung sau kết, văn nói này nói về tự tướng, kết chung Bát-nhã tức phi Bát-nhã, và giải thích tướng bình đẳng Như-lai không phải có sở nói, nói lên tất cả pháp không chỉ có Đức Thích Ca nói. Đã nói là quấy, phá y theo lời nói chấp nghĩa, nên thuộc pháp môn Đệ nhất nghĩa.

Thứ sáu là trong phần nói về lìa tướng ảnh tượng trong tự tại thì không có khéo léo, thân do tâm biến ra và năm trần đồng với cảnh tướng năm uẩn, là tướng mạo ảnh tượng của tâm thức, cho nên tướng ảnh tượng do chấp thân uẩn và năm sắc trần, cho là thật có, pháp chấp liền khởi, phiền não sinh theo, nghiệp ác đã khởi, các khổ khởi theo, việc làm suy theo nghĩ đều không tự tại, gọi là không khéo léo. Không khéo léo là không thuận theo nghĩa lý, không có nghĩa trí tuệ phương tiện, chứng thần thông v.v...đều không thật có, cho nên không được tự tại, nếu quán thân cảnh, chẳng thật giả hợp. Biết là tướng ảnh tượng của thức tâm, không sinh chấp hoặc, sở duyên sở tác đều được tự tại, thuận theo chánh lý, tuệ này có công năng, gọi là phương tiện khéo léo. Cho nên trong luận Du-già quyển năm mươi bốn chép: Nói cực vi có năm thắng lợi, tức giải thích kinh này, v.v... nói các nghĩa cực vi. Nay vì lìa các chấp này, đối với tướng ảnh tượng, thân cảnh được tự tại trong đó, không có phương tiện khéo léo, nên có ở kinh sau. Quyển trước nói, vì sắc và thân chúng sinh ràng buộc trong đó quán sắc phá tướng cho nên thực hành. Sắc là nói nói về năm cảnh sắc v.v... bên ngoài, cũng là sở quán, vì có cả trong ngoài, thân chúng sinh tuy có cả năm uẩn, nay nói bốn uẩn để làm chúng sinh, vì đã nói sắc. Bác: Là nghĩa một hợp tướng, năm uẩn hòa hợp thành một nhóm thân, hợp như chứa nhóm. Thủ: là chấp đấm, nhân ngu không rõ, đây là chấp nhóm hợp thân, chấp là thật ngã thường tịnh lạc, vì chấp chặt nhóm thân hợp, nay nói thế giới cực vi, dụ cho đạo lý sâu mâu, giúp các học giả quán thân và cảnh là cực vi, biết ngã vô thường pháp không sanh khởi, bình đẳng với tương ưng với hạnh của lý này, tức là người không pháp không, giúp các chấp hoặc

đều bất sinh, là quán phá cảnh thật có các chấp, giúp khởi tưởng nên thực hành văn tư tu, nên có ở kinh sau. Tương ứng là khế hợp với đương nghĩa, tướng là nghĩa thuận, theo tâm khế hợp với lý, mâu thuận với lý, quyển trước nêu sở quán để phá, hiển bày hạnh năng phá, để phát sinh văn kinh. Quyển này nêu cảnh sở quán, không bất sinh phương tiện khéo léo thực hành dứt bỏ không được tự tại, để sinh văn kinh. Nên quyển đầu nêu mười hai thứ, đều gọi là chướng ngại, vì không sinh phương tiện khéo léo các pháp chấp và các phiền não, có cả hai chướng, đều y theo theo một nghĩa, thật không trái nhau. Bồ-tát tu hành tuy là vô biên, ở đây bàn luận sơ lược, không ngoài bốn pháp.

- 1- Phần hạnh Bồ-đề.
- 2- Hạnh Ba-la-mật.
- 3- Hạnh các thần thông.
- 4- Hạnh thành tựu chúng sinh.

Ba-la-mật, tức Ba-la-mật tịnh trụ xứ ở trước, là phần hạnh Bồ-đề, tức muốn được thân Phật là kiêu mạn ít học, là tiểu phan duyên tu đạo, v.v.. là hạnh thành tựu chúng sinh, tức không theo tán loạn, là các hạnh thần thông, ở đây là bác bỏ không phương có tiện khéo léo, là nếu có các sắc chướng ngại bên ngoài, vì không tự tại, không được thần thông, cúng dường lợi ích chúng sinh. Tuy nhân không pháp không, do đây thành đầy theo đủ, tăng thêm nói cao siêu, cũng không trái nhau. Lại, Bồ-tát tu hai món tư lương Phước đức trí tuệ, là thuộc về phước hạnh. Ba pháp kế là là chướng, nghĩa là không có Phước tư lương, ưa biếng nhác và, không thể chịu khổ, ở đây có công năng đối trị là thuộc về trí hạnh. Ba món kế là chướng: là không có trí tư lương, mà không tự nhiếp, và không dạy theo bảo, ở đây có thể đối trị là thuộc về trí hạnh. Trong mười hai thứ là chướng, bốn hạnh đầu hai hạnh cuối, đều do phát tâm. Nếu không có sơ phát tâm, kế là tiến đến làm lành dứt ác, chung riêng hai hành đều không thành lập. Cho nên đầu tiên nói phát tâm trụ xứ, kế là Ba-la-mật dục trụ xứ, mới là chướng, v.v... Tuy là Địa tiên riêng tu, các sở tu của Mười địa, phần nhiều cũng đồng với trước, nên lược qua không nói. Như Bồ-tát địa v.v... cùng nói địa đầu tiên đồng chứng đạo phát tâm thực hành bố thí và là chướng ít học, đều như nói ấy. Trong đây là nói theo tướng thô, thậm chí không có giáo thọ, ở sau sẽ riêng xét phân biệt.

Trong đây văn kinh có ba:

- Hỏi.
- Đáp.

- Kết.

Văn luận chia làm hai:

- Nêu tên phối hợp.

- Chính là giải thích kinh.

* Chánh giải thích trong kinh chia làm ba.

- Giải thích kinh chép nghĩa thế giới Tam thiên.

- Kế là giải thích nghĩa cực vi.

- Giải thích nghĩa thế giới.

giải thích thích nói nghĩa thế giới Tam thiên, vì sao không nói một thân một cảnh, mà nói thế giới. Tam thiên ,nay giải thích rằng: Lúc có chấp thân cảnh, gặp cảnh liền duyên, gặp trần liền chấp, xúc chạm hoặc khởi, không nhất định phạm vi, nên trong luận chép : Kia không hạn lượng, phan duyên tác ý. Nhưng các Bồ-tát từ mới phát tâm, thường đối với thế giới phan duyên tác ý, tu tập Duy thức, thương xót chúng sinh, cho nên trong kinh đều nói thế giới Tam thiên không bớt không thêm.

Giải thích trong cực vi.

Ban đầu là nêu, sau giải thích .

Có các nhân ngu đều chấp tướng sắc thân, ảnh tượng là thật có.

1- Hợp tướng.

2- Chấp liền sinh.

Nay vì phá đây, nói lên hai phương tiện, tiện là nhân , đồng hợp thân thô dùng tế làm nhân , nên không nghĩ nhân là thật có, gọi là bất niệm phương tiện. Lại phương tiện là dụng của tuệ trong sáng, quán thô hợp thân, cực vi là nhân , thô đã là chẳng phải thật và hợp, không nghĩ cực vi thật có, vì có tuệ dụng, tức Duy Thức chép: Vì chấp sắc trần là thật có. Phật nói cực vi, giúp họ dứt bỏ, chính là nghĩa này. Nên xét làm phương tiện tức là cực vi, hợp bụi cát của thế giới cực vi làm nhân . Lại dùng tuệ phân tích trần giới làm vi, tuệ dụng khéo léo, tức Duy Thức chép: Các sư du-già mượn tuệ tướng lần lần dứt bỏ chiết phục, thậm chí không thể phân tích, tạm nói cực vi. Bất niệm phương tiện: Là không chấp cái vi của nhân , là thật có. Niệm: Là quán sát nghĩa chấp đấm, cực vi ở đây Phật tuy tạm ví dụ, e có nhân chấp cho là thật có, nói chẳng phải cát bụi, gọi là bất niệm.

Lại Bồ-tát mượn dụ quán sát không sinh chấp đấm, là tuệ có công năng khéo léo. Cho nên trong Duy Thức chép: Chẳng phải cho rằng các sắc thật có, cực vi phá chấp kia.

Giải thích trong thế giới, có hai:

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích chỗ khó.

Vì phá tướng ảnh tượng của thân chúng sinh, trước quán phá bóng dáng của sắc uẩn sắc thân, có ở cả tình phi tình, không gọi là Chúng sinh. Nay phá bốn uẩn không có ở phi tình, nên gọi là Chúng sinh. Tuy nêu tên gọi chung của năm uẩn chúng sinh, tức là chỉ giải thích tên riêng của bốn uẩn. Ở trong thế giới, nói lên thế giới chúng sinh, nhưng do gọi tên thân là chúng sinh thế. Ý nói thế giới có ở cả tình phi tình. Nay nói hữu tình, chẳng phải phi hữu tình, cho nên như vậy. Trước nói cực vi quán sát phá sắc, tức sắc trong ngoài đều ở trong đó, nay vẫn lại nói có cả thế giới phi hữu tình. Quán sắc lại thành nặng nề, các nghĩa hữu tình có ở cả sắc, phi sắc, chỉ có thủ bốn uẩn gọi là thân, gọi là thế giới hữu tình, ở đây quán phá, tức là lựa chọn nội sắc, không ở trong đây, không như vậy theo thì thành nói hệ nặng. Trước nói Tam thiên Đại thiên thế giới, tức sắc thô, tất cả cát bụi là sắc tế. Cực vi đã nhiều, rõ trần sắc không thật, tức chẳng phải cát bụi, rõ sắc tế cũng không có thật, phá bỏ thô tế đều đã xong, cho nên biết trước nói Tam thiên Đại thiên thế giới tuy cũng đã nói bốn uẩn chúng sinh thế gian, nhưng vẫn chưa nói quán phá bốn uẩn, nay nói quán phá, cho nên trong phần lập lại kinh này nói riêng bốn uẩn gọi là Thân, gọi chúng sinh thế bất niệm là Thân phương tiện. Nhưng do sắc uẩn có thô có tế, trước nói tất cả cát bụi của thế giới, tức là nói lên thế giới thô sắc không chân thật, lại nói chẳng phải cát bụi, mới nói tế sắc cũng không thật, bốn uẩn gọi là thân đã không có thô tế, trước nói thế giới đã nói bao gồm, nhưng chưa nói về quán phá. Nay vì quán phá, nên văn sau của kinh chép chẳng phải thế giới. Bất niệm phương tiện tuy không có nhân tế, là thô phương tiện mà có thể dứt trừ, gọi là Bất niệm, quán sát bốn uẩn, hiện tại không trụ, quá khứ đã diệt, vị lai bất sinh, cũng chẳng phải thật có, khởi trí tuệ dụng, không hề chấp đắm cũng gọi là nghĩa bất niệm danh thân phương tiện, đây là kinh chép chẳng phải thế giới, ý ở đây chỉ nói, phá cả bốn uẩn, tánh chẳng thật có, do không có bốn cái tế nên thành bốn cái thô, cho nên luận chép, không còn nói tế làm phương tiện. Trong đây văn khó, có thể nương vào đây để cầu lý sâu mâu, ý Luận của ngài Thiên Thân, suy theo lưỡng lý do hơn kém có bốn, trong đây dụ thứ ba do bố thí Phước mà sinh phiền não, như có cát bụi của giới, Bát-nhã không phải như vậy, cho nên luận chép: Các Phước đức châu báu kia, là nhân phiền não, nhưng có công năng thành tựu việc phiền não, đây là nhân trì nói, xa lìa nhân phiền não, cho nên nói dụ đất như cát bụi, văn này

ý nói. Bồ thí thì vị lai đời và đời hiện tại được Phước, thế gian thành tự thể cao quý, như thế giới kia. Do Phước thế gian ấy sinh ra phiền não cũng rất nhiều, như do thế giới mà có cát bụi, do tự thể Phước thế gian này mà, thành tựu việc phiền não, cho nên có công năng sinh ra phiền não, tương ứng sở duyên, hai thứ ấy tùy đó chuyển, gọi là sự phiền não trì thuyết nầy gần thì lia bỏ phiền não, xa thì đắc Bồ-đề, nên nói giới địa cát bụi làm dụ. Phước thể của trì nói, chẳng thành tựu việc phiền não, cho nên không sinh phiền não, chẳng phải hai phước tăng thêm, không thuận hoặc, đã vậy theo thì vì sao trong kinh lại nói, tức chẳng phải cát bụi, tức chẳng phải thế giới? Luận ấy tự chép: Vì sao nói cát bụi ấy như vậy, không tham v.v... là thể của phiền não, nên gọi là địa cát bụi, thế cõi kia chẳng phải cõi nhân ô nhiễm phiền não, nên nói là thế giới, ý nói, các Vệ-thế sư của ngoại đạo, nói lúc thế giới hình thành, cực vi có thật, hòa hợp sinh theo một hạt bụi, cả ba đều thật có, cho đến xoay theo chuyển, hai đại địa hợp thành một thế giới, một thế giới thâm hợp thành, cũng là thật có thế giới, lúc hoại một phần thành nhiều, đều là thật có, khi kiếp không tan rã khắp nơi, bất sinh bất diệt, không hòa hợp nhau sinh ra cát bụi, cho nên không thấy được. Do tà chấp nầy dứt thường phiền não, tất cả sinh. Nay mượn tông kia lúc thế giới hoại sinh ra để làm ví dụ. Lại các sư Kinh bộ chấp trần thế giới chẳng phải thật, nói các bộ kia, v.v... là chấp cực vi chân thật, trong luận Tát-Bà-Đa thô tế đều thật, vì chấp đây, tranh luận liền xảy ra, tạm mượn làm ví dụ. Như cõi kia hoại cát bụi rất nhiều, nhân chấp cõi trần, sinh mê hoặc không ít, nay mượn tiểu tà, để dụ cho Đại thừa. Do bồ thí Phước mà sinh phiền não, như thế giới kia mà có cát bụi, chẳng cái ngã như các thế giới có thật nhiều như cát bụi, các thế giới trong Đại thừa hòa hợp lại thành tuệ để phân tích, thì đều chẳng phải thật có, vì giả hòa hợp, tức do Phật dụ nói các thế giới nhiều như, như nói lại chấp có thật thì cát thế nhiều như cát bụi giới thành, đồng với tiểu tà kia, cho nên đều sai, luận ấy cũng chép Ở đây nói nghĩa ấy thế nào, Phước đức ấy là nhân nhiễm phiền não ô, cho nên nói cát bụi, Phước đức gốc lành kia là cận, hưởng chi là Phước đức nầy, thành Phật Bồ-đề, có công năng và thành tướng trượng phu, trong Phước đức cao quý. Ý nói Phước bồ thí tài phát sinh, gần là nhân phiền não, giống như cõi có bụi, Phước trì nầy thuyết xa thì thành Chánh Giác và tướng trượng phu, cho nên Phước đức kia đã lập bày theo như Hằng sa, không bằng trì một câu kinh mà nói cho người nghe, nhưng bản khác đều đồng, chỉ có trong kinh Năng Đoạn và luận nầy, nói đại địa cực vi, do thế giới Đại thiên có cả giả và thật, cho

đến có cả một và nhiều. Nay nói một và nhiều làm ví dụ nên nói đại địa, Trần mới dụ cho nhiều.

- Hỏi vì sao ngài Thiên Thân giải thích So sánh Phước đức của các cõi nhiều như bụi, ngài Vô Trước giải thích các cõi nhiều như bụi gọi là phá uẩn thân chứa nhóm.

- Đáp, lý có trăm đường, nhọc gì một dấu vết. Ngài Thiên Thân y theo giải thích nghi để rõ nghĩa, thành Phước đức để nói văn. Ngài Vô Trước y theo thứ lớp trình bày theo tông, nói quán kia mà trình bày theo lý.

Đầu tiên quán có khác, lại xét không trái, lại có hai thứ không khác nhau, ngài Thiên Thân chỉ chung, ngài Vô Trước giải thích riêng, ý ngài Vô Trước nói, vì sao Phước tài thí là nhân phiền não? Nghĩa kinh trình bày theo đủ, nên có nói này: Nghĩa là do tài thí cảm chiêu quả năm uẩn, sắc có cả tình phi tình, bốn uẩn chỉ có ở tình, phàm phu không đạt được, cũng quán giả tướng đồng chấp hợp lại trong đó, chấp là thật có, khởi ngã thường, v.v... các thứ phiền não như, do đây mà sinh tử trôi lăn không cùng, cho nên chẳng có phương tiện khéo léo không được tự tại. Nay nói giới trần dùng làm thí dụ, giúp quán sát do Phước bố thí mà được quả thể, là phương tiện không được tự tại, hợp lại mà nói là giới trần, dùng làm thí dụ, giúp cho quán sát Phước bố thí, tất cả bóng dáng của tánh trong ngoài sắc thô tế và bốn uẩn trong thân, đều chẳng thật có. Không nên đối với đó chấp chặt sinh mê hoặc, vào ra lên xuống trong sinh tử, nên được phương tiện khéo léo, được tự tại, ở đây trình bày giải thích riêng, khuyên nên khởi lý mâu tương ứng này, văn tư tu thực hành quán sát, thế giới chẳng đúng phải nương theo tu học, cho nên luận ấy nói không trái với đây, lại có hai thứ không phân biệt, tâm ngài Thiên Thân nói chung, Phước do bố thí sinh v.v... là hữu lậu, là nhân phiền não, Phước trì nói là vô lậu, chẳng phải nhân phiền não. Ngài Vô Trước ý nói, bố thí sinh Phước do tự thể năm uẩn, còn chẳng thật có, hướng chi làm nhân cho các phiền não, trì nói không phải như vậy, trì nói sinh Phước là quả của pháp thân, đã là thật có, hướng chi có thể diệt tất cả phiền não, chẳng phải nhân phiền não, cho nên phước trì thuyết, hơn cả quả tài thí.

Địa thứ bảy theo là lìa không đủ Phước tư lương, hễ tu chánh đạo, Phước tuệ đều tu. Luận Trang Nghiêm nói Phước đức trí tuệ hai món tư lương, Bồ-tát khéo tu mé vô biên, đối với pháp tư lương khéo quyết định, mau chóng giải thích ý nghĩa như lời nói, nên thiếu Phước đức, chẳng phải chân thật tư lương, do có các pháp chấp san tham, không

thích bạn lành, không thực hành cúng dường, lại không gặp Chư Phật, nhân của thiếu Phước đức là lia chướng này, nên có kinh ở sau. Ở đây nói do ngu si san tham, thiếu thực hành nhân Phước đức, quyển trước nói do tuệ ngộ không, tham, sân v.v..., vì thế ưa gặp bạn lành, gần gũi cúng dường, thực hành chánh hạnh, có văn kinh ở sau, cho nên cúng dường hầu gần Đức Như lai, cũng không trái nhau, ở đây nhiếp cả hai hạnh.

- Đầu tiên gần gũi bạn lành, tức là hầu hạ Đức Như lai.

- Cúng dường Chư Phật tức cúng dường Đức Như lai, gần gũi cúng dường gieo trồng các gốc lành, gieo trồng Phước đức.

Thế nào gọi là gần gũi bạn lành.. Trong kinh Thiện Giới chép: Giới không có thiếu kém, học rộng tu chứng, buồn thương không sợ, chịu đựng không mỏi mệt, lời lẽ nói, gọi là tướng bạn lành, câu lập bày theo lợi lạc, đối với đây chánh trí có công năng, khéo léo phương tiện lợi ích không bỏ đại bi, không nghiêng lệch, không bè đảng, gọi là bạn lành, việc làm không luống uổng, oai nghi đầy theo đủ, lời nói hành vị nghiêm túc, không mỏi mệt, không ganh ghét, cần kiệm chứa để làm được việc gì đều xả, khuyên can nêu ra giúp cho nhớ nghĩ, dạy theo trao chỉ bảo, có thể cho họ nói pháp nghe, đây gọi là bạn lành, có thể làm chỗ nương. Đáng kính tin Đủ ba tướng trên, nên gọi là bạn lành, hưởng chi Đức Như lai, có bệnh vô bệnh, kính mến hầu hạ, đưa ra câu hỏi kính lễ, tu nghiệp hòa kính, bốn việc giao vật đúng thời không thiếu, lại nương vào việc để hỏi, theo câu hỏi mà không dao theo động, gọi là gần gũi, do vì nghĩa này nên, kinh gọi là cung cấp.

Thế nào là cúng dường Như lai, có mười việc cúng dường:

- 1- Hiện tiền.
- 2- Không hiện tiền.
- 3- Hiện tiền không hiện tiền.
- 4- Tự
- 5- Tha.
- 6- Cả tự lẫn tha
- 7- Tài kính.
- 8- Rộng lớn.
- 9- vô nhiễm.
10. Chánh hạnh cúng dường.

Điều rộng như chín nhân cúng dường tu Phước của Địa tiền Bồ-tát, thứ mười một là tu nhân tu trí, làm nhân tu Phước, lúc gần gũi cúng dường Như lai, chớ chấp các tướng cho là Như lai gần gũi cúng dường,

vì pháp thân Như lai là chân Phật thật, trong kinh Vô Cấu Xưng chép: Đức Phật hỏi ngài Vô Cấu.

- Thế nào là quán Đức Như Lai?

- Như kia nói rộng quán Đức Như lai, ở đây cũng nên như vậy.

Luận do ngài Thiên Thân soạn, có bốn nhân duyên, So sánh hơn kém, đây là trì nói đặc Bồ-đề thứ tư, cho đến các tướng bố thí Phước không phải như vậy. Trong luận chép: Vì sao nói Phước đức của trì thuyết kinh này sẽ được thành Phật Bồ-đề, và thành tướng trạng phu, vì trong Phước đức cao quý, thí Phước không phải như vậy, lại Phước này hàng phục thí Phước, cho nên Phước của kinh trì thuyết, là gần gũi nhất, cao quý nhất, ý nói trì thuyết tuy được các tướng, các tướng tuy chẳng phải thể của Bồ-đề chân thật, không nên chấp làm tướng Như lai chân thật, cũng đồng với luận này vì ngoài gặp duyên lành, gần gũi cúng dường Như lai, cho nên lúc trì nói kinh, không nên chấp các tướng cho là chân thân của Phật, thân ba mươi hai tướng cõi, chẳng phải thể tướng pháp thân, tức là nói trì nói được ngoài hiện các tướng chân thật pháp thân Bồ-đề và trì nói, sẽ được Thánh đạo Năng Đoạn trì Phước, thì Phước bố không như vậy, cho nên trì nói cao quý còn Phước bố thí là kém.

Văn kinh chia làm hai: là hỏi và đáp:

Văn luận chia làm hai.

Nêu tên phối hợp với giai vị.

- Giải thích ý nên biết, diệu thể của Phật là pháp thân, không nên chấp tướng cho là chân Phật thật.

Thứ tám là lìa biếng nhác, ưa lợi dưỡng: Nếu tu tư lương, phước kế là nên tu nhân Phước, nếu đời đương lai gần gũi cúng dường Như lai thì đây theo đủ Phước tư lương, cho nên khi giữ giới nói kinh nên lìa biếng nhác buông lung và các lợi dưỡng cung kính mà phải thường siêng năng thực hành không buông lung, không nên chấp các lợi dưỡng cung kính, cho nên trì nói kinh này, để tu nhân Phước. Nếu đối với biếng nhác và các lợi dưỡng mà sinh ưa thích và vị ham muốn, thì không thể thực hành trì nói cao quý, đời đương lai không được gần gũi cúng dường Như lai, trí tư lương kia lại không đầy theo đủ. Đây là nói các lợi dưỡng, tức quyền trước nói. Vì xa lìa lợi dưỡng mệt mỏi nóng bức, đối với tinh tấn hoặc lui sụt hoặc không tiến tu, cho nên trong kinh chép . đây là nêu biếng nhác, các chấp đối với tinh tấn hoặc lui sụt, hoặc không nhấc chướng, và nêu trong lợi dưỡng sinh duyên ưa vị, đồng chấp với duyên mệt mỏi và nóng bức, đâu là do ưa vị cúng dường, và lúc siêng năng,

thân có mệt mỗi nóng bức làm duyên, bèn lui sụt tinh tấn, đâu chẳng ở không lui sụt, rồi không phát khởi tâm tinh tấn. Nếu Luận đều có buông lung, buông lung là không phát tâm tinh tấn, hợp lại có ba duyên bốn chương. Ba duyên là

- 1- Lợi dưỡng thuộc cung kính.
- 2- Thân mỗi mệt.
- 3- Tâm nóng bức.

- Bốn chương là:

- 1- Biếng nhác.
- 2- Lui sụt. Tức chẳng được.
- 3- Buông lung.
- 4- Ưu vị tức tham ái.

- Lại có bốn hạnh.

- 1- Tinh tấn.
- 2- Không lui sụt liền được.
- 3- Không buông lung.
- 4- Không tham chấp đắm.

Luận thì, lại có tâm hổ thẹn thành năm. Sáu do phá chương kia, vì nói hạnh kia, có văn kinh. Ở sau luận của ngài Thiên Thân chép: Dưới đây văn kinh chép trong Phước này đức kia, Phước càng cao quý, dứt bỏ thân mạng, quý nặng ở chỗ xả bỏ của cải châu báu So sánh hơn kém, giúp bố thí tài vật cao quý, tâm xả bỏ vô lượng quả Phước báo của thân mạng như vậy, đây là Phước trì kinh hơn Phước kia, nhưng vì xả bỏ thân mạng thân tâm khổ, Phước còn vô lượng, huống chi vì pháp bỏ nhiều thân mạng, mà Phước không nhiều? Phước kia tuy nhiều, cũng không bằng Phước trì kinh chép kinh, Nhân của Vô Thượng Bồ-đề, giúp cho Phước kia, vì thế muốn vì đời đương lai gần gũi cúng dường Đức Như lai gieo trồng Phước tư lương. Đối với kinh này, thọ trì giảng nói, chớ sinh biếng nhác, do Phước thọ trì giảng nói, còn hơn bỏ nhiều thân mạng, vì nhân Bồ-đề, vì nói đủ tư lương cầu Phước, vì nghĩa này nên có ở kinh sau.

Văn chia làm ba:

- Hỏi để So sánh.
- Buồn khóc để đáp.
- Sau ẩn khả để nói.

Văn luận chia làm hai.

- Nêu tên phối hợp.
- Giải thích văn kinh.

Giải thích kinh cũng có ba, ở đây nói về chỗ nào. Văn giải thích câu hỏi nên biết, vì sao trong đây ở sau giải thích hai văn khác, hợp lại có năm:

1- Giải thích ý rơi lệ.

2- Phá tướng như nghĩa.

3- Phá đắm vị lợi dưỡng có lỗi biếng nhác, sinh tâm hổ thẹn và lia lui sụt để tinh tấn.

4- Vì lia không phát khởi tinh tấn.

5- Khuyên không buông lung sinh hổ thẹn thứ hai.

Ba thứ đầu ở trong lời đáp, hai thứ sau trong nói lên .

1- Trong giải thích rơi lệ, vì nghe pháp công đức còn hơn bỏ nhiều thân mạng, cho nên thành rơi lệ.

Ngài Thiên Thân nói: Nghĩa thân khổ, nên sinh buồn khóc, tức nói bỏ nhiều thân khổ không bằng nghe pháp nghe kinh sâu mầu, cảm kích sinh tâm buồn thương, không nghĩ đến khổ kia, mượn làm ví dụ. Văn luận thiếu ít, lý phải như vậy, không nên đối với việc đó vọng sinh xuyên tạc. Ngài Thiên Thân nói: Ngài Thiện Hiện tuy có mắt trí, thuở xưa chưa được nghe, cho nên ít có. Nói Thịnh Văn có mắt trí v.v... vì sao lại ít có. Vì pháp môn này là bậc nhất, vì thành Đệ nhất nghĩa ít có này, nên dẫn ở trên đã nói thắng nghĩa thành tựu. Nói Phật nói Bát-nhã v.v... Vì sao? Vì nói Bát-nhã, trong năm thứ bờ kia là bờ kia trí, Chư Phật cùng nói. Chẳng phải Phật thì không ai có khả năng So sánh với bờ kia trí, cho nên sai. Chứng minh kinh là trên hết, giúp sinh siêng năng tu học, bản khác phần nhiều đồng, chỉ có kinh Năng Đoạn , khen Phật như đã nói: Đức Như Lai Ngày nay phát khởi thừa tối thượng tốt đẹp, làm các nghĩa lợi. Bản khác đến sau vì lia vắng lặng mới có văn này, cũng là nhân tụng khác nhau, ở sau tự giải thích . Ngài Chân Đế và Lưu-chi, cho đến luận này đều có nói lại ở đây. Phật đồng với Bát-nhã, luận do ngài La-thập dịch và kinh Năng Đoạn hai bản đều không, có do nhân tụng giản lược.

2- Phá tướng như nghĩa trong đó có hai.

- Phối hợp giải thích văn ở đầu lia lỗi.

- Giải thích phá chấp tướng thật, trí tướng thật chứng là pháp là lời nói, như lời nói lại chấp có thật nghĩa, chẳng phải tướng thật, phá nghe trước nói sinh chấp thật luận này, kinh Năng Đoạn , ngài Chân Đế đều nói tướng thật, ngài La Thập, ngài Lưu-chi đều nói thật tướng. Thật tướng là sở thuyết của kinh, thật tướng mới chứng được chân trí thật, nhân tụng có khác sau giải thích phá chấp thật tướng, tức thật tướng

này, vì chẳng phải thật tướng. Nói chẳng phải thật v.v... là phá chấp đấm. Ngài Thiên Thân giải thích Pháp môn này khác nhau. Trong đây có thật tướng, giải thích này trước nói Phật nói Bát-nhã, chẳng phải nghĩa Bát-nhã của nhân. Khác: Là chẳng phải thật tướng, ngoài Phật pháp, các chỗ khác không có thật tướng. Vì chỗ kia không hề có thật tướng, không hề sinh lòng tin. Phật đã nói nơi chỗ là do có thật tướng, thật tướng lại sinh, chẳng phải Phật nói chỗ. Đã không có thật tướng, thật tướng lại bất sinh. Nếu vì tụng kinh này, có tướng tướng khác. Ngài La Thập nói: Thật tướng là thế nào? lại có thể nói sinh, nên xét kỹ.

3- Phá đấm vị lợi dưỡng có lỗi biếng nhác trong, sinh tâm hổ thẹn là lia lui sụt tinh tấn chia làm bốn.

- Lập lại kinh, giải thích ý.

Hiện bày tướng sinh hổ thẹn, giải thích không có hai chấp, sau giải thích thành lia lui sụt tinh tấn, ý văn dễ hiểu. Đây ở lập lại kinh rằng: Hoặc phân biệt hoặc tin hiểu trong văn sau, giải thích kinh khác đều không có, chỉ một bản này có. Ngài Thiên Thân nói: Lại pháp môn này chắc thật sâu mầu. Vì sao? vì thọ trì kinh này, suy theo lương tu tập, không khởi các ngã tướng, do kinh sâu mầu, đời đương lai có thọ trì, lại không có ngã tướng. Trong đây, phối hợp riêng với văn kinh không có hai ngã tướng, luận kia khác, không khởi các ngã tướng, chỉ bày theo cảnh giới sở chấp không có tướng điên đảo. Các tướng như ngã v.v... tức là phi tướng: Là chỉ bày theo cảnh giới năng chấp không có tướng điên đảo, hai pháp này là nói chung ngã không, pháp không, không có ngã trí, đời đương lai trì kinh sẽ sinh hai trì này, cho nên hội hai luận.

- Giải thích nghĩa kinh, do Phật chứng thành nghĩa này rằng: Vì sao? Vì lia tất cả tướng, thì gọi là Chư Phật, nên hợp thành một văn, nay ở đây chia làm hai. Trong kinh Năng Đoạn chép: Nếu đời đương lai sau này thời gian sau chia ra sau năm trăm năm chánh pháp sắp diệt, thời phần chuyển. Ngài La-thập dịch đồng, tức là lúc hành pháp sắp diệt. Vì sao hai giải thích trước trì kinh và giảng nói, đều là hạnh. Mười môn pháp hạnh đều nhiếp hết, đến thời Mạt pháp, không có hạnh này, không cần làm câu hỏi, khi chánh chứng có hạnh không nghi. Hành pháp mới hưng thịnh có hạnh không mê hoặc, cho nên nói hành pháp khi sắp diệt, bản khác đều sơ lược, nói chứng là đời đương lai, chép rằng luận này, đời đương lai một khi thọ trì. Ngài Lưu-chi, ngài La-thập nói có hai: Tín hiểu và thọ trì. Tín hiểu là trong mười pháp hạnh hạnh lắng nghe. Bản của ngài Chân đế có ba: Cung kính, thọ trì, giảng nói cho nhân nghe. Cung kính tức thân cúng dường. Trong kinh Năng Đoạn cũng chép:

- 1- Lãnh ngộ, tin hiểu lắng nghe.
- 2- Thọ trì.
- 3- Đọc tụng.
- 4- Tụng rồi nghiên cứu thông suốt.
- 5- Giảng nói cho nhân nghe.
- 6- Đúng như lý suy nghĩ.

Tụng có lược và rộng, giải thích là lia lui sụt để tinh tấn, trong chia làm ba.

- Giải thích kinh phật chép : Lia tất cả tướng giúp cho Bồ-tát học tướng gọi là chấp tướng, vì nhân của lời nói, nhân của phân biệt, là một tướng đảo trong bảy theo thứ đảo, tương đương với tướng đảo. Tướng này phân biệt thành rộng.

- Giải thích sinh khởi.

- Giải thích văn thứ ba ở trước trong đó kinh chép hoặc phân biệt hoặc tin hiểu, v.v... Ngài La-thập, ngài Lưu-chi nói: Tin hiểu thọ trì, ngài Chân Đế chỉ nói tin hiểu. Trong kinh Năng Đoạn chép: Lãnh ngộ và cũng không phải thọ trì. Ở đây nhắc lại kinh không có trong giải thích, đã giải thích nghĩa thọ trì, cho nên nhiếp tức trì, lẽ ra nói trì nghĩa là nhiếp, văn truyền viết lầm. Tin hiểu tức là phân biệt, câu sau giải thích câu trước, bốn câu vì lia không phát khởi tinh tấn. Một khi đã lui sụt rồi không phát nữa, cả hai cũng không bao gồm chưa phát chia làm hai.

- Phối hợp kinh giải thích ý nên biết.

- Sau đối với Thịnh Văn Thừa ở dưới giải thích các nghĩa như kinh sợ, v.v..., kinh này chỉ nói hai thời pháp luân. Là Tiểu và Đại

Đại: là xe của vua chúa.

Tiểu: Là xe lừa, nên nói không hữu đều là Thịnh Văn Thừa, trong không vô ngã thể có pháp ngã thể, nên biến hóa hồi tâm mà nói kinh đây, nên kia đối với này, nghe mà không kinh sợ, v.v... hai giải thích nên phân biệt biết, xem văn kinh này, không phá hai tánh y tha và Viên thành. Ngài Long Thọ thì không như vậy, cho nên ngài Thiên Thân nói: Nghĩa chẳng phải chỗ sinh sợ sệt, nên gọi là Kinh sợ, do tâm đáng quở trách, nên chẳng phải như hạnh chánh đạo. Nghĩa là thể tánh Bát-nhã này, là ác chẳng phải chỗ đạo lý, chỗ đó đáng quở trách chẳng phải hạnh chánh đạo. Cho nên kinh sợ kia mà nói rằng. Bồ: Là tâm thể sợ sệt, đều do không thể dứt tâm nghi. Nghĩa là nghe kinh này tuy chẳng phải rất ráo, nên không thể dứt nghi. Nghi chẳng phải tốt đẹp nên sợ kia nói rằng: Chử úy theo là một bề sợ sệt, tâm ấy hoàn toàn rơi vào nghi ngờ sợ sệt. Nghĩa là nghe kinh này hoàn toàn sinh sợ, e rằng theo tu học

sẽ đọa lạc, lia ba việc ấy, gọi là không kinh không sợ không lo, các bản khác đều đồng. Trong kinh Năng Đoạn chia kinh sợ làm ba:

Hợp bố úy theo thành một cũng chỉ nói ba.

5- Khuyên không buông lung, sinh hổ thẹn thứ hai, trong ấy chia làm ba.

- Nêu lên phối hợp với kinh.
- Nói về khuyến tướng.
- Giải thích văn kinh.

Trước trong điều thứ ba đã khuyên lỗi đắm vị lợi dưỡng biếng nhác các Bồ-tát sinh tâm hổ thẹn. Nay điều Địa thứ năm lại khuyên không khởi tinh tấn, nên Bồ-tát sinh tâm hổ thẹn, vì vậy theo gọi là thứ hai sinh chỗ hổ thẹn, phối hợp với văn này, nói Ngày nay Bồ-tát hổ thẹn ở tâm. Trong khuyến tướng nói: Pháp này cao siêu như vậy, các thầy theo không nên buông lung mà không học. giải thích khuyên hành tướng hổ thẹn, giải thích trong văn kinh, là nói lên sáu Ba-la-mật và Ba Tạng giáo cao siêu đều là hạnh sở thuyên, đều đến bờ kia, kinh này tuệ độ là hành vô tướng, là đạo cao quý, sẽ đến Bồ-tát, các độ khác không bằng là, pháp bậc nhất của Phật nên gọi là bậc nhất, chẳng phải mà người khác biết bậc nhất. Hai nghĩa của ngài Thiên Thân giải thích nghĩa bậc nhất, pháp đây hơn Tu-Đa-La, lại là nhân lớn nên gọi là bậc nhất, do chánh đồng với ở đây, chẳng những Phật Thích-ca của ta bậc nhất, vô lượng Phật kia cùng nói đệ nhất, vì đồng nói, nên đáng tôn đáng nặng, tối thắng bậc nhất nên ngài Thiên Thân nói, Pháp môn này gọi là Thanh tịnh. Do vô lượng Đức Phật nói. Thanh tịnh là nghĩa lia lỗi, nghĩa tự tánh tịnh, thuận theo lia lỗi vì chứng tánh tịnh. Do đây bỏ các thứ châu báu v.v..., cho nên đây là cao quý, đây đồng với ngài Lưu-chi hai bản của. Trong kinh Năng Đoạn đầu tiên nói rõ cộng nói, sau nói rõ chẳng phải người khác bậc nhất, nên gọi là Bậc nhất. Trong bản của ngài Chân Đế nói không có gì chẳng phải bậc nhất. Trong bản của ngài La-thập chỉ có đầu tiên, sau đều có chung. Thế của văn sau tuy ít, giải thích cũng có thể được.

Thứ chín. Là lia không thể nhẫn khổ. Đã mong phước vị lai, bèn tu nhân phước, khuyên cố gắng tuy thành nhưng phải có khả năng chịu khổ. Nếu tu chánh đạo, không nỡ hại nhân, không thể chịu đựng lạnh nóng mỗi một, sinh già bệnh thì, tuy siêng tu đạo, lại đồng với Hai-thừa, hoàn toàn nhập vào vắng lặng, cũng không có quả Phước cho nên không thể chịu đựng, đường khổ sinh tử luân hồi, không thể bỏ sinh tử, mê đắm Niết-bàn, không phát đại ý. Nếu không nỡ hại, thì trái với

mình, lại sinh tâm tức giận, không thể nhiếp thọ, cũng không có tướng tốt, bốn chúng tám bộ đồng với tất cả quyến thuộc. Nếu không thể chịu mỗi một thọ dụng khổ, không thể siêng năng, thường sinh thất bại lui sụt. Nếu không thể nhẫn nại, thì hai đế lý của Phật không thể thuận học, Phước cao quý để thành Phật làm sao được sinh, cũng không thể chứng lý sâu mầu, cho nên không thể nhẫn nại tức là tức giận biếng nhác ngu si, thuộc cả hai chương, chẳng phải gặp duyên lành tu Phước cao quý, nên nhẫn nại được, tức là không có tuệ tinh tấn chân thật, xét ba nhẫn tánh của tuệ, chịu đựng sinh tử và thiếu thọ dụng, vì đều tinh tấn, trợ giúp duyên lành của nhân Phước cao quý. Luận văn chia làm hai.

- Nêu tên gọi thuộc về kinh.

- Giải thích nghĩa kinh.

Trong đây là lìa không chịu được khổ, nêu sở tri chương, nói lên công năng tu hành, quyển trước chỉ nói là nhẫn khổ, nhưng nói được ý chánh hạnh, để phát sinh văn sau. Luận của ngài Thiên Thân chép: Rộng cũng là dứt nghi. Vì sao hỏi điều nghi, nói bỏ thân khổ, để bỏ thân kia, quả báo thân khổ, mà Phước kia kém, y theo theo pháp môn này thọ trì giảng nói thực hạnh hạnh khổ của Bồ-tát, khổ hạnh ấy cũng là quả khổ, làm sao pháp môn này, thân quả báo Phước cao quý, mà không chiêu cảm các quả khổ sinh tử, ý nói ở văn sau. Trước là bỏ thân mạng, không thể chịu khổ, nên chiêu cảm Phước kém, vì pháp bỏ thân, mới chịu được khổ, nên chiêu cảm Phước tốt, ngài Thiên Thân nghi khởi từ trước, luận này chân thật giải thích văn sau, mỗi việc y theo kinh kia, lý không trái bỏ.

Giải thích nghĩa kinh, chia làm hai:

- Nêu bốn khoa, nói về kinh sau. Kinh cũng chia làm bốn.

- Sau y theo theo nêu bày giải thích có bốn thứ.

1- Như điều nhẫn được như chỗ đối với thể năng nhẫn của chân cảnh. Luận giải thích : Do thông đạt được pháp vô ngã, hoặc nhẫn được pháp năng nhẫn. Đối với cái có thể thực hạnh gọi là Sở đối, điều gọi là năng cảnh. Năng là năng hành, như thể năng nhẫn của cảnh sở đối, gọi là như sở năng nhẫn, tức là thể tánh của nhẫn.

2/- Dùng tướng nào để sinh ra nhẫn, ở đây có hai:

a/. Tướng trạng nhẫn, lấy gì làm tướng, nghĩa là không có sự tức giận.

b/. Nhẫn điều phải nhẫn, dùng pháp gì làm chỗ sinh nhẫn, tức là dùng chỗ nhẫn khác và tất cả pháp khác, mà làm chỗ sinh nhẫn, đó gọi là ở chỗ khác nhẫn tức gọi là không tức giận, ở chỗ không có các độ,

chẳng sinh tướng hữu vô, đây là quán sát kỹ pháp nhãn. Thế là tuệ xét, sơ lược không có an nhãn chịu khổ.

3/- Như nhãn có khác nhau, tức các thứ nhãn. Các thứ nhãn là nghĩa tương tự, nêu chỉ trước sau sở hành nhãn độ, để nói về hạnh nhãn, gọi là nhãn khác nhau.

4/- Nói về đối với hạnh nhân duyên kia, nhân duyên là nghĩa sở do của đạo lý, bị ba khổ ép ngặt, là sở do của đạo lý không thể nhãn. Nay nói hạnh nhãn là có thể đối trị, là sở do của đạo lý không nhãn được.

Theo trong vào nêu lên giải thích bốn pháp.

Đầu tiên giải thích như sở năng nhãn, có hai:

- Hiển bày .

- Thuộc về nghĩa đầu của kinh này, ý hỏi thế nào là chân thật cảnh sở tri mà thực hành Năng nhãn. Năng nhãn là tâm cầu tuệ không vô sân v.v... vô sân này như pháp sở chứng kia là lý cảnh vô ngã, mới có thể nhãn được. Cảnh đã vô ngã, thì tâm nhãn cũng làm sao có ngã cho nên có thể nhãn vô sân đồng tu lý vô ngã, là cảnh sở tri. Ở đây dịch văn lược chỉ nói năng nhãn. Nên nói thế nào là như cảnh sở chứng mà làm năng nhãn, nghĩa là pháp vô ngã, kinh trong Sần-Đề Ba-la-mật, mới chánh nói về thể năng nhãn. Luận do Thiên Thân soạn chép: Tuy đây là hạnh khổ do quả khổ, mà hạnh khổ này không sinh mỗi một, vì có nhãn độ gọi là bậc nhất, trước xả thân khổ bèn sinh mỗi một, không gọi là Nhãn độ, vì chẳng phải bậc nhất. Ba-la là nghĩa bờ kia, bờ kia có năm điều.

1. Trì, 2. Giáo, 3. Lý, 4. Hạnh, 5. Quả. Cùng tận năm pháp này, gọi là đến bờ kia. Y theo kinh Hoa Nghiêm phẩm Hồi hương, có mười thứ bờ kia:

- 1- Độ sinh tử thế gian bờ kia thường
- 2- Độ các ấm bờ kia
- 3- Độ ngôn ngữ đạo bờ kia.
- 4- Độ chúng sinh tướng bờ kia.
- 5- Độ thân kiến bờ kia.
- 6- Độ bất kiên cố Bờ kia.
- 7- Độ các hạnh Bờ kia.
- 8- Độ các cõi Bờ kia.
- 9- Độ các chấp Bờ kia.
- 10- Độ các pháp thế gian bờ kia.

Mười Bờ kia này chia làm ba, thứ ba độ ngôn ngữ là giáo, Địa thứ

bấy theo độ các hạnh là hạnh, tám bờ kia còn lại đều là sở tri Bờ kia, dùng quả Phật làm ngạn này, nên nói là Bờ kia, sơ lược không có lý quả. Luận do ngài Thiên Thân soạn chép: Bờ kia có hai thứ.

1- Gốc lành thanh tịnh thể hạnh bờ kia.

2- Bờ kia công đức không thể lường tức quả bờ kia. Kia là do sinh tử mà làm bờ này, nên nói hai. kinh chép Nhẫn Nhục Ba-la-mật lặp lại hạnh nhẫn, tức chẳng phải nhẫn nhục Ba-la-mật. Luận kia chép. Không có kia của nhân năng tri và Bờ của công đức, nên nói tức phi. Cho nên thứ nhất ý nói nhẫn hạnh bờ kia, người khác không biết nhẫn hạnh sở đắc quả công đức bờ kia, vì vậy theo người khác chẳng thể đến được, cho nên nói tức chẳng phải nhẫn nhục Ba-la-mật, là chỗ người khác đến được, nên nói tức chẳng phải nhẫn Ba-la-mật, người khác không biết nên gọi là thứ nhất. Các bản chỉ có phi mà có thị để biết, trong bản Năng Đoạn có, là cũng không có ngại y theo cái khó, các bản phần nhiều vô, y theo ở trước phần nhiều thì có.

- Kế là trình bày theo giải thích, thứ hai là dùng cái gì sinh ra sở nhẫn, có hai:

- Giải thích tướng.

- Phối hợp với kinh.

Giải thích tướng trong đầu tiên hỏi, sau đáp. Đáp có ba câu:

1. Người khác hại vô sân làm tướng, vì như lý cảnh, v.v... Bồ-tát Địa nói: Nếu bị người khác làm hại nên khởi tâm nhẫn, trước nghiệp ngã này nên khiến cho người hại. Nay nếu không nhẫn, lại tăng thêm nhân khổ, lại buồn thương đã thành khổ tự trói buộc. Lại tự tánh của thân khác đều là hành khổ, họ không biết ghét hại thân ta, ta đã có biết, đâu ghét khổ kia. Người hai Thừa tự lợi còn chẳng làm khổ người ta đã lợi nhân thì nên chịu đựng người hại, suy theo nghĩ như vậy rồi nên tu năm tướng.

1- Thân thiện tướng.

2- Duy pháp tướng.

3- Vô thường tướng.

4- Hữu khổ tướng.

5- Nhiếp thọ tướng, mình không trả thù người cũng không phiền não tuôn chảy theo nối nhau, nên đối với oán hại đều nhẫn chịu được, đây là đối với bốn quán, vì quán nhân duyên, cũng nên suy theo nghĩ. Trong Duy Thức chép: chân như quán vô tướng, v.v... luận này chỉ nói vô tánh, vì vô sanh nhẫn pháp là vô ngã. 1/Nếu người vô ngã tức là thứ hai chỉ có Pháp tướng.

2/- Đối với Nhẫn độ sinh hữu tướng: Nên họ chấp đấm tu tập.

3/- Đối với chẳng phải nhẫn Ba-la-mật không sinh vô tướng vì bác bỏ vô thể, không dứt không tu, không hân không nhàm, không lợi không lạc, nương hai nhẫn sau, độ để quán sát pháp nhẫn, tuệ xét thành tánh, ở sau phối hợp trong kinh. đầu tiên hỏi, sau là thuộc.

1. Vô ngã tướng.
2. Vô tướng, vô hữu tướng.
3. Phi vô tướng, chẳng không tướng.

Như kế phối hợp với ba tướng trước, đối với ba cảnh sử sinh, gọi là ba nhẫn tướng. Nên biết lấy tướng nào sinh ở chỗ nhẫn. Trong đây tuy dẫn ra vua ca-lợi, v.v... y theo văn thứ lớp mà dẫn ra nói lên, ý nói không có ba tướng gọi là nhẫn tướng, không giải thích vua ca-lợi. Lại giải thích vua ca-lợi: Tức người oán hại, sinh ra chỗ nhẫn cũng là chánh dẫn, lược nêu không có hai chỗ còn lại, lý cũng không mất, làm cho nghĩa thêm rõ, khuyến khích tu học, sau dẫn ra giải thích. Luận do ngài Thiên Thân chép: Cho nên làm được pháp thứ nhất, khổ hạnh này hơn xả thân kia, kết luận nhẫn nhục Ba-la-mật ở trước tức chẳng phải văn Lại nói: Huống chi lìa ngã đồng với tướng tức giận, đây là giải thích sự Vô Ngã. Lại nói: Hạnh này không khổ, chẳng những không khổ mà còn có vui, vì có từ bi. Như trong kinh, cho đến vô tướng cũng phi vô tướng, ở đây nói tướng ứng tâm từ bi. Ý luận kia nói: Vì không có tướng khổ. Trong kinh chép vô tướng do có từ bi, có tướng vui, kinh nói cũng phi vô tướng, nói vô tướng là tướng ứng với tâm từ bi, hơi khác với ở đây, lại ở đây không có khác nhau, vì đối với nhẫn độ sinh có tướng khổ, nói phi vô tướng, đối với chúng sinh v.v...không ngoài phi Ba-la-mật mà vô tướng không cứu giúp không hóa độ, do thấy chúng sinh khổ mà thực hành cứu vượt tướng ứng với vui, khởi tâm từ bi, cho nên cũng phi vô tướng chính là đồng với đây, lại có giải thích khác, đây là ba nhẫn, không có ngã tướng, chịu đựng oán hại nhẫn, vô tướng là an vui chịu khổ nhẫn, không thấy tướng khổ, cho nên có thể an nhẫn phi vô tướng. Quán xét pháp nhẫn, bác bỏ là vô, đây là tà kiến. Nhưng theo kinh Năng Đoạn, đây là không có ba tướng hai chỗ đều có.

1- Vua Ca Lợi trở xuống.

2- Năm trăm đời v.v...trở xuống, bản khác chỉ có ở vua Ca-lợi trong văn Phạn có đủ, đạo lý quyết định như vậy. Vì sao năm trăm đời v.v...trở xuống mà không có hai tướng còn lại, chỉ có tướng vô ngã, biết cho nên bản còn lại dịch giả lược bỏ, hoặc lại nhân tụng khác nhau, lại Luận Vương này gọi là Ca-lợi. Ngài La-thập, ngài Lưu-chi nói Ca-lợi,

ngài Chân đế nói Ca-Lăng-già, trong kinh Năng Đoạn nói là Yết-lợi, lời khác mà tên đồng, ở đây nói là nhẫn khổ hại.

Kế là giải thích thứ ba như nhẫn có khác nhau. Ban đầu là gạn lại trình bày.

Sau thuộc về kinh, đời đời thường thực hành tương tự theo thứ lớp, các chủng loại nhẫn, chẳng phải chỉ một nhẫn, gọi là Nhẫn khác nhau. Vua Ca-lợi làm hại, gọi là cực khổ nhẫn, năm trăm sinh nhẫn là Tương tục nhẫn, y theo văn kinh này, cũng chia làm hai.

Là trong Thứ tư giải thích đối trị nhân duyên, chia làm hai:

- Giải thích nhân duyên bất nhẫn.
- Giải thích kinh có công năng đối trị ba hạnh.

Trong nhân bất nhẫn trôi lăn trong khổ có ở cả ba cõi, là hành khổ. Hai khổ sau chỉ có chúng sinh ở cõi dục trái nhau là khổ khổ, thiếu sự thọ dụng là hoại khổ, đây là nương tướng oán ghét, hoặc trôi lăn nhiếp thọ năm khổ. là: Sinh, già, bệnh, chết, năm là uẩn xí thành khổ, chúng sinh trái nhau thuộc về hai khổ, là ghét mà gặp nhau, thương mà chia lìa, thiếu dụng nhiếp một khổ, là khổ cầu mong mà không được. Trước nói trong tướng nhẫn, luận giải thích có hai nhẫn.

1. Chịu đựng oán hại.
2. Quán sát kỹ các pháp.

Nay đối trị trôi lăn và thiếu thọ dụng, mới giải thích an chịu khổ nhẫn, chịu đựng oán hại.

Đầu tiên là hạnh khó tu, chúng sinh trái nhau nói, lại nghĩa kia, khiến họ tu học, khổ tuy rất nhiều. Như trong nói thứ hai của Du-già, lược nêu ba pháp này. Từ kinh hành sở trừ v.v... trở xuống là giải thích kinh có công năng theo đối trị ba hạnh.

- Trong đối trị khổ trôi lăn, có ba:
- Đầu tiên phối hợp với khổ nhẫn nhân duyên đối trị, nêu văn chung ở đầu kinh
- Nếu chấp sắc, v.v... trở xuống là giải thích các văn kinh không nên trụ sắc sinh tâm.

- Vì thành tựu các pháp không trụ kia, nên ở sau giải thích các văn kết nên sinh không có chỗ trụ tâm. Văn ở đầu lại có hai: phối hợp, và giải thích. Có ba tướng khổ:

- 1- Hiện tiền ép ngặt không muốn phát tâm, không bỏ sinh tử mà muốn cứu giúp.
- 2- Lại chấp Niết-bàn mà khởi ý Tiểu thừa, hoặc đều bác bỏ.
- 3- Chìm mê trong tà kiến, thường ở trong sinh tử, nên không phát

tâm. Đây là nhân duyên của khổ trôi lăn, tức là ba tướng pháp chấp si, tham, v.v.... Tất cả hai chương dùng làm thể tánh, là nhân gần trôi lăn, chính là phiền não si vô minh duyên hành. Cội gốc của si tức là trí chướng. Ba tướng tâm là sinh tử khởi thứ lớp. Như trong kinh Vô Cấu nói đối trị này, nên lia ba tướng khởi, phát tâm vô phân biệt v.v.. là lia ba tướng. Tự không có si,v.v..., vì vô minh diệt cho đến già chết cũng diệt theo , trôi lăn tự dứt.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Nếu có các Bồ-tát không lia tướng ngã v.v..., thì Bồ-tát ấy thấy khổ thực hành khổ, cũng muốn bỏ tâm Bồ-đề, vì họ mà đối trị.

Kinh chép: Nên lia tất cả tướng phát tâm v.v..., vì khi chưa phát tâm có lỗi này, nêu văn kinh sau bác bỏ lỗi ấy. kinh chép : Thế nào là đẳng tâm, vì khởi hành tướng mà tu hành. Thế nào là đẳng tâm? không bỏ Bồ-đề, đó là Nhãn Ba-la-mật, tu tâm năng học kia. Nghĩa là các tướng vô ngã tu hành, cũng các tướng vô ngã tu tập tu tập tâm năng học, không bỏ Bồ-đề, lại được nhãn thành tựu Đệ nhất nghĩa vô ngã, nghĩa là nhập Sơ địa trở lên Bồ-tát, nghĩ là Sơ Địa trở lên Bồ-tát được thành tựu nhãn, lia tất cả tướng, chứng phát tâm Bồ-đề. Khuyến chúng tánh phát tâm đầu tiên cũng nên lia tất cả tướng.

Lại giải thích vì sao ở văn dưới tướng có hai:

- Nói về trói buộc nên sinh trói buộc nhau thô nặng, thuộc về kinh không trụ sắc, v.v...

- Giải thích pháp khó. Ở đây đầu tiên ý nói nếu đắm cảnh tướng ở các cõi như sắc v.v..., tức là ở trong trôi lăn, lại thêm mỗi một, nên tâm Bồ-đề không sinh. Nếu bị trói buộc ngăn ngại bởi cảnh tướng, vì tâm chấp hữu tướng, đối với sinh tử, thân sinh trói buộc thô nặng. Trói buộc thô nặng không có tánh an ổn, không có tánh điều hòa, không có tánh chịu đựng, thân tâm mỗi một, vì tánh mỗi một. Nên trong Kinh giải thích Thâm Mật có bài tụng rằng:

*“Trói buộc chặt chúng sinh
Cũng do thô nặng buộc
Khéo tu cả chỉ quán
Mới đều được giải thích thoát”.*

Như quán cảnh khô hời, tướng trói buộc tâm mê đắm không còn sinh mỗi một. Sau dừng nghĩ rồi, mới biết mỗi một. Tướng này àng buộc tâm này, sinh ra mỗi một cũng vậy. Lăn nhau này trói buộc: Thể chung cảnh tướng hữu lậu ba cõi ba tánh sinh thô nặng, cũng chung cho tất cả tánh hữu lậu, nên nói ba cõi đều là hành khổ, không có tánh an

ổn không có tánh chịu đựng, v.v.. Nhưng do tâm chấp chặt cảnh tướng, các cảnh tướng hữu lậu trói buộc, tâm không được tự tại, chẳng phải tất cả tướng đều chấp thủ, đó là nghĩa hộ pháp. Nếu y theo theo an tuệ, thì tất cả tướng đều chấp, cho nên trói buộc tâm không được tự tại, hoặc ý văn này khó mà giải thích. Vì chấp sắc v.v... cho là thật có, lại khởi mong cầu luyến tiếc, ở trong khổ trôi lăn càng thêm mỗi một, giác tâm bất sinh lại thêm sinh tử, vì ngăn dứt việc đó.

Kế là văn kinh chép không trụ sắc sinh tâm, v.v... như ở trước là nói trong văn nghĩa của nguyện Tịnh Độ. Ngài Thiên Thân nói: Tâm kia không trụ Phật Bồ-đề của, vì tâm chẳng phải chân trụ nên khuyên không trụ, luận này và ngài chân đế, ngài La-thập có thể chia ra bốn bản, đều là đầu tiên nên lia tất cả tướng phát tâm. Kế là nói không nên trụ sắc sinh tâm, v.v... sau mới nói nên sinh tâm vô sở trụ. Nếu tâm có trụ thì tức là phi trụ v.v... Nhưng bản của ngài Lưu-chi lại trái với tướng đại. Sau khi ở Sơ trụ phát tâm, tức nói vì sao nếu tâm có trụ tức là phi trụ, mới nói không nên trụ sắc sinh tâm v.v..., nên nương bốn bản là chánh. Bản của ngài Lưu-chi trước nguyện trong Tịnh Độ, tự đồng với bốn bản, trước nói không trụ, sắc, v.v... sau mới nói nên sinh tâm vô sở trụ, nên biết văn sau của kinh ấy tự trái ngược. Còn ngài Lưu-chi, Ngài La-thập đều chỉ nói không trụ sáu trần, không đâu mà chẳng trụ không phải sáu trần. Trong kinh Năng Đoạn, đối với sáu phi sáu, đều giúp không trụ, ngài Chân Đế và luận này chỉ có không trụ ở năm trần trước, không đâu mà chẳng trụ không phải năm trần. Pháp trong chẳng phải pháp tức đều không trụ, cho nên trong luận này bất giải thích bất trụ đối với pháp, y theo đó có thể hiểu.

Không trụ chẳng phải pháp: Nghĩa là chẳng phải pháp vô ngã, là nói không trụ pháp là không trụ pháp trong lý vô ngã. Không nên trụ chẳng phải pháp, là cũng không nên trụ chẳng phải pháp trong lý vô ngã, nói lên có pháp ngã, nên gọi là chẳng phải pháp, cũng giúp không trụ chấp pháp có ngã đối với chẳng phải pháp ngã và pháp ngã cả hai đều không trụ, sau là giải thích văn kết, vì thành tựu, v.v... Ở trên nói không trụ các sắc và các phi sắc, không trụ ngã, vô ngã giúp sinh tâm kia, vì thành nghĩa này, nên sinh vô sở trụ, trụ không trụ có đều không nên giải thích lý do này rằng: Nếu tâm có trụ, lại là chấp đấm, chẳng phải là chân trụ lý chân như, trụ trong lý chân như không có chỗ trụ, phát tâm cũng nên thuận theo lý bất trụ. Cho nên kinh Vô Cấu chép: Vô trụ tức vô bản, từ không trụ mà lập tất cả pháp, kinh dẫn ở trước chép: Tâm các Bồ-tát không trụ sắc bố thí, bố thí thuộc về sáu pháp,

trong đây nói riêng, trong luận đại khái không có, trong văn kinh có nói đầy theo đủ. Nêu đầu tiên không trụ sắc, khởi hạnh phương tiện của, để khuyên học lâu, hoặc nêu Mười địa chân hạnh phương tiện, không trụ vào bố thí, để khuyên Địa tiền, không trụ vào tu hành, như khuyên lìa tướng phát tâm Bồ-đề.

Trong nhân duyên đối trị ba nhân khổ, trên đây nói đối trị trôi lăn nhân duyên khổ mà phát được đại tâm, sau giải thích thứ hai chúng sinh trái nhau, nhân duyên khổ đối trị, tuy là phát tâm, chỉ vì lúc chúng sinh trái nhau lại sinh mệt nhọc không thể cứu giúp, khuyên tu tự hành đối trị này, nên có ở kinh sau. Giải thích nghi có ba:

- Nói về đối trị.
- Khuyên tin lời Phật cho nên nhẫn.
- Phá như nói chấp đắm.

Văn đầu tiên có ba:

- Nhắc lại kinh phối hợp.
- Giải thích tướng nhẫn.
- Sau giải thích văn hai vô ngã.

Giải thích tướng nhẫn: Đã vì tất cả chúng sinh mà thực hành đối với các món xả, tức trong năm nhẫn tướng thân thiện và tướng nhiếp thọ, xả tức là bố thí.

Ngài Thiên Thân nói: Dùng đàn độ nhiếp sáu độ nói riêng, thế nào là lợi ích chúng sinh tu hành, mà không gọi là trụ trong việc chúng sinh? vì dứt nghi này nên kinh sau nói: Ý này vì chúng sinh thực hành bố thí, vì sao không gọi là trụ việc lợi sinh, bài kệ chép :

*“Tu hành lợi chúng sinh
Nhân như vậy theo phải biết
Chúng sinh và sự tướng
Xa lìa cũng phải biết”.*

Ở đây nói lợi ích là nhân thể của, Bồ-tát thực hành lợi ích chúng sinh, chẳng chấp sự tướng chúng sinh, cho nên tuy lợi sinh cũng thành không trụ, giải thích trong hai vô ngã, do không thể không có tướng chúng sinh, khi trái nhau thì sinh mỗi mệt. Vì có nhân ngã thì có sẽ pháp ngã, hai ngã đã thực hành thì, khi lợi ích lại bị mỗi mệt, nên sinh mỗi mệt, nói lên hai vô ngã để phá chấp kia. Kinh chép tất cả tướng chúng sinh, tức phi tướng, chỉ bày theo pháp vô ngã, tất cả chúng sinh là tức phi chúng sinh là, nói nhân vô ngã, trong đây nói bao gồm. Ngài Thiên Thân giải thích riêng rằng: Giả danh và sự ấm, Như lai lìa tướng kia, Chư Phật không hai pháp. Vì thấy pháp báu nên, việc chúng sinh

có hai:

1. Danh chúng sinh.
2. Sự năm ấm.

Tức chúng sinh kia có khả năng giải thích danh tướng, chẳng phải tướng thật thể, vì danh tự tánh của vô thật thể, do tất cả tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng, chúng sinh danh tướng của không có thật thể, danh năng thuyên thành pháp vô ngã. Lại dùng năm ấm giả gọi chúng sinh trong năm uẩn không có tự thể chúng sanh, vì không thật, vì tất cả chúng sinh, tức chẳng phải chúng sinh, là nói nhân vô ngã, chỉ có giả ấm hòa hợp và tên giả gọi, hoặc nhân hoặc pháp đều chẳng thật, thành hai vô ngã, cho nên lúc trái nhau chúng không nên tức giận, trụ trong năm nhãn, chỉ có pháp tướng là nhân vô ngã. Pháp danh cũng giả, là pháp vô ngã. Bài kệ ấy lại nói: Đức Như lai lia tướng kia, Chư Phật không có hai ngã, vì thấy thật pháp, Chư Phật thấy đúng như thật về hai vô ngã, lý do Phật lia hai tướng, hai vô ngã không thật, quán sát tụng này ý nghĩa thế nào. Trong bản của ngài Lưu-chi lại không có nói khác, chỉ có bản của ngài Chân Đế, chẳng phải chúng sinh v.v...trở xuống là, lại có lý do gì, Chư Phật Thế tôn xa lia tất cả tướng, các bản chú nặng hơn, đều chép sơ lược, như trong một đoạn trước đã nói ở đây. Nhưng quán luận kia và ngài Chân Đế, có tức nói lên Đức Thế tôn do trong chứng thật hai vô ngã, ngoài lia hai tướng nhân pháp không thật, khuyên phát tâm tu hành, vì chúng sinh trái nhau, quán hai vô ngã chẳng sinh tức giận, nên nói vì sao. Gạn đưa ra lý do của hai vô ngã, nên nói Đức Thế Tôn lia các tướng, giống như có con đường trở lại, mới thuận lý thành, văn tuy lược bớt rườm rà, mà không thiếu thành nói trước.

Khuyên tin lời Phật cho nên trong Nhẫn có hai. Trong đó trước nêu ý kinh, sau giải thích văn, ở đời nhân Hiền Thiện, còn có pháp lưỡng đối, hướng chi đối với bậc Đại Thánh dùng lời dẫn dụ. Ngài Thiên Thân có bốn đế ngữ để làm phép tắc nói pháp, gọi chung là tục đế tướng ngữ danh chân, riêng nương vào tục đế tu hành, có tướng phiền não sở dứt, có thanh tịnh tướng ngữ danh thật Năng Đoạn. Ở trong thật, đây hạnh phiền não hữu vi, đây là hạnh thanh tịnh hữu vi, hoặc lúc nương tục đế tu hành, hạnh này sinh phiền não, như là hạnh danh lợi, hạnh này tăng thêm phiền não, hạnh này tăng thêm thanh tịnh, như bỏ hạnh danh lợi, nên nói là thật. Hạnh phiền não này thanh tịnh, nói chung chân đế ngữ danh như ngữ, nói riêng tu hành chân đế, có phiền não sở dứt, thì có thanh tịnh Năng Đoạn, ngữ danh không khác, hoặc lúc nương chân đế mà tu hành, hạnh này sinh phiền não. Nếu có trụ tâm thì bố thí, hạnh

này thêm thanh tịnh, nên không trụ tâm bố thí, thì y theo' trước nên biết. Nay khuyên Bồ-tát, nương chân đế mà tu, nên tín sinh nhẫn. Ngài Thiên Thân nói: Trong đây có nghi,' trong chứng quả không có đạo. Vì sao đạo ấy là quả, đối với quả có thể làm nhân hay sao? Nghĩa là các bậc Thánh do các pháp vô vi mà có khác nhau, thì không có Thánh đạo. Làm sao quán hai vô ngã, lợi ích chúng sinh đạo hạnh, có thể thực hành nhân ấy để phá nghi này, cho nên nói bốn ngữ. Quả tuy không trụ đạo, mà đạo có khả năng làm nhân, do Chư Phật thật ngữ, trí kia có bốn thứ cảnh có bốn nên nói có bốn ngữ, bốn ngữ luận này giải thích hoàn toàn khác với.

1- Bồ-tát. 2- Tiểu Thừa. 3- Đại thừa. 4- Thọ ký.

Ngoài ra, hoặc mượn bố thí mà nói, nay nói Bồ-tát và Đại thừa, khuyên tin nói quả, tuy không trụ đạo, mà có công năng làm nhân, là phá nghi kia đối với Tiểu Thừa, nói Khổ đế, v.v... thì không thể khiến cho vui được, đối với Đại thừa nói pháp chân như vô ngã, không thể làm cho khác được, đối với thọ ký, nói việc ba đời, quyết định không khác, như nghĩa mà nói, vì không điên đảo.

Đối trị chúng sinh,' trong nhân duyên khổ trái nhau.

Thứ ba là phá như lời nói chấp đó có hai.

- Nêu ra ý.

- Giải thích văn.

Pháp sở chấp chẳng thật có, gọi là không thật, chẳng phải pháp sở chấp chẳng phải không, gọi là không luống dối, vì có thể gọi là pháp không, vô thật chẳng thể nói pháp có, cho nên bất không. Ngài Thiên Thân tóm lại rằng: Pháp của Chư Phật nói, pháp này không thể được pháp kia, mà thuận theo nghĩa.

Hai câu đầu giải thích không thật, một câu sau giải thích không luống dối, do pháp đã nói, không thể chứng được pháp kia. Như tiếng được bị nghe không có nghĩa như vậy, cho nên không thật. Do có pháp đã nói bị, thuận theo pháp chứng kia cho nên không luống dối, đây là theo ngài Lưu-chi, ngài Chân Đế đều nói pháp sở giác sở nói chẳng phải thật chẳng phải hư. Ngài La-thập chỉ nói pháp sở đắc. Kinh Năng Đoạn chép: Pháp sở chứng, sở nói, sở tu chỉ nội trí có sở đắc, ngoài nói có sở nói, nên nói đắc nói. Ngài Thiên Thân y theo đây giải thích rằng: Nếu vậy theo vì sao đức Như lai đã đắc pháp, đã nói pháp, do nói theo câu chữ ý này nói năng vì đối với pháp do có sở đắc, ngoài y theo câu chữ mà nói, tuy là như thế, đức Như lai đã nói pháp đối với pháp sở đắc, không thật không dối, vì không như lời nói, vì có thể thuận

đắc. Ngài Thiên Thân lại hỏi: Vì sao trước nói là chân ngữ, nay lại nói không thật không dối, bài kệ chép:

*“Như nghe tiếng thủ chứng đối trị
Thuyết Như vậy theo nói ý
Nếu nghe thanh giáo
Nếu như thủ chứng
Việc này đã sai”.*

Vì đối trị, nên lại nói không thật, thuận theo có thể đắc. Trước nói chân ngữ, thì sau không luống dối, cũng không trái nhau. Ngài La-thập lược bớt văn, trong kinh Năng Đoạn văn rộng, văn này ở trong đó, ba đoạn văn đồng.

Đối trị thứ ba thiếu thọ dụng trong nhân duyên khổ có hai.

- Lặp lại thuộc văn kinh.
- Giải thích văn riêng.

Do chấp quả sự đời vị lai thực hành bố thí, vì tâm có tướng, quả có hạn lượng, thọ dụng lại thiếu, tức chấp đấm, v.v... đây là thiếu nhân duyên thọ dụng. Chỗ thiếu thọ dụng, là tư cụ tăng thượng quả bên ngoài, ở đây y Luận này giải thích không trụ đối với sự thực hành bố thí, là bố thí độ quả vị lai, nói ấy lại y theo ngài Thiên Thân, tự thể danh sự, vì trong đây nói thiếu thọ dụng, vì nếu tâm không trụ thì vô tướng, quả không có hạn lượng, thì thọ dụng không thiếu, thọ dụng không thiếu là tư cụ bên ngoài, thuộc về quả tăng thượng, tâm vô tướng thì đó là nhân duyên năng trị, chấp đấm sở thọ, tư cụ thiếu nhân duyên, nên cho họ nói nghe hạnh này, đối trị nhân ấy, nên có kinh sau. Ngài Thiên Thân nói: Lại có nghi. Nếu bậc Thánh chân như vô vi đặt tên, chân như ba đời tất cả thời gian, ba cõi tất cả xứ, vì sao không trụ tâm được Phật Bồ-đề, có đắc thì chẳng phải không trụ tánh, đã nói tất cả thời xứ thật có, vì sao có nhân đắc, có nhân không đắc: Vì phá nghi này, nên có văn sau, bài kệ chép:

*“Thời và xứ thật có
Bốn pháp mà không đắc
Chân như vô trí.
Do trụ pháp người khác có trí đắc.
Nghĩa tuy thời xứ có
Vì vô trí nên
Cho đến trụ pháp
Không đắc chân như.”*

Đáp: Sau đồng. Nếu có tâm trí và không trụ pháp sau đắc chân

như là đáp câu hỏi đầu , và đáp câu hỏi sau, cũng có đắc: Do Chư Phật chân như thanh tịnh nên đặt tên, vô trí có trụ, đã không đắc chân như, ngay theo quả có hạn lượng, lại thiếu thọ dụng, có trí vô trụ lại đắc chân như, thì quả sẽ vô cùng, thọ dụng không thiếu, nghi nhân ấy để nêu ra ở sau. Ở đây nói hạnh để khởi ở sau, đã quán tụy khác, chính là đồng với nhân này.

Giải thích thích văn riêng, trong đó có hai:

- Đầu tiên giải thích hữu tướng chấp đắm quả báo bố thí.
- Sau giải thích vô tướng không đắm sự thí.

Văn đầu lại có hai.

- Đầu tiên dụ ba thời thí, do chấp sự ở đời vị lai, đắc ngay theo quả thời, không giải thích ra khỏi , hỷ lạc dục lạc kia cũng như vậy.

- Sau dụ lúc hiện tại chánh hạnh thực hành bố thí thì tâm sinh chấp đắm.

Không giải thích ra khỏi mà hy theo vọng ngay theo quả thí: Là chánh hạnh hiện tại bố thí, pháp ấy khác với thí. Tức bố thí sở đắc sự ở quả vị lai, với nhân khác tên khác bố thí, đây là ngay theo nơi sự quả, là năm dục lạc, là Lạc thọ Xả thọ trong ba thọ, vì hành thì đắc quả, chẳng phải khổ thọ trong ba thọ. Xả thọ Lạc Thọ này gọi là khổ thọ. Trước trích dẫn trong kinh rằng: Các chỗ đã thọ đều khổ, nên nói dục lạc gọi là khổ thọ, hoặc thành đủ dụ, tạm gọi là dục lạc. Hữu lậu đều gọi là hạnh khổ, cũng gọi là khổ thọ. Vì đã chia khổ, ở trong quả này, không giải thích nhằm chán xả bỏ, không ngộ Duy thức, không biết vô tướng, không chứng vô ngã, không hành bốn quán, không tu ra khỏi , thì như bị rơi vào ngăn lấp, ở trong đó không biết Ngày nay ta đến chỗ nào, không cầu Niết-bàn, cầu Niết-bàn chính là thể của ra khỏi . Do đắc sự quả, không hiểu ra khỏi , có tướng thọ dụng chánh thí, tu hạnh bố thí ba đời, đối với tướng hữu tình hỷ lạc, đương lai dục lạc cũng vậy. Do có tướng hạnh, lúc thực hành bố thí, vì không biết chấp đắm là điên đảo, không hiểu ra khỏi , cũng chính là lúc đắc quả hữu tướng, không biết điên đảo, chấp đắm thọ dụng, không hiểu ra khỏi , hoặc trước dụ cảnh hiện tại, sau dụ hiện hành, tâm đều có tướng, không hiểu ra khỏi , đây là nói chấp đắm không biết, như tâm bị ngăn che, như mắt không thấy các vật, không hiểu ra khỏi : Là dụ không thấy vật, do chấp đắm ngăn lấp, tuy có tâm mắt mà không thấy vật, như gọi là không hiểu ra khỏi , cho nên kinh do Chân Đế dịch và kinh Năng Đoạn chép: Bồ-tát rơi vào tướng hạnh, rơi vào tướng thì cũng như vậy.

Lại giải thích vô tướng không chấp sự thí trong đó cũng có hai.

Đầu tiên dụ cho lúc vô tướng thực hành bố thí thì quả vị ở vị lai đắc chủng trí, thấy các vật, sau lại giải thích . Trước có trụ tướng thì không hiểu ra khỏi , vì quả dục lạc khổ thọ ở đời đương lai, hỷ lạc dục lạc trong lúc bố thí. Nếu hiểu ra khỏi , thì ngay theo quả khổ dục lạc là không ,vì nhân của bố thí là vui. Nói rõ dụ không chấp đắm, vì lỗi hữu trí đen tối, mất dụ tâm câu thời, các vật dụ cho tâm chân như, v.v... do không chấp đắm là nói hiện tiền, tâm trì Bồ Tát lại chứng chân như, và tất cả vật lại chấp đắm là nói giải thích không chấp đắm có lẽ v.v..., cũng có hai văn, vì không trái nhau, lại không có dụ khác. Ngài Thiên Thân nói: Xà: là chỉ bày theo không có trí chấp. Ánh sáng mặt trời chiếu soi, có trí không chấp và có mắt thấy ba pháp, v.v... đều rộng như trong đó, đại ý đều đồng.

Thứ mười là ia nghe thiếu trì tư lương. Hai nhân của Bồ-tát, trên đây , đã khuyên tu Phước tư lương, dưới là khuyên tu trí tuệ tư lương. Phước tư lương ở trước có ba:

- Khuyên gần gũi Đức Như lai, nêu ra cúng dường.

- Khuyên lúc tu nhân Phước ít muốn siêng năng chớ tham lợi dưỡng, đừng lui sụt biếng nhác.

- Khuyên nghe, chứng pháp quán sát người nào hại, do không sân mà gặp duyên khổ, do an nhẫn tu nhân không dứt, Phước đức sẽ đầy theo đủ, vì sao? Vì thường thực hành cúng dường, thuộc về nhân hạnh để quả sinh. Được gặp bạn lành, ưa nghe thắng pháp, nên quả Tịnh độ tròn đầy , vì ít muốn, siêng năng, đưa tay theo nắm hư không đều thành bầy theo báu, chỗ nào cũng có cột bằng châu ngọc, làm rất ráo, ưa làm việc tốt, do nghe pháp để an nhẫn quán sát, cho người nghe nói pháp, nói lời thành thật, họ đều tin nhận, chịu đựng người khác làm hại. Bồ-tát, trời rồng, quyến thuộc có nhiều tốt đẹp, ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp tùy hình ,trang nghiêm thân Phật. Gặp duyên khổ vẫn an nhận. Tuy thực hành Vô sinh, mà tùy loại hóa sinh, sinh tử không ràng buộc, không bị khổ não ép ngặt, nên tu Phước nghiệp, có ba đoạn văn trên, khuyên tu ba hạnh. Ở sau tu nhân trí, văn cũng có ba:

- đầu tiên khuyên y theo kinh mà xả bỏ định vị. Thọ trì, đọc tụng làm nhân , phát sinh tu tuệ, trong phần Đạo tư lương ở trước tuy đều là lý vô tướng, khuyên tu tam-ma-bát-đề mà đắm vị thiền định, chưa tu riêng lý vô tướng, quán bốn tâm tư.v.v.... Từ tu tập nhân rồi, phần dưới là giai vị gia hạnh nói nhiều về tướng mạo. Như phẩm Hồi hương trong quyển mười của kinh Hoa Nghiêm chép, ở địa vị này đầu tiên được tu tuệ là trong Noãn vị do đắc trí tuệ, danh đức đã cao, ngã mạn càng tăng

liền theo đó sinh ra hỷ động. Vì xa lìa lỗi này nên đoạn văn thứ hai sẽ nói giúp cho lìa hỷ động. Khi hỷ động dứt, ở Đảnh vị theo thứ lớp sẽ nhập Nhẫn bậc Nhất Pháp. Bên ngoài tìm duyên tốt để mong được gần gũi giáo thọ, liền nhập Sơ địa chứng đạo, chẳng phải Thế đệ nhất pháp, sau đó lại cầu Giáo thọ, chỉ trong một sát na liền nhập thấy đạo, cho nên cầu giáo thọ.

Trong hai vị thấy đạo và Noãn Đảnh đã thủ chứng giác quán, vì đầu tiên thực hành khó khăn, nay đến Nhẫn vị liền thủ chứng, chẳng có giác quán, năng thủ cũng không, vì tu lâu dễ dàng. Ở giai vị Thế đệ nhất pháp vị không đều “tức”, vì nhân thành tựu tròn đầy. Xưa tu Phước đức tức bốn giai vị, trước cũng gần giai vị Hồi hương, liền tu tập tu tuệ, chánh nhập bốn vị. Nhờ y theo theo đây mà đoạn văn trước cũng chia làm ba dứt. Trong dứt thứ nhất giải thích chia làm hai: Một là nêu tên phối hợp sở thuộc, Hai là giải thích văn kinh riêng. Trên lìa ít học, đa là chướng văn tuệ tư tuệ, tuy đã xả để được học rộng vì có hai chướng phân biệt, thường sinh khởi nhỏ nhiệm Hai chướng câu sinh thường hiện hành, chưa thể tu vô tướng và tu tuệ vì thiếu điều này, không chứng đắc trí tuệ chân chánh và dứt hai chấp.

Nay trong vị tu tuệ đặc biệt quán chân lý, quán không có hai thủ (năng thủ, sở thủ), giúp cho chướng phân biệt hoàn toàn không có hai chướng hiện hành và câu sinh, cũng có thể hàng phục, mau chóng vào nhập thấy đạo. Cho nên văn kinh sau sẽ nói thiếu nhân trí đó. Thế chỉ có trí chướng, vì chướng tu tuệ, ở đây y theo theo dứt chánh chướng mà nói trí hạnh. Do sinh dứt kinh sau, theo quyển trước y theo theo lìa sự ưa thích vị vui thiền định, chẳng chịu tu tuệ, vì nói trí hạnh giúp cho dứt ái thiền định từ sinh v.v... trở xuống trong văn kinh.

Còn dứt này nói thiếu trí là do yêu đắm định, ái định làm chướng thể tu tuệ. Vì thế quyển trước và quyển sau nói cũng chẳng trái nhau. Quyển trước cho rằng: Vắng lặng vị là tĩnh lự ái vị, vì vị là định không chịu tu tuệ hay vị định lạc. Thế thì tham ái làm chướng thắng tuệ. Ngoài ra luận chép về chấp của bốn món vô ký.

Ngài Thiên Thân nói: Tu hành pháp gì? được Phước đức gì? thành tựu nghiệp gì? Nói tu hành như thế, để làm rõ văn sau, trong kinh này : Đọc tụng, thọ trì để sinh tu tuệ, công đức tu tuệ đã tạo ra Phước nghiệp, rõ được bình đẳng sinh này. Cho nên văn sau giải thích riêng hai phần trong kinh.

1. Giải thích năm pháp tương ưng dứt ái định chướng, giúp học với tu tuệ tương ưng, vì đây là quán hạnh.

2. Giải thích hơn A-tăng-kỳ kiếp v.v... trở xuống, kinh sau giải thích lại đoạn trước, thuộc về nghĩa Phước đức .

Theo ngài Thiên Thai nói chung, chia làm ba phần:

- Tu hành pháp gì? Tức là nhớ nghĩ Đức Như lai.

- Tu hành được Phước đức gì? Tức ở đây thuộc về Phước đức .

- Sẽ thành tựu nghiệp gì? Tức là quán pháp tu hành, đến văn sau sẽ giải thích lại. Lần lượt giải thích , đoạn trước xếp vào Phước đức , văn kinh đều thuộc về phần thứ ba. Trong phần thứ ba chia làm năm, đến văn sau sẽ biết. Trong năm lại có hai, tức Vô Trước giải thích lại thuộc về Phước đức . Phần một chia thành ba.

- Nêu năm khuyên bảo trừ tán loạn.

- Nêu năm tên gọi.

- Phối hợp với kinh để giải thích .

Tam ma-đề: là Tổng trì.

Phan duyên là tác ý.

Đối pháp luận chép được định tâm gọi là được tác ý, cái bị trừ này tức tán loạn chướng. Pháp tương ứng, pháp kinh là giáo, tức ở dưới văn kinh thuận với kinh mà tu tác ý, dứt trừ loạn chướng có năm công đức. Từ nhiên phát sinh tu tuệ cao siêu, do dứt được ngu si.

Trong Phối hợp với kinh để giải thích năm dứt : trong dứt thứ nhất có hai, sau theo sự gạn hỏi để giải thích có . Theo ngài Thiên thân nói

- Tu hành pháp gì? Nói lên kinh này , bên ngoài nghe người nói kinh bên trong ghi nhớ giữ gìn không quên, thường luôn suy theo nghĩ tu tuệ liền sinh. Bài tụng rằng:

Tên gọi ba thứ pháp

Thọ trì nghe rộng nói

Tu từ người và trong

Đắc văn là tu trí.

- Ở đây nói nghĩa gì? Đối với danh tự kia được thành tựu văn tuệ, ý nói kinh chép pháp môn này . Pháp môn là giáo, danh tự là thể, tức là bên ngoài nghe người nói, cái bị nghe là giáo, vì thành cái nghe rồi, nhờ danh tự này thành ba thứ pháp: Là thọ trì và, đọc tụng. Đây là ý luận bàn giải thích , nói thọ là, tụng tập, phúng tụng. Sau đây kinh giải thích có bốn dứt , do thọ là đọc tụng giữ gìn không quên, cho nên ghi nhớ rõ ràng trong tâm chẳng quên gọi là “Trì”. Kia nói: Theo y tổng trì mà nói thọ trì tu hành, thọ bên ngoài đặc biệt có trì trong đó, gọi chung là tổng trì, tức lắng nghe hành trì thì được Đà-la-ni, ghi nhớ không quên. Trước

thọ sau trì được chuyển, cho nên chia thành hai. Ngoài đọc này có một nhiếp riêng, quán nhiếp này là trì kia, là nhiếp trì pháp. Trong mười pháp hạnh lại không có nhiếp hạnh vì thọ cho nên đọc, do tu nên phúng tụng, trước tiếng đọc văn kia, vì trì cho nên nhiếp, trước xét chung, sau ghi nhớ, dưới đây đều giải thích tập đọc, xét nghĩa và quán xét lý đó.

Luận chép: Đọc tụng tu hành vì nhờ văn tuệ, đọc tụng rộng nhiều cũng gọi văn tuệ, tức nói năng bên ngoài có tập tụng riêng, y theo mười pháp hạnh: 1/ thọ trì; 2/ đọc; 3/ tụng; là ba thứ pháp. Kia luận rồi thọ gọi là trì, đọc tụng là một. Kính thể của thọ trì tức Tổng trì, đầu tiên thọ, sau trì. Cho nên chia làm hai, đọc và tụng, đều một văn tuệ, vì thế gộp lại thành một.

Do chia thành ba thứ, luận này nói có bốn nghĩa thiếu khó biết, kia nói đọc tụng tu hành y theo văn tuệ, đọc tập rộng nhiều cũng gọi là Văn tuệ, cùng bên trong luận đồng nhau, tức nói rõ ý thiếu đọc, thiếu giải thích nghĩa, là sinh đấm tuệ chẳng phải văn tuệ. Trong kinh do Lưu-chi dịch nói ba hạnh, do đã có tu hành, tu hành là gọi chung là ba hạnh. Luận nói kia hỏi làm sao tu hành được? Nghe người nói pháp, bên trong tự mình suy theo nghĩ thì được tu hành. Nghe pháp người nói là văn tuệ, tự mình suy theo nghĩ là tư tuệ, mà được tu hành là tu tuệ. Bạt lành: Trước nay hợp chung nói bốn hạnh cận gũi. Ngài Lưu-chi, La-thập đều nói vô vi tha nhân như lý tác ý, trong Chân Đế lại nói giáo tha tu hành là tha chánh nói. Năng Đoạn có năm, thọ trì, đọc tụng, rớt ráo, lanh lợi giảng nói cho người nghe, như lý tác ý chỉ nói văn tuệ vì dùng làm nhân, tu tuệ liền sinh vì tha nói là vì chúng sinh, ngoài ra đều là tự lợi. Kinh Lưu-chi trong bản này nói có ba tuệ, như trên đã nói.

Hiểu thuộc về Phước đức, luận văn chỉ nói một, văn kinh có hai. đầu tiên nói hành xưa đã thuộc Phước đức, sau thành tựu nói Phước đức trước kia có nhiều nghĩa. Theo ngài Thiên Thân: thì được Phước đức bình đẳng như thế nào? Vì thị hiện So sánh Phước cao quý. Trong đây xả thân Phước cao quý hơn Phước xả thân ở trước, tức trong thời gian một Ngày xả nhiều thân. Lại có nhiều thời đối với mười pháp hạnh, trong mỗi hạnh lại sinh bốn hạnh: 1/ tự tác; 2/ khuyến tha; 3/ khen ngợi khích lệ; 4/ độ úy theo (độ úy theo là tùy hỷ). Trong đây có tín tâm không chê bai, chỉ chung là tùy hỷ còn được Phước đức vô biên, hướng chỉ thực hành pháp hạnh, Phước đó không thể nào lường ở đây này không nói rõ. Lưu-chi La-thập đều nói tín tâm không trái Năng Chân đế đều chỉ nói năng, chẳng sinh tâm chê bai, gọi là so sánh mà không nói tín tâm tùy hỷ, ngay theo đó chẳng chê bai hướng chỉ là sinh tín ý.

Mặc dù không kính tin tu học nhưng chẳng sinh tâm chê bai thì sẽ sinh Phước đức , còn hơn xả thân mạng.

Trên đây đã bốn lần so sánh:

1/ So sánh lần thứ nhất: Phật muốn được pháp thân Phước tướng phải bầy theo báu trong thế giới Tam thiên bố thí chẳng bằng nói một bài kệ kinh thọ trì được Phước vô lượng, không thể tính kể, dùng một trăm lẻ sáu vô lượng số, một trăm mười hai bất khả số. Đoạn văn nói các vị Bồ-tát ở vị Thập Hạnh, giải thích hạnh nhiều ít, trì nói chưa hơn, chỗ nói còn cạn cợt. Cho nên dùng số ít bố thí so sánh với trì nói.

2/ So sánh lần thứ hai: Trong viễn ly theo thuận ngoài luận tán loạn dùng một hạt cát trong một sông Hằng, lại dùng một hạt cát trong bảy nhiều sông Hằng làm một thế giới Đại thiên, bầy theo báu bố thí khắp đây theo từng ấy thế giới chẳng bằng nói một câu kinh thọ trì. Vô lượng A-tăng-kỳ dùng một trăm lẻ sáu vô lượng số, một trăm lẻ bốn số A-tăng-kỳ, đoạn văn trên chỉ cho các vị Bồ-tát ở địa vị Hồi hướng Địa thứ năm trong Mười Hồi hướng. giải thích hạnh tuy tăng thêm trì nói thứ lớp hơn điều đã nói , cho nên bố thí nhiều như cát bụi so sánh với trì nói.

3/ So sánh thứ ba. trong xa lìa theo lợi dưỡng thiếu thốn nóng bức vv... Hằng hà sa thân mạng bố thí chẳng bằng nói một câu kệ kinh thọ trì được vô lượng A-tăng-kỳ, Phước đức , dứt này nói các Bồ-tát đang ở địa vị Hồi hướng thứ chín. giải thích hạnh lần lần cao, trì nói càng thông suốt; so với trước tuy hơn nhưng sánh với cái sau còn kém, điều giảng nói càng sâu. Cho nên với thân mạng trong thế giới Tam thiên so sánh.

4/ So sánh lần thứ tư: Trong lìa theo định vị, một Ngày ba phần đức xả thân mạng như số cát sông Hằng, trải qua trăm ngàn lần muôn ức na-do-tha kiếp, vì trăm ngàn kiếp, trăm một ức. Na-do-tha số thứ tư, tức ức muốn ức na-do-tha kiếp, chẳng bằng đối với kinh tín tâm không chê bai. Đoạn văn kinh này nói các vị Bồ-tát ở giai vị Thập Hồi hướng sắp chuyển nhập địa vị bốn Góc lành, hạnh vị dần dần lên cao, tín tâm bền chắc càng, sở nói càng sâu. Cho nên từ khi xả nhiều thân trải qua từng ấy kiếp, so sánh với tín tâm. Trên đây chỉ dùng ngoại tài, nội thân để so sánh với trì nói, đến địa vị này rồi mà trì nói sẽ được công đức, không thể xả thân, xả tài để so sánh. Chỉ dùng sự tu hành để so sánh với trì nói, vì thế văn sau so sánh với Nhiên Đăng gần gũi cúng dường, đây đối với dị sinh, đối với trải qua pháp hành, được sinh Phước đức đẳng cấp so sánh. Nghe pháp Mười địa, ở giai vị Mười địa. Năng trì, năng nói

đến văn sau sẽ biết.

Thứ ba là khen pháp và tu hành chia làm hai: Thứ nhất là hỏi, thứ hai là giải thích. Trong giải thích, văn kinh theo thuận theo chia làm hai.

1. Nói pháp và tu hành.
2. Hạt giống khác nhau.

Trong phần một lại chia làm hai: Nói về khen pháp, kể là pháp môn này v.v...trở xuống là nói lại lời nói ở trước không thể suy nghĩ bàn luận là pháp tầm tư hữu lậu ở thế gian. Vì chẳng phải cảnh giới kia gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, chỉ tự thánh trí, tự chứng giác. Đã không bằng nhau cũng chẳng vượt nhiều hơn gọi là không thể nói.

Kinh Năng chép: Lẽ ra phải ít có là không thể suy nghĩ bàn luận đã cảm với dị thực, do hữu lậu trì nói còn ở Địa Tiền cho nên chiêu cảm dị thực. Nhờ gốc lành này tu hành đắc quả Thập Vương, đoạn văn nói về tướng tốt này nghĩa ở sau sẽ biết, nghĩa ở trước khó hiểu, pháp môn này v.v...trở xuống sẽ nói theo lại ở đoạn văn sau.

Luận do Thiên Thân soạn thì: Thành tựu nghiệp gì có năm: Một là: Khen pháp hành; hai là: Cúng dường sẽ thành tựu công đức tốt đẹp; ba: Là lìa tất cả chướng. Ba thứ trước đồng với cô trước; bốn là: Từ Nhiên Đăng v.v...trở xuống mau chứng Bồ-đề; năm là: Phải biết pháp môn này v.v...trở xuống là theo thành tựu thế lực lớn. Hai thứ sau đây nói chung được ngài Vô Trước giải thích lại, đối với trước thuộc về nghĩa Phước đức.

Ngài Thiên Thân giải thích không thể suy nghĩ bàn luận vì thị hiện khó suy nghĩ bàn luận, còn không thể xứng lượng, vì chỉ có bậc Đại nhân chẳng cùng người Hai Thừa, chỉ có Phật mới biết được, vì là trụ đệ nhất đại thừa về chúng sinh mà nói, chẳng vì người Hai Thừa, người Hai Thừa không thể nói cho người khác nghe và tu hành, trong phần nói lại về không thể xứng lượng thì. Trong Ba thừa cao quý gọi là Tối thượng thừa, Chân đế gọi là Vô thượng thừa. Ở đây cùng kinh năng đoạn đồng gọi là Tối thượng, Lưu-chi La-thập đều gọi là Đại thừa, chướng thanh tịnh nên gọi Tối thắng là thừa, Lưu-chi La-thập gọi là Tối thượng thừa. Đây và Năng Đoạn gọi là Tối thắng thừa, còn chân đế gọi là Vô đẳng thừa. Nói về thể của thừa y Luận sẽ biết, vì hai nói kia như thế nào có thể rõ. Ý trong dứt này là Phật nói Đại thừa trong ba thừa gọi là Tối Thượng thừa vì hai hạng còn lại chẳng bì kịp. Tức là pháp đốn ngộ Đại thừa căn tánh đã nói gọi là Tối thượng thừa, vì so sánh với hai bậc dưới gọi là Thượng. Chúng sinh trông mong tìm cầu pháp này nên

nói nhân phát tâm Tối thượng thừa, vì trong tánh bất định đã nói pháp căn tánh Đại thừa gọi là Tối Thắng thừa, vì lia được hai chương. Nếu lia hoặc chương chưa hề theo trí chương gọi là thừa kém cõi.

Nay học Nhất thừa mới lia được hai chương, gọi là Tối Thắng thừa. Nhân mong cầu pháp này là người theo gọi pháp Tối Thắng thừa, vì thế các luận chép kinh Bát-nhã chỉ vì nhân cầu Đại thừa mà nói. Đại thừa và nhất thừa tuy tánh không khác vì y theo căn tánh đó thẳng đến gần hai thứ khác nhau sở cầu sở học đặt riêng hai tên, điều này thật ra chẳng khác nhau. Cho nên, kinh Thắng-nan chép: Nhất thừa là Đại thừa, Đại thừa là Phật thừa.

Theo ngài Thiên Thân nói Đại thừa còn gọi là Tối diệu, vì Đại thừa tu hành cao quý, ý nói Đại thừa là hơn, vì tu hành vượt hơn Tin Tiểu thừa thì chẳng được nghe điều này, bày theo tỏ hy theo vọng nghe mà tin pháp, trong kinh khen tu hành, dưới đây là ba giải thích riêng, gồm vô lượng Văn kinh tuy có khác nhau chút đỉnh nhưng đồng với Năng Đoạn của Chân Đế. Lưu-chi, La-thập tuy có chia thành ba nên xem xét lại số thứ tự trong kinh Hoa Nghiêm.

Theo Thiên Thân thì hiển bày tánh đầy theo đủ Phước đức, theo dưới đây có bốn:

1. Phước đức đầy theo đủ. Chính là văn này.
2. Thọ trì pháp chân thật, nhiệm mầu.
3. Hàng Tiểu phẩm không có khả năng nghe pháp.

4. Có ngã nhưng chẳng thể nghe do thọ trì pháp chân thật, mầu nhiệm, ẩn chứa trong tâm. Tức là hai vai gánh vác Bồ-đề, nhưng tính ưa pháp Tiểu thừa, tin hiểu người không mà chẳng ngộ Pháp không. Người Hai Thừa có pháp chấp nên không thể nghe, ngoại đạo phàm phu chấp có ngã tự cho là Bồ-đề. Người pháp ràng buộc, chấp đấm, chẳng cầu hai không cũng không thể nghe.

Thứ tư: trong phần Trời v.v.... cúng dường đầu tiên phối hợp thuộc về kinh, sau là giải thích. Nghi thức cúng dường tháp là xỏ hoa thành xâu đeo trên cổ, nay bỏ vào tháp đồ hương, ma tử bạch đàn trầm hương hòa với nước trộn lại để trét lên tháp. Mạt hương: Cây theo chiên đàn và trầm nghiền nát để rải trong tháp, ngoài ra có thể biết, ngoại tài trong kính lược bỏ chẳng khen ngợi.

Địa thứ năm là trong: diệt tội có hai: đầu tiên nêu ra để phối hợp với kinh, sau theo sự gạn hỏi để giải thích. Văn kinh chia làm hai phần là:

Nêu khinh rẻ, và giải thích lý do. Nhưng diệt tội là chuyển nặng

thành nhẹ, bị nhân quả trách mắng chưởi, tức là đương lai không trở lại địa ngục chịu khổ cũng được Bồ-đề. Đối với pháp luận mà chép nghiệp có năm thứ:

1. Nhân giáo sắc.
2. Đất khuyến thỉnh.
3. Chẳng biết điều gì.

Ba thứ trước tuy tạo tác nhưng không lớn thêm, chẳng chịu quả dị thực. Nếu có ba nghiệp này thì, lúc thọ trì kinh tất cả đều diệt, vì nghiệp chẳng thọ báo nhất định.

4. Chấp đấm căn bản.
5. Điền đảo phân biệt.

Hai nghiệp này năng tạo tác sẽ thêm lớn, vì chắc chắn chịu quả dị thực. Là Nghiệp đời trước, sau đây là hai định thọ dị thực, khi dị thực quyết định hay thuộc hề bất định. Vì sao? Vì quả báo quyết định, chuyển nặng thành nhẹ do thời không nhất định đọa vào đường ác giúp cho nhân thọ. Trong bốn nghiệp bất định thứ tư có ba, là câu thứ hai và hai câu còn lại tất cả đều diệt. Ba định nghiệp này giải thích thế nào?

Kinh Niết-chép Chưa nhập vào ngã pháp gọi là nghiệp quyết định, đã nhập vào ngã pháp gọi là nghiệp bất định. Do đây mà vua A-Xà-thế sinh quả báo năm tội nghịch, thời báo đều nhất định, gặp Phật sám hối đọa, nghe kinh tiểu thừa. Vì đầu tiên sám hối vào địa ngục Phách Cúc, chuyển nặng thành nhẹ, sau đó nghe kinh Đại Thừa chí thành sửa đổi thì năm tội nghịch tiêu diệt. Cho nên nhập vào pháp Phật gọi là nghiệp bất định.

Nếu y theo theo nghĩa này trong đây lại nói thọ trì vừa chừng, nếu tâm chí thành tha thiết thì tất cả đều diệt. Nhưng kinh Du-già chép thì chưa được giải thích thoát gọi là nghiệp quyết định, đã được giải thích thoát gọi là nghiệp bất định nghĩa là chứng quả A-la-hán gọi là được giải thích thoát. Tất cả không thọ, nhưng nói A-la-hán, Ca-Lưu-Đà-di và Chỉ Mạn.v.v..., hoặc hai quả định trước được Vô học, đặt tên theo sự chứng đắc quả cao quý gọi là A-la-hán. Hoặc thật sự vô học thì hiện chịu quả khổ dị thực của nghiệp ác. Không như thế thì bất thiện là dục đã không, làm sao Vô học mà được quả kia? Kia có chịu khổ nhưng chẳng phải quả bất thiện, văn kinh luận khác nhau nhưng y theo hai chỗ đều hiểu như nhau. Do luận y theo kinh, luận y theo tất cả nghiệp sám hối hay không sám hối hoặc định nghiệp hay bất định nghiệp, chẳng phải do tâm cao quý nghe pháp Đại thừa chí thành tha thiết, như khi chưa sinh tâm oán thù... Cho nên kinh Du-già chép: Trong nghiệp bất

định sám hối, sẽ làm tổn giảm chuyển nghiệp, nên trước khi chưa sám hối gọi là Định nghiệp. Nếu sám hối rồi thì gọi nghiệp bất định, lấy kinh làm chánh, theo kinh y theo. Luận chép có bốn nghiệp, quả báo định, bất định pháp môn là nhất định, đã nói sám hối tổn giảm gọi là bất định. Vì trong nghiệp bất định có pháp sám hối này. Vì vậy theo các chỗ đều nói gây ra nghiệp chịu quả báo là quyết định, thần lực của Chư Phật cũng không thể chuyển đổi được, cả ba đều có chung một nghĩa.

Kinh dạy: Diệt chung chỉ dùng Đại thừa, về lý cũng chẳng trái nhưng y theo thuyết trước thì chỉ nói gây ra nghiệp, chắc chắn phải chịu quả báo. Tự mình chẳng ăn năn thì thần lực cũng chẳng giúp ích gì được, không nói tự sám hối mà nhất định chịu báo, nhậm vận hiểu thủ chứng. Nhân trí nghiệp nặng gọi bất định, nếu nhập thánh rồi và nghe chánh pháp, tâm tự sám hối, mà nghiệp báo không chuyển thì tất cả chúng sinh chẳng chứng Thánh.

Sau này Tổ sư dạy theo tất cả chúng sinh thường là nghiệp bất định còn định nghiệp rất ít, cho nên được nhập Thánh. Chẳng phải bày theo ra định nghiệp giúp cho bất định mới được nhập Thánh. Nếu định nghiệp thành nghiệp bất định, đầu tiên định vô tánh, sau thành bất định mà cũng có tánh lại thành lỗi lớn.

Có nhân văn hỏi: Những nhân có trì kinh, đọc tụng, tu hành lễ ra la người, được cung kính cúng dường, được quả đại trí, lại bị khinh khi tổn thất, báo tốt đẹp gì mà lại với lấy ác báo?

Theo đây giải thích: Khi tu hạnh tốt bị khinh thường, do nghiệp ác đời trước này có kết quả phải đọa đường ác, nhờ hạnh trì kinh mà chuyển nặng thành nhẹ, chẳng phải do trì kinh lại chiêu cảm với ác báo. Có chỗ giải thích rằng: Đây là Đảnh vị, trước gây ra nghiệp ác chưa tránh khỏi đường ác, đời nay thọ trì giảng nói kinh mới không chịu quả báo, theo lý là không đúng. Theo kinh Hoa Nghiêm quyển mười bảy theo nói mới phát tâm trụ vô thượng chủng tánh Phật Pháp Vương gia ba đời, tất cả Đức Như-lai và các Bồ-tát nhờ đây sinh pháp thân mẫu thanh tịnh, ứng hiện nhiều thân như nhà ảo nói. Chỗ nào chúng sinh ưa thích đều hiện thân, hoặc làm chúng sinh mà rất ráo Bồ-tát. Hoặc lại hiện sơ sinh, xuất gia, tu hành, học đạo, hoặc ở dưới cây theo thọ vương tự nhiên thành Chánh Giác, hoặc vì chúng sinh thị hiện nhập Niết-bàn. Cảnh giới sâu xa mẫu nhiệm chân thật của Phật như thế, nếu chúng sinh suy theo nghĩ mê loạn tâm phát cuồng. Năng lực tự tại tam-muội của các Bồ-tát rất sâu xa vô lượng na-do-tha, trong một niệm đều có khả năng vào nhập. Quán sát mười phương các thế giới như thế trang

nghiêm thanh tịnh tất cả cõi nước mà tâm chẳng mê đắm, tám tướng sơ tâm Bồ-tát hiện hóa trang nghiêm tịnh độ. Nếu có nhân phát tâm thì không còn lui sụt, càng chẳng tạo ra năm nghiệp Vô gián, không đọa địa ngục. Trụ trong pháp thứ tư, thứ tư là sinh quý chân Phật tử, theo chánh pháp của các hiền thánh mà được sinh khởi, chẳng chấp đắm các pháp có không, lia bỏ sinh tử, ra khỏi ba cõi, lại không lui sụt ngôi vị làm người. Sau càng chẳng gây tạo và chẳng cùng vô minh đọa vào ba đường ác, .v.v...., trong hạnh thứ tám được mười món Vô tận tạng. Giới thứ hai vô tận tạng, không thọ giới ngoại đạo, chẳng gây ra năm nghiệp Vô gián, giới đều đầy theo đủ chẳng hủy theo phạm một giới nào. Dứt này nói mới phát tâm sẽ có lui sụt. Trụ thứ sáu trở xuống sẽ dứt gốc lành gây ra nghiệp Vô gián. Ngài Xá-lợi-phất.v.v... thuở xưa phát tâm Đại thừa trải qua sáu mươi kiếp, lui sụt tâm Đại thừa về sau trôi lăn trong năm đường. Vì thế kinh Pháp Hoa chép: Bỏ cha trốn đi hơn năm mươi năm kinh Chánh Pháp Hoa nói năm đường sinh tử. Kinh Anh Lạc: nói như pháp hội đầu tiên của ta có tám muôn nhân thối tâm như Thiên Tử Tịnh Mục, Vương Tử Pháp Tài, Xá-lợi-phất, v.v... muốn nhập vào Trụ thứ sáu nhưng vì gieo trồng nhân duyên ác nên lui sụt xuống đường phạm phu tội ác bất thiện, vào ngoại đạo, gây ra năm tội nghịch sinh đại tà kiến, không có tâm ác thì chẳng tạo. Sau Địa thứ bảy trụ mới là giai vị Không lui sụt, không làm Hai Thừa, chẳng gây năm tội nghịch, không đọa địa ngục phải vào các đường còn lại.

Trong vị Hồi hướng Địa thứ bảy theo của kinh Hoa Nghiêm, ba phẩm gốc lành tu tập rất ráo chứa nhóm nuôi lớn mở, rộng hạnh vị, hay trụ nhẫn lực đóng cửa đường ác, từ đó về sau không đọa trong ba đường ác. Vì sao đến Đảnh vị còn đọa đường ác? Nay tu vô tướng mới không vào đường ác, chưa dứt phân biệt, người Hai Thừa ở vị Noãn không dứt gốc lành, Đảnh vị không đọa đường ác. Chỉ tu một, hai, ba đời còn có thể như vậy theo hướng chi Bồ-tát lại ở Đảnh vị, đủ một đại kiếp lại đọa đường ác. Chắc chắn không có việc ấy, ở đây vì các Bồ-tát nhập Đảnh vị, giúp họ tu tập khen ngợi pháp cao quý, làm cho các Bồ-tát trụ thứ sáu thối tâm trước nhập đệ Thất Trụ thành vị không lui sụt. Lục Hồi hướng trở xuống vào ba đường ác, nghe pháp tinh tấn tu hành nhập vào Địa thứ bảy Hồi hướng chẳng đọa đường ác. Pháp đã như vậy, cho nên bấy giờ nên tinh tấn tu thành tựu thắng trí. Nhiếp Đại Thừa chép: nhờ năng lực huân tập tánh nghe sinh tịnh tâm xuất thế, lúc chưa sinh tâm đã có khả năng đối lại với pháp phiền não kiết sử. Cái thứ ba trong bốn cái (kiết sử) đã gây ra tất cả nghiệp ác chiết hoại đối trị. Loại kinh

Bát nghiệp chếp: Ba thời căn bản gia hạnh hậu khởi điều có điều không phiền não điều là một câu. Hai hữu một vô có ba trường hợp.

1. Một định báo.
2. Một tác nghiệp.
3. Sáu bất định.

Trong Kinh Niết-bàn phẩm ba mươi một chếp: Tất cả tác nghiệp có nhẹ có nặng. Hai loại này mỗi thứ có hai nghĩa là định, và bất định, cho đến hoặc có nghiệp nặng có thể chịu báo nhẹ nghĩa là nhân trí đã gây ra nghiệp. Đây là trí tạo nghiệp. Tạo nặng chịu nhẹ bài tụng thứ mười trong Nhiếp Luận: Cõi hữu tình bao trùm khắp nơi, có đủ chướng mà thiếu nhân, hai thứ quyết định chuyển, Chư Phật không tự tại.v.v... đều nên xét lại văn. Do văn này dựa vào đoạn trước như mới phát tâm không lui sụt, sau có khả năng từ tám tướng chuyển hóa đến Thập Tín. Vì Tín bất thối thứ sáu không dứt một gốc lành, đến Trụ thứ tư không khởi phân biệt, chẳng cùng vô minh ngã kiến tướng.v.v... càng không gây ra nghiệp đường ác để đọa vào đường ác. Nếu trước thối tánh đến Địa thứ bảy Trụ mới trụ không lui sụt, không vào địa ngục, từ đó về sau chẳng ngại vào các đường ác. Kinh Hoa Nghiêm không nói Thập Tín cho nên giải thích như thế. Đến địa vị Hồi hướng Địa thứ bảy theo mới vào ba đường ác, tất cả chỗ không đọa. Sau khi nhập Sơ địa, Noãn sinh, Thấp sinh thường không thọ thân trong ba đường ác, được làm thân người.

Giải thích thích theo câu hỏi: Lại nói bị người khinh rẻ, ở đây giải thích Khinh rẻ trong kinh này rằng theo Lưu-chi La-thập chỉ có một khinh rẻ, ở đây và kinh Năng Đoạn đều có hai. Chân đế vốn nói bị khinh rẻ.v.v... đều khinh rẻ, giết, đánh, trộm cắp dâm dục việc đó chẳng phải một, nên quán lý này để hiểu câu hỏi về nhân quả.

Theo ngài Thiên Thân vì thị hiện xa lìa tất cả chướng, vì sao bị người khinh rẻ mà lại xa lìa các chướng. Vì có công đức lớn, chẳng những tội diệt mà cũng được Bồ-đề, khởi lên sự hiểu biết sâu xa như vậy theo vì tín tâm cao siêu.

Theo bản của Chân Đế: Nghiệp tội và quả báo khổ đời trước bị tiêu diệt, ngoài ra bản chỉ nói tiêu diệt nghiệp tội, chẳng nói qua diệt, do nghiệp đã tiêu, quả báo tự nhiên không phải chịu, cho nên không nói. Đoạn trước đã nói do nhân duyên này sinh ra vô lượng A-tăng-kỳ, v.v...trở xuống là giải thích lại phần thứ hai ở trước thuộc phần Phước đức, văn chia làm hai: Thứ nhất là trình bày theo nguyên do vì sao có kinh này, thứ hai oai lực dưới đây giải thích phối hợp với oai lực. Là

giải thích lại Phước nhiều, giúp sinh tâm vui vẻ ưa thích, giải thích phối hợp oai lực có hai: Một là nêu lên, hai là phối hợp, trong phối hợp có ba: Một là năng oai lực; hai là phối lập với nhiều oai lực; ba là/ Nói người nào là năng nói . Trong oai lực, đầu tiên là văn phối hợp, thứ hai là văn giải thích , thứ ba là giải thích nghĩa vận hỏi. Gặp Phật Nhiên Đăng thì, Phật Thích-ca trụ địa, thứ tám cho nên nói A-tăng-kỳ kiếp. Quá A-tăng-kỳ vì lại hơn trước, nghĩa là nói từ Địa thứ bảy đến Sơ địa, đầu tiên gặp Phật Bảo kế đến nay thành Phật đã hai đại kiếp. Đây là đối với bậc Thánh so sánh sự cúng dường, hoặc lại hơn trước cho đến kiếp sơ, đầu tiên gặp Phật Thích-ca đến nay trải qua ba đại kiếp. Cho nên trong luận Câu Xá có bài tụng:

*“Qua ba vô số kiếp,
Trái ngược gặp Thắng Quán
Phật Nhiên Đăng, Bảo Kế
Thích-ca Mâu-ni”.*

Theo Tông nói kia, kiếp sơ gặp Phật Thích-ca Mâu-ni, từ đó về sau cúng dường năm muôn bảy theo ngàn Đức Phật. Đến kiếp thứ hai gặp Phật Bảo Kế. Từ đó về sau cúng dường sáu muôn bảy theo ngàn Đức Phật. Đến kiếp thứ ba đầu tiên gặp Phật Nhiên Đăng và cúng dường từ đó về sau là bảy theo muôn bảy theo ngàn vị Phật. Đủ ba đại kiếp, trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, đầu tiên gặp Phật Tỳ-bà-thi, ở đây nói Phật Thắng Quán chỉ do đứng nhón một chân mà vượt qua chín kiếp. Cho nên kinh chép: chín mươi một kiếp Phật Tỳ-bà-thi, từ đó về sau ba mươi kiếp gặp Phật Thi-khí, Phật Bệ-thấp-bà, đến khi đủ kiếp thứ chín mươi một sẽ gặp ba vị Phật ở kiếp Hiền trong quá khứ. Đây là nói trong kiếp Trụ, năm kiếp đầu không có Phật ra đời, kiếp thứ sáu có Phật Câu-Lưu-tôn, kiếp Địa thứ bảy theo có Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni, kiếp thứ tám có Phật Ca-diếp, kiếp thứ chín hiện nay có Phật Thích-ca ra đời.

Theo Đại Thừa, sự Chân Đế giải thích: Trong đại kiếp đầu tiên cúng dường năm Hằng hà sa Đức Phật, kiếp thứ hai cúng dường sáu Hằng sa Đức Phật, kiếp thứ ba cúng dường bảy theo hằng hà sa Đức Phật. Theo kinh Niết-bàn, Tứ Bồ-tát trước sau tính chung cúng dường hai mươi sáu hằng sa Đức Phật mới chứng Bồ-đề. Nay bản Lưu-chi thì: Ở trước Phật Nhiên Đăng thì gặp tám mươi tư ức-na-do-tha trăm ngàn Chư Phật. Theo bản ngài La-thập thì gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức Na-do-tha Chư Phật. Theo kinh Năng Đoạn gặp tám mươi tư câu-chi-na-do-đa trăm ngàn Chư Phật, tính ra tên tuy có hơn mà số có lớn nhỏ đều chẳng trái nhau. Chỉ y theo một vị đã gặp mà nói, đều y theo nói chung,

lý giáo khó biết. đầu tiên Bồ-tát khác y theo theo giới hạn được thấy một trăm Đức Phật. Trăm Đức Phật tức trăm trăm ức, như thế từ giai vị ấy trở lên gặp Phật rất nhiều, vì sao trong đây chỉ nói từng ấy? Cho nên biết y theo theo một vị đã gặp, thì bản La-thập chỉ có một A-tăng-kỳ, không nói quá A-tăng-kỳ, các bản khác đều có. Gần gũi là cúng dường, như đoạn trước đã nói gần gũi bạn lành không luống uổng: Vì không lìa sự cúng dường, hành pháp cúng dường thực vì thường chẳng lìa bỏ, kia thực hành hạnh Phước vì nhân trí này chẳng thể sánh lường.

Ngài Thiên Thân giải thích: Dưới đây là thứ tứ chỉ bày theo sự mau chứng Bồ-đề, vì có nhiều Phước đức trang nghiêm mau chóng đầy theo đủ, xem văn kinh này và so sánh với kinh Pháp Hoa thấy giống nhau, vì thật tướng quán chiếu thì đồng với nhất thừa, chính là Trung đạo. Trong phần Đa Lực: một Vì nhân cuồng loạn nên sinh ra bệnh điên cuồng, hai là lại chẳng phải quả cuồng cũng sinh tâm loạn, vì thế không nói đầy theo đủ. Do văn kinh có cuồng loạn nói hai cho nên không giải thích riêng. Trong ai là người năng nói Phước thể và quả cả hai đã khó So sánh chỉ có Phật mới biết được, do ngoài chẳng lường được. Luận của Thiên Thân điều này là thành thế lực lớn Địa thứ năm, được quả báo nhiệm mầu rộng lớn. Cái gọi là nhiếp thọ quả bốn vị vua trời, Phạm Vương, Đế-thích... vì thành tựu thế lực. Tức là nói về được Địa tiền, sinh lên tầng trời bốn vua trời kia, ngay theo bằng với Mười địa đắc quả Thập vương. Nếu nhân nghe điều này mà tâm mê loại do quả báo đó không thể suy nghĩ bàn luận vì đều là thắng diệu, thị hiện chẳng phải cảnh giới tư lương, trên đây đều nói về sự tu hành thành tựu được nghiệp công đức này .

Thứ mười một là xa lìa tự chấp chứng nhập vào vị gia-hạnh. Hai vị Noãn, Đánh khởi đầu quán xét sở thủ vô tác, lúc quán bốn tâm tư hơi lâu, văn trước là nhập Noãn Vị nhân chấp, vị đó nhờ tu chứng rồi, nên riêng tu quán an lập hữu tình và làm lợi ích. Mặc dù chiết phục cả hai chấp phân biệt nhưng vẫn có khởi đôi chút về hai chấp Câu Sinh, ngã năng trụ tâm, tu hành điều phục chướng, độ chúng sinh bình đẳng. Sở trụ. Sở hành, sở phục chướng là sở thủ, tâm là năng thủ, sở thủ chưa dứt thì hoàn toàn chưa điều phục được năng thủ. Ta có khả năng trụ như thế mà tu hành v.v..., hai thủ đều có, ta có năng thủ, nên gọi là Tự thủ.

Quyển trước gọi là lúc chứng đạo xa lìa sự hỷ động, do được tu tuệ, hạ phẩm bốn quán tâm tư không có sở thủ, bèn sinh tâm kiêu mạn ta chứng đắc, hỷ động v.v..... sinh khởi, chấp có tự ta có khả năng thực hành hạnh này , nên gọi là Tự thủ. Tâm sinh vui mừng, trạo cử, cống

cao gọi là hỷ động, lúc hỷ động khởi đang ở Noãn vị, dứt được hỷ động này liền nhập Đảnh vị. Quyển này đầu tiên là nêu tên, lia không tự nhiếp, ấy buông lung liền sinh phiền não, gọi là không tự nhiếp. Nhiếp cần nhiếp, nghĩa là tự nhiếp giữ, không tự nhiếp giữ gọi là không tự nhiếp.

Nay ở Đảnh vị, quán lại sở thủ vô tác, trên đây tầm tư quán gọi là Tự nhiếp.

Văn luận chia thành hai. Một là: nêu phối hợp; hai là: giải thích kinh, trong giải thích chia làm ba.

1. Ý là văn hỏi tức giải thích kinh, đầu tiên văn nêu ra để trả lời.

2. Giải thích tức chẳng phải Bồ-tát.

3. Giải thích không có chút pháp gọi là Phát Thú.

Trong ý hỏi đáp chia làm ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là dẫn kinh để chứng minh thành tựu. Sơ địa gọi là chứng đạo, trong chứng đạo chứng không có hai thủ, kia tướng sáng hiện trước Noãn vị, đầu tiên đắc vô sở thủ, tướng sáng mới hiện khởi liền sinh hỷ động ta có khả năng trụ, trong luận chép bốn ngã năng trụ là đầu tiên ba hạnh tự lợi, sau là một hạnh lợi tha, không mê đắm do ba hạnh là tự lợi, sau mới là lợi tha. Tự lợi đã thành tựu, lợi tha cũng tròn đầy, hoặc bất luận tự lợi, lợi tha đều có ba hạnh, vì thế văn đều đáp đầy theo đủ cả ba hạnh.

Theo ngài Thiên Thân do tâm Bồ-đề có ba. đầu một hạnh lợi tha, sau hai hạnh tự lợi, cho nên văn trước sau trả lời riêng. Ba lần gạn hỏi đều dẫn giáo pháp để thành tựu, sở trụ sở hành, sở hàng phục sở thủ. Và tâm là ba tâm kia tức năng thủ. Noãn vị còn có hai thủ, cho nên muốn dứt bỏ phải dứt bỏ sở thủ. Ngài Tu Bồ-đề hỏi Phật: Dẫn Mười địa thắng hạnh nói phá trừ chấp kia giúp cho tiến nhập Đảnh. Luận do Thiên Thân soạn vì sao đoạn trước nói ba thứ tu hành, nay sẽ nói lại, bài kệ ghi:

*“Đối nội tâm tu hành
Còn ta là Bồ-tát”.*

Đó là làm chướng tâm, trái với đạo bất trụ, cũng giống với luận này. Đáp ba câu hỏi đầu, dường như đồng với văn này, “sở” hoàn toàn khác. Nếu Bồ-tát đối với tự thân ba thứ tu hành, sinh tâm như thế này ta trụ nơi tu hành có khả năng hàng phục tâm sinh ra phân biệt này thì làm chướng ngại tâm hạnh Bồ-đề và tâm phá hoại, không trụ nơi đạo vì như trí biết, đó là hạnh Bồ-đề. Còn chướng tâm vì khởi tâm kiêu mạn sau khi dứt chướng hậu Đảnh tâm, tâm này bất sinh. Sơ địa không trụ đạo

cũng không khởi đắc chứng, vì cả hai trái nghịch gần tâm và xa đạo, tức do Noãn vị còn tồn tại ngã. Sinh tâm kiêu mạn như thế không thể nhập Thánh. Lặp lại câu hỏi này, hỏi giống lần đầu nên đáp cũng vậy, sở là căn biệt và lại như ba câu hỏi dựa vào luận không mê đắm, có ở cả vị phàm thánh, trả lời cũng thế, cho nên vị này cố định chẳng phải trùng lặp. Văn kinh giải thích “vô trước” vì văn đều có ba câu trả lời này. Còn Thập hạnh, đa hạnh, thắng hạnh thì có mạn động sinh, vì ta có thể như vậy, sắp nhập vị Thập Hồi hương, đầu tiên dứt tâm kiêu mạn vì nói thắng đạo giúp cho tiến vào, nay được Noãn vị cũng sinh tâm ngã mạn, trước giúp dứt mạn để tiến nhập vào Đảnh vị, cũng như vậy. Kinh trước là hỏi chưa nhập vào Phật pháp, trước có ngã mạn hay không? Vì ngã có khả năng như vậy theo trụ trong tạo nghiệp, đầu tiên đặt câu hỏi khuyên phát tâm tốt đẹp, trước dạy theo vô tướng, cho nên thành ba câu hỏi giúp họ tinh tấn tu hành. Nay sắp nhập vào dòng Thánh kia được thắng đạo, ngã mạn này lại sinh vì thế thành ba câu hỏi, giúp dứt tấn tập vừa quán thế văn, muốn dùng hai vòng căn cứ xem xét tìm căn, sở là hoàn toàn khác nhau. Cho nên đồng với không mê đắm. Chỉ có một vòng. Lại nói hai vòng chu như đoạn trước lẽ ra đầy theo đủ, một vòng là thắng, chẳng phải không mê đắm dâm trái với Di-lặc, cũng chẳng phải ngài Thiên Thân có điều trái với Vô Trước.

Giải thích thích tức chẳng phải Bồ-tát; nếu khởi pháp chấp liền có ngã chấp lấy, ngã chấp hiện hành vì y theo kia khởi. Hoặc khi pháp chấp lại không hiện hành ngã chấp lấy do có phiền não gọi là có ngã chấp như đoạn trước đã giải thích. Đoạn văn này nói có học hồi tâm và di sinh, v.v... đến giai vị này còn có ngã chấp. Hai Thừa vô học có pháp chấp không có ngã chấp sau giải thích không thiếu tên pháp, nhân phát hạnh Đại thừa chân lý vô ngã, cho nên không thiếu pháp phát hạnh thừa kia. Đoạn trước nói năng thủ ngã tướng đã không, nay nói lên sở thủ vô ngã, cũng chẳng có chánh vị sở quán.

Thứ mười hai là lìa không có nhân giáo thọ, đã trụ Đảnh vị, ưa quán sở thủ, sẽ khởi Nhân và pháp Thế đệ nhất, ấn vô sở thủ, quán năng thủ không nhập chân Thánh chứng đạo vị. Đã không có giáo thọ không thể tiến đến thành tựu, do đó dẫn Phật Nhiên Đăng để nói về giáo thọ, ta trụ Địa thứ tám còn đến Phật Nhiên Đăng, để cầu Giáo thọ, tiến nhập Thượng vị. Huống chi còn trụ Đảnh vị mà chẳng cầu giáo thọ làm phép tắc để tiến lên thượng vị ư! Tức là vị này nói không cầu giáo thọ, là sở tri chướng lìa loại chướng này, văn kinh dứt dưới chỉ nói quyền trước vì cầu Giáo thọ, khuyên cầu Giáo thọ là hạnh vị này. Theo ngài Thiên

Thân thì ở đây có nghi ngờ. Nếu không có Bồ-tát vì sao Đức Thích-ca ở trước Phật Nhiên Đăng tu hành Bồ-tát, ý này chỉ nói sắp nhập Nhẫn vị quán không có năng thủ. Đánh vị nghi ngờ rằng: Đã nói không có năng thủ, Bồ-tát cũng không, thì ai ở trước Phật Nhiên Đăng tu hành hạnh Bồ-tát? mặc dù hạ Nhẫn vị cũng ẩn sở thủ không, còn trung và thượng Nhẫn vị chính quán không có năng thủ qua, bèn ẩn hạ Nhẫn và đệ nhất pháp, ẩn không có hai thủ lược qua không nói.

Đây đủ Văn kinh chia làm ba: Một là hỏi; hai là đáp, ba là thành. Trong thành có ba, đầu tiên nói ba phẩm hạnh của Nhẫn vị, này Tu Bồ-đề! nếu có nhân nói Đức Như-lai sau khi được đệ nhất pháp vị ở dưới nói, sau đó này Tu Bồ-đề, Đức Như-lai đã đắc A-Nậu-Đa-La Tam-miệu Tam-Bồ-đề bất thật bất vọng ngữ.v.v... giải thích các trở ngại. đầu tiên chỉ hỏi sở thủ có không, kế là trả lời sở thủ không có. Quán thành Nhẫn có ba:

1. Hạ nhẫn vị ẩn sở thủ là vô.

2. Tu Bồ-đề nếu có pháp Đức Như lai đắc v.v...trở xuống là nói trong nhẫn vị quán không có năng thủ.

3. Sau vì sao Tu-Bồ-đề nói đức Như-lai tức thật chân như v.v. nói thượng nhẫn vị ẩn không có năng thủ. Văn luận chia hai: đầu tiên nêu ra thuộc kinh, sau giải thích phật bảo rằng, phật bảo rằng, cũng có ba: Thứ nhất giải thích Nhẫn vị; thứ hai là nói ở chỗ Đức Như lai Nhiên Đăng, pháp không chứng đắc, v.v... ở dưới giải thích pháp Thế đệ nhất; Thứ ba có kinh chép ngài Tu Bồ-đề, Đức Như lai Chánh giác v.v... xuống là giải thích sự chứng ngại. Văn giải thích Nhẫn có hai: Một là giải thích trung nhẫn quán không có năng thủ; hai là vì sao sau pháp bất khả nói kia giải thích hạ nhẫn vị ẩn không có năng thủ, lược qua không giải thích hạ nhẫn, đầu tiên ẩn vô sở thủ, lời văn dễ hiểu, luận của Thiên Thân cũng vậy, giải thích trung nhẫn có hai.

Một: là giải thích trong kinh, như có pháp chứng đắc.

Hai: giải thích trong kinh, do thật không có pháp chứng đắc.

Văn lặp lại câu hỏi, sau chính là giải thích ý. Theo giải thích ý thì như Chánh giác có thể được nói như kia Phật nói ta đã có thắng hạnh, lúc ta ở đó liền được Chánh giác, bấy giờ ta đã được Chánh giác. Lẽ ra Phật Nhiên Đăng không nên thọ ký cho ta rằng: Đương lai sẽ chứng đắc, chỉ cho Chánh giác chẳng thiếu thật có, không như điều đã nói, ta không có hạnh tốt năng đắc, lúc ấy không được chứng đại Bồ-đề cho nên thọ ký cho ta đời đương lai mới chứng đắc. Cho nên ngài Thiên Thân nói: Do thọ ký thời gian sau nên hạnh của Phật Nhiên Đăng chẳng

phải thượng, đối với thời Phật Nhiên Đăng chẳng phải hạnh Bồ-tát bậc nhất. Vì sao? Vì bấy giờ ta đã tu các hạnh, không có một pháp nào chẳng được đại Bồ-đề. Nếu ta ở chỗ Đức Phật đó đã chứng Bồ-đề thì về sau Chư Phật đều không thọ ký cho ta, cho nên lúc đó ta tu thực hành chưa thành Phật, ý này nói chung, vì lúc ấy ta hành chẳng thành tựu bậc nhất thượng thắng. Nói không có một pháp nào để được Bồ-đề. Cho nên thọ ký cho ta về sau sẽ thành. Nếu lúc ấy ta có thực hành hạnh tốt đẹp thì ngay theo tức khắc chứng được, vì sao thọ ký cho ta về sau mới thành Phật? Cho nên biệt không có thật hạnh năng chứng, từ đó về sau Chư Phật đều thọ ký sẽ thành, vì thế mà biết lúc trước không có pháp nào để chứng đắc.

Giải thích thích thật không có pháp chứng đắc, vì pháp không thể nói nhờ ta lúc đó biết được hạnh năng thủ không có thật thể, vì chỉ có chân như không thể nói và thuận với lý hạnh, lúc ấy ta chưa đắc Chánh giác, thọ ký đương lai chưa được chứng. Nếu lúc đó ta chấp hạnh năng thủ thật có tự tánh cho là hạnh có thể nói vì hạnh trái lý, thì chẳng thể ngay theo lúc ấy không đắc Chánh giác, cũng không thể thọ ký đương lai ta mới chứng đắc. Ý này rất sâu xa nên tìm tòi nghiên cứu kỹ.

Thích giải thích ấn vô năng thủ: ý muốn hỏi vì sao hạnh kia không thể nói? Vì pháp thân Như lai tức chân như, như thể thanh tịnh không có cấu nhiễm như (vàng ròng). Do đây các giáo lý phần nhiều chân như dụ như vàng ròng, vì tánh trong sạch. Theo ngài Thiên Thân, nếu không có Bồ-đề thì không có Chư Phật, Như lai. Có sự chệch bại như thế nghĩa là hoàn toàn không có Chư Phật, cho nên nói chân như, ý đó nói rằng đã không có hạnh năng chứng thì Bồ-đề sở chứng cũng không. Nếu không có tự thể năng chứng Bồ-đề, tức là không có Chư Phật, nay nói Chư Phật dùng chân như làm tánh, chân như đã không có tánh năng thủ, cho nên hạnh năng chứng cũng không có tự tánh, Bồ-đề cũng như vậy, chẳng phải không có Bồ-đề. Lại Bồ-đề có nghĩa sở chứng giác, nghĩa giác đã dạy theo bảo người vì sở thủ không, năng thủ cũng chẳng có. Bồ-đề năng thủ đã không thì lẽ ra chẳng có Chư Phật, của Chư Phật chân như làm tánh, chân như đã không có năng thủ nói Chư Phật, năng thủ đều không có thật thể, chẳng phải không có Bồ-đề sở chứng giác tánh.

Ngài Thiên Thân giải thích thật nghĩa chân như: Thật chẳng phải nghĩa điên đảo, ở đây phân biệt sở chấp ngã nhân pháp ngã điên đảo kia. Chân như: Không khác nhau cũng chẳng biến đổi, không khác vô lậu hữu vi vì kia sinh diệt, ở đây giải thích nghĩa như, không thay đổi

phân biệt hữu lậu hữu vi đối trị đặc đạo vì có sinh tử biến dịch, đây là giải thích nghĩa chân. Nhưng nói chân như Luận đã nói.

Giải thích thích thế đệ nhất pháp, theo ngài Thiên Thân nói hạnh Bồ-đề, kia có nghĩa thế nào? nếu nói Hạnh Bồ-đề ấy thật có thì lời này luống dối, theo kinh giải thích : Nếu có nhân hỏi Như lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề thì nhân này nói không thật, ở đây nói không có năng thủ, như vậy theo Như lai đắc A-nậu Bồ-đề. Nếu nhân nói đắc cũng luống dối, nói sở thủ Bồ-đề cũng không, hạnh năng thủ, sở thủ Bồ-đề đó cũng chẳng thật có, tên gọi tương tự, nói hai thủ đều không giúp cho kia cả hai đều ấn chứng, sau một niệm liền nhập vào thấy đạo. Theo văn này, nếu nói Như lai Nhiên Đăng đối với pháp không Chánh giác, ý này nạn rằng lúc Phật Nhiên Đăng vì hạnh chẳng phải thượng, có thể nói không có năng thủ, Đức Phật đời nay tự được Chánh giác, chẳng lẽ không có hạnh năng thủ chứng hay sao? Nay Đức Phật dạy: Chẳng những đời nay chỉ không có chứng hạnh Bồ Tát năng thủ, mà cũng chẳng có Bồ-đề chân thật sở thủ, do đó nói rõ hai thủ theo đều chẳng thật có.

Trước kia tu trí đầu tiên ở Noãn vị, quán không có sở thủ do đây luận chép : danh sự dung nhiếp nhau, tánh kia lẽ ra tâm tư, trước xa lìa tự thủ, kế là Noãn vị, Đảnh vị quán lạc sở thủ chẳng thật có. Cho nên luận chép: đối với hai cũng phải suy theo tìm Duy lượng và Duy giả, hai đang ở vị bốn tâm tư. Ở đây nói giáo thọ tại pháp Nhãn thế đệ nhất thượng phần khởi, vị ấn sở thủ không, trung nhãn khởi vị quán không năng thủ Thượng nhãn khởi rồi ấn vô năng thủ, pháp thế đệ nhất hai không ấn cả hai. Cho nên Nhiếp Luận lại chép: Thật trí quán không có nghĩa chỉ có phân biệt, ba thứ kia không cho nên ở đây không, cho nên nhập ba tánh hai câu đầu hạ Nhãn vị, hai câu sau ở trong, thượng nhãn vị pháp thế đệ nhất. Thời gian chỉ rút ngắn một sát-na không nói kinh này, lại nối tiếp luận của ngài Thiên Thân, văn sau mới giải thích .

Giải thích thích chướng nạn có ba: Một là nói chân như không luống dối để giải thích nghi; hai là nói nhiếp tất cả pháp tánh tức chân như để giải thích nghi; ba là an lập nghĩa đệ nhất. Theo ngài Thiên Thân thì có nhân chê bai Đức Như lai chẳng đắc A-nậu Bồ-đề, vì dứt nghi này nên theo phát khởi văn kinh sau, ý này cho rằng đã không có hai thủ thì năng thủ không, vì không có năng chứng thì sở thủ không, chẳng có sở chứng giác. Nay nêu ý kinh chẳng phải thật có, cho nên không có hai thủ, chẳng có vọng vì thế có giác chứng. Ý luận nói vì trong chân như không thật không vọng, cho là không hai, sao không

thật nói về lại lời nói trước, cho nên như lời nói. Do đặc không thật ở trong chánh giác mượn lời nói thế gian để nói lên đặc chứng. Đặc chứng không lưỡng đối. Theo Thiên Thân thì tướng hữu vi không thật có cho nên không thật, trong lý chân như vô đặc vô chứng, trong tướng hữu vi mới có đặc có chứng. Vì chân như kia là không, nói không thật chẳng phải tướng hữu vi tức là tướng Bồ-đề, vì vậy theo nói không lưỡng đối, vẫn tuy có chút khác nhau nhưng ý nghĩa phần nhiều đồng nhau.

Nhiếp tất cả pháp tức chân như, ý nói chân như là tự tánh tịnh thể của tất cả pháp, chỉ có cả các pháp nhiếp tướng về tánh, do đó tất cả pháp đều là Phật pháp. Theo kinh Vô Cấu Xưng: thì tất cả đều như thế, vì tất cả đều là pháp chân như của Phật, tức không phải tướng năm uẩn, cho nên là tướng Bồ-đề, là môn Di Tánh, đây tức Phật pháp là môn Nhất tánh.

An lập đệ nhất nghĩa, nói tất cả pháp nghĩa là năm uẩn, thể nó đều chẳng phải pháp, không phải như danh nói đều chẳng phải năm uẩn tức là năm uẩn. Gọi là an lập đệ nhất nghĩa như Tiểu thừa nói có thể tất cả pháp tức tất cả pháp. Nay nói tất cả pháp chỉ được gọi là giả danh, chẳng phải như (tên) gọi kia thật có tự tánh. Pháp tức chẳng phải pháp, ngài Thiên Thân giải thích giống như, nhưng không phải là hư danh đã nói. Thể cũng chẳng phải thể, pháp ba đời không có tự tánh nên thể gọi là chẳng phải pháp. Câu hỏi này cầu Giáo thọ, nói đối với Phật Nhiên Đăng, có pháp chứng đặc hay chẳng? Đoạn trước lìa vắng lặng vị, lại nói đối với Phật Nhiên Đăng, trước kia không lìa khi Phật ra đời, sau lại nói ở chỗ Phật Nhiên Đăng có đặc Bồ-đề hay chẳng? Ba điều đó khác nhau chỗ nào? Chữ Phật rất nhiều vì sao chỉ nói một Đức Phật Nhiên Đăng.

Trả lời đầu tiên nói Phật Nhiên Đăng vì lìa ít học tu chứng, không lìa Phật ra đời, hành nói ta từng là Bồ-tát Địa thứ tám, nhậm vận song tu chân tục vô sinh, đã đối với tất cả pháp có khả năng chịu đựng, hay suy có khả năng theo nghĩ, có khả năng theo thọ trì. Phải là học rộng không lìa Phật Nhiên Đăng, do tu hạnh đó. Nay ông sơ phần còn trụ Thập Hồi hướng, vì sao không tu hạnh không lìa Phật để cầu học rộng làm Vô sinh!

Kế là nói Phật Nhiên Đăng nêu thí dụ so sánh, ta là Bồ-tát Địa thứ tám theo Đức Phật Như lai kia cúng dường một kiếp được công đức còn không bằng công đức đọc tụng tu hành kinh này huống chi nay ông mới trụ trung phần của Thập Hồi hướng không gần gũi học tập tu hành kinh này. Nay nói Đức Phật Nhiên Đăng để nói lên địa thứ tám còn cầu

giáo thọ tu tập tiến lên vị Vô sinh, nhậm vận để tu pháp Vô sinh nhẫn, hưởng chi nay mới trụ Gia hạnh, đảnh vị, mà không cầu giáo thọ để tiến lên Vô sinh nhập vào Nhẫn vị, vì Vô sinh nhẫn, nhân có năm thời:

1. Tư lương vị: Y theo nhân duyên Duy Thức tu chung Vô Sinh.
2. Gia hạnh vị: Vị này mới nương tu tuệ đặc biệt tu Vô Sinh.
3. Thấy đạo vị: Khai sáng chứng vô lậu, vô tánh, vô sinh.
4. Địa thứ tám vị: Khai mở nhậm vận tiến vào Vô sinh.

5. Phật vị tự tại. Nhân vị có bốn, quả vị có một, đây cũng được gọi là như thật quán trí. Như thật quán trí thể có cả vô lậu, do đây ba kinh trước nói Phật Nhiên Đăng cũng không lặp lại. Kinh này phần nhiều nói tánh của thắng nghĩa vô sinh, Đức Phật Thích-ca đối với Phật Nhiên Đăng nhậm vận nối nhau để đắc đạo này. Trái tóc rã hoa để vượt tám kiếp, dấu vết tóc phủ trên bùn hiện nay vẫn còn, nhân sinh lòng tin đã nhiều cho nên chỉ nói mà thôi. Trên đây đã nói trong tín hạnh địa hợp lại thành mười sáu trụ xứ, y theo bát trụ xứ nhiếp thành bốn.

1. Phát tâm gọi là nhiếp trụ xứ.
2. Ba-la-mật tịnh trụ xứ.
3. Dục trụ xứ.

4. Lìa chướng ngại mười hai trụ xứ hợp lại thành cái thứ tư. Nay hợp chung thành ba: Một là Nhiếp trụ xứ là Thập trụ vị. Hai là Ba-la-mật tịnh trụ xứ và dục trụ xứ là Thập Hạnh vị. Ba-la-mật là lìa chướng ngại trụ xứ là Thập Hồi hương. Vì sao?

Theo kinh Hoa Nghiêm: Đức Phật ở tại đạo tràng Tịch Diệt nước Ma-kiệt-Đề, mới thành Chánh giác. Trong thứ nhất xứ các vị Bồ-tát thỉnh Ngài nói về Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Tạng, Thập Hồi hương, Mười địa, Thập Nguyện, Thập Định tự tại, Thập Đảnh.

Sau đến xứ thứ hai, lúc bấy giờ Đức Phật đang trên điện Diệu Thắng tại cung trời Đao-lợi của trời Đế-thích, thêm Bồ-tát Pháp tuệ mới nói Thập Trụ.

Đến xứ thứ ba, Đức Phật ngự trên điện Trang Nghiêm cung trời Dạ-ma, thêm Bồ-tát Công Đức Hoa mới nói Thập Hạnh.

Đến xứ thứ tư, Đức Phật ngự trên điện Nhất thiết Bảo Trang Nghiêm ở cung trời Đâu-suất, thêm Bồ-tát Kim Cương Tràng mới nói về Thập Hồi hương.

Đến xứ Địa thứ năm, Đức Phật ngự ngự trên điện Ma Ni Bảo Tạng ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại, thêm Bồ-tát Kim Cương Tạng mới nói Mười địa. Bốn lớp trên đây là riêng mỗi giai vị thứ bậc ngoài ra năm mươi loại là trong vị kia tu pháp riêng. Thập Tạng là trong Thập

Hạnh tu pháp riêng. Vị thứ tám trong Thập hạnh gọi là Tôn nặng hạnh, vị này thành tựu các vị tôn nặng, cho đến nói rộng, tôn nặng Phật pháp, làm việc lợi ích chúng sinh thực hành công đức vô tận, nhập vào pháp giới thanh tịnh. Thí như hỏa châu xuất hỏa không thể cùng tận, các kho công đức không thể cùng tận của Bồ-tát như thế, giáo hóa chúng sinh, cũng không thể cùng tận. Từ đó về sau mười thứ công đức vô tận mới bắt đầu thành tựu tròn đầy đủ.

Nói theo Mười địa thì mười nguyện, Thập định, Thập tự tại, Thập đánh đều là Mười địa, chỗ tu pháp riêng cho nên nói trong nhân chỉ có bốn mươi hai giai vị. Theo kinh Anh Lạc quyển thượng thì bốn mươi hai vị Hiền thánh, phàm phu Địa tiền có ba mươi giai vị. Thập trụ gọi là Đồng Bảo Anh Lạc, Thập Hạnh gọi là Ngân Bảo, Thập Hồi hương gọi là Kim Bảo, bậc Thánh Mười địa gọi là Lưu Ly theo Bảo, trước bốn mươi gọi là Học hạnh. Vào dòng nước pháp do tự quán chú Bồ-tát Đẳng Giác gọi Ma-ni Bảo, kia gọi là Kim cương tuệ, Bồ-tát trụ đánh tịch định, dùng năng lực nguyện lớn tuổi thọ một trăm kiếp tu ngàn Tam-muội rồi, nhập định Kim cương. Lại trụ ngàn kiếp, học oai nghi voi đầu đàn của Chư Phật, nhìn xem bước đi thần thông giáo hóa của bậc Sư tử, cho nên Phật pháp đều hiện ra trước mắt. Nhập Phật hành xứ, ngồi đạo tràng của Phật vượt qua ba thứ ma. Lại trụ muôn kiếp hóa hiện thành Phật, nhập vào vắng lặng hoàn toàn, hai để các pháp như của Đẳng Giác Chư Phật, hai tập không còn, cho đến hiện đồng Cổ Phật, thường hành Trung đạo Đại thừa vô vi mà sinh diệt là khác, thật ra chẳng phải Phật, hiện thần thông Phật thường trụ cảnh giới của mình. Quán sát ý đoạn văn này Tam-muội Kim cương mới trải qua nhiều kiếp, trụ trong Phật, vị gọi là Bảo Anh lạc thủy theo tinh, trong ngoài sáng rõ, thường trụ Diệu giác thường trụ tánh vắng lặng trong sạch, gọi là nhất thiết trí địa, vượt qua bốn ma, giai vị đó đều dùng công đức anh lạc để trang nghiêm giữ gìn thân mình, vì vậy theo dùng để đặt tên. Các vị trở về trước gọi là sáu chủng tánh, là: Tập tánh đạo, Đẳng Giác, Diệu Giác cũng gọi là sáu Hiền. Pháp tu trí tín tu đức Đảnh nguyện cũng gọi là sáu nhẫn, là tu tín pháp chánh vô cấu nhất thiết trí, cũng gọi là sáu tuệ, đó là văn tư tu vô tướng chiếu tịch tịch chiếu, cũng gọi là sáu quán, nghĩa là trụ – hạnh – hương – địa vô tướng Nhất thiết chủng trí. Trong Thập trụ, đầu tiên phát tâm trụ chưa lên Thập trụ, có mười tâm danh tự Bồ-tát, thường hành mười tâm, đó là Tín tâm, niệm tâm, tinh tấn tâm, tuệ tâm, nguyện tâm. Tu hành tâm này nếu trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, cho đến nhập địa vị ở Sơ trụ. Trụ là trong trụ tu tăng thêm trăm Pháp

Minh Môn. Gọi là Mười tín tâm, vì tín tâm có mười, tu hành trăm Pháp Minh môn, thường phát nguyện lớn vô lượng hữu hạnh vô hạnh, được nhập Thập chủng tánh.

Kinh ấy đã gọi Mười Trụ vị là Tập chủng tánh, tu tín niệm, v.v.... trải qua ba đại kiếp mới vào Thập trụ, tu hành trăm Pháp liên hiển bày Thập tín là thuộc về Sơ trụ, chưa bước vào tăng-kỳ. Giai vị này thuộc ngoại phạm, phát cầu đại tâm, Hai Thừa đồng phát tâm hướng Đại. Kinh Niết-bàn nói tám muôn kiếp đồng nên nói tướng kia. Kinh ấy lại chép, sơ phát tâm trụ đối với Tứ Đế như thứ lớp phát bốn thế nguyện rộng lớn. Trụ thứ hai tác quán bốn niệm trụ, Trụ thứ ba tác quán Mười Nhất thiết xứ, thứ tư trụ tác quán tám thắng xứ, Trụ Địa thứ năm thực hành tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân, trụ thứ sáu tác quán tám giải thích thoát, trụ Địa thứ bảy tác quán sáu pháp hòa kính, trụ thứ tám tác quán ba không (không, vô tác, vô tướng), trụ thứ chín tác quán Bốn đẳng, trụ thứ mười tác quán sáu niệm. Trong Mười hạnh: sơ hạnh tác quán bốn chánh cần, hạnh thứ hai quán bốn thần túc, hạnh thứ ba quán năm căn, hạnh thứ tư quán năm phần pháp thân, hạnh Địa thứ năm quán tám chánh đạo, Hạnh thứ sáu quán bảy theo giác chi, hạnh Địa thứ bảy quán năm gốc lành chính là quán Noãn, quán Đảnh, quán Nhẫn, quán ba cõi là không quán, pháp thế đệ nhất, Hạnh thứ tám quán bốn đế, Hạnh thứ chín quán mười hai nhân duyên, Thập Hạnh quán Tam bảo.

Trong mười Hồi hướng: sơ Hồi hướng quán hai đế, Nhị Hồi hướng quán năm thần thông, Tam Hướng quán bất hoại tín tâm, Tứ hướng quán ba là tướng hữu không, Ngũ hướng quán năm ấm, chẳng khác không, Lục Hướng quán mười hai nhập, ngã ở trong chẳng, chẳng ở ngoài, ở trung gian, Thất Hướng quán mười tám giới, Bát Hướng quán nhân quả là giả, Cửu Hướng quán hai đế chẳng phải có chẳng phải không, Thập Hướng quán trung đạo đệ nhất nghĩa đế Bát-nhã mà chẳng phải chân thật Trung đạo. Sơ địa trở lên có ba tâm quán, vào tất cả địa quán bốn giả danh, nhập vào không danh quán hai đế, quán từ không danh nhập giả danh bình đẳng. Hai pháp quán này phương tiện đồng nhau, nhân là quán hai không, được nhập vào Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế chiếu cả hai đế, tâm tâm vắng lặng, tiến vào Sơ địa. Ba mươi tâm trước vào địa vị Nhất thừa, vì kinh Pháp Hoa đồng với Địa tiền pháp tu chẳng gọi là Nhất thừa. Trụ thứ sáu trở xuống còn lui sụt, gây ra năm tội ác nghịch. v.v... không có việc ác nào chẳng tạo, đến Địa thứ bảy trụ thường trụ không lui sụt, nói nhiều về tướng trạng. Quán văn kinh kia phần nhiều

trái với các thánh giáo, về lý không hòa hợp, vả lại do Nhân vương sơ thành trái, cho nên chỉ là các giai vị tùy thêm vào để nói, không như thế thì đạo lý rất sai lầm.

Theo quyển thượng kinh Nhân Vương thì lại khác với các giáo, kinh ấy chép: Đại Vương! Năm nhẫn là Pháp phục nhẫn thượng, trung, hạ của Bồ-tát, tín nhẫn thượng trung hạ, thuận nhẫn thượng trung hạ, vô sinh nhẫn thượng trung hạ, Tịch diệt nhẫn thượng trung hạ, vì Chư Phật Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật ý nói Địa tiền, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng gọi là Phục nhẫn, do có lậu trí, vì hàng phục phiền não. Sơ, nhị, Địa thứ ba gọi là Tín nhẫn, đồng với thế gian, tu ba Phước nghiệp, chứng Tịnh. Tín tứ – Ngũ – Lục địa gọi là Thuận nhẫn, thuận đồng với Hai Thừa, tác quán Bồ-đề phần đạo xuất thế như Thất, Bát, Cửu địa gọi là Vô sinh nhẫn vì tác pháp quán trí kia trong thời gian dài nối nhau. Mười địa, Phật địa gọi là Tịch diệt nhẫn, vì nhân quả đã tròn đầy. Sơ phát tướng tâm sinh tập chủng tánh, có mười tâm: 1. tín; 2. tinh tấn; 3. niệm; 4. tuệ; 5. định; 6. thí; 7. giới; 8. hộ; 9. nguyện; 10. Hồi hướng. là Bồ-tát phần ít của, giáo hóa chúng sinh rồi, vượt qua Hai Thừa, tất cả thiện địa nuôi lớn mười tâm là mầm thánh.

Kinh Anh Lạc chép, niệm sau nói cần kia đã trái quấy, thứ sáu gọi là, văn ấy Từ đây theo thứ lớp sinh khởi chủng tánh tuệ tánh, có mười tâm bốn ý trên, bốn là bốn niệm trụ quán thân thọ.v.v... Còn ba ý trên tức ba gốc lành: từ, thí, tuệ, ba ý là quán ba đời, nhân nhân đời quá khứ, nhân quả nhân đời hiện tại và quả nhân đời vị lai, có thể quán vượt qua các tướng ngã, nhân, chúng sinh tướng ngoại đạo. Lại có mười đạo chủng tánh đó là quán sắc, thức, tướng, thọ, hành đặc giới nhẫn, tri kiến nhẫn, định nhẫn, tuệ nhẫn, giải thích thoát nhẫn, quán nhân quả trong ba cõi chẳng có nhân, vô nguyện nhẫn, vô tướng nhẫn, quán hai đế hư thật, tất cả pháp vô thường gọi là vô thường nhẫn, tất cả pháp không, được Vô sinh nhẫn. Thực hành quán vua chuyển luân cai trị bốn thiên hạ, phát sinh gốc lành cho tất cả chúng sinh. Sơ, nhị, Địa thứ ba gọi là Tín nhẫn, gọi là khéo xa lìa, là nói dứt được sắc phiền não ràng buộc của trong ba cõi thường dùng mười lăm tâm làm đầu. Bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng, bốn thế nguyện rộng lớn, môn giải thích thoát lấy đây làm gốc, cho đến Phật địa. Tứ, Ngũ, Lục địa gọi là Thuận nhẫn, thấy pháp thắng hiện, dứt được tâm phiền não sự ràng buộc của trong ba cõi. Thất, Bát, Cửu, Địa gọi là Vô sinh nhẫn, được quán tuệ bất động cũng dứt tâm sắc tập phiền não trong ba cõi, hiện không thể nói, không thể nói công đức thần thông. Mười địa, Phật địa đồng với tịch diệt nhẫn

nhập, vào định Kim cương. Hạ nhãn hạnh gọi Bồ-tát, thượng nhãn gọi là Tát-Bà-Nhã cùng quán đệ nhất nghĩa đế. Dứt tâm tập vô minh trong ba cõi, tận tướng là Kim cương, vô tướng là Tát-Bà-Nhã. Vượt qua Hai đế là địa thứ mười một, ngoài ba cõi không có chúng sinh, ba thân Phật cũng không nhân ba cõi, ngoài ba cõi không phân biệt chúng sinh riêng. Phật có giáo hóa gì? thế nên ta nói ngoài ba cõi có một chúng sinh giới tạng riêng. Trong kinh ngoại đạo Đại Hữu có nói, chẳng phải bảy theo Phật quá khứ đã nói hay sao?

Theo kinh này, đề mục v.v...trở xuống chú giải thích rằng:điều mà ngài Cửu Ma-la-thập gom góp lời Phật không thể hòa hợp, luận đồng với các kinh luận khác. Kinh đây Nhân Vương tức nói Thập tín cho là Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng, vẫn gọi là bất đồng đều thành ra trái nhau. Nay kinh Hoa Nghiêm thì chẳng nói Thập tín, giả lập lại chấp nhận có, trong Sơ trụ ra khỏi Thập tín, vẫn nói ba kiếp thực hành Thập tín, mới được vào Sơ trụ. Luận Đại Trang Nghiêm và đối pháp nói: Bốn gốc lành ở địa vị Hồi hướng thứ mười, kia nói rằng: tu tập một đại a-tăng-kỳ kiếp đã tròn đầy rồi mới nhậm vận làm gương sáng, nương Noãn – Đảnh – Nhãn – pháp thế đệ nhất mà quán, lại chẳng có giai vị riêng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chỉ nói địa tiền có ba mươi tâm, chẳng nói bốn mươi và bốn gốc lành, nhưng trong các luận vì quán hạnh khác nhau mặc dù trong kinh chép riêng, vì không có vị thứ khác nhau hợp thành một xứ, luận thì cũng chẳng trái nhau. Theo kinh Hoa Nghiêm chỉ nói địa tiền có ba mươi tâm, đây thuộc về trụ xứ tức là Thập trụ, phẩm Thập trụ trong kinh Hoa Nghiêm nói tên Thập trụ, một phát tâm trụ khai sáng phát tâm chung, hai là trị địa trụ, tịnh hạnh tự nghiệp địa, ba là tu hành trụ, tu lý quán nhiều hơn khởi hạnh thượng diệu, bốn là Sinh quý trụ, sinh ra từ chánh giác của các thánh pháp, năm phương tiện cụ túc trụ, thực hành gốc lành vì cứu giúp chúng sinh, sáu là chánh tâm trụ đã nghe khen ngợi hủy theo tâm định bất động, bảy theo là không lui sụt trụ, tâm nghe mười pháp do kiên cố bất động chuyển; tám là đồng chân trụ tâm được an lập thành hạnh đồng chân, chín là Pháp Vương tử trụ học mười pháp của Pháp Vương sẽ thành Pháp Vương, mười là quán đảnh vị như Thái tử con vua có khả năng nhận lãnh giai vị vua vì hạnh dần dần cao quý. Sơ phát tâm trụ do thấy tướng tốt Phật tôn nặng khó vượt qua, hoặc thấy thần thông, biến hóa, nói pháp dạy theo bảo khuyến răn, thấy chúng sinh chịu khổ, v.v....

Phát tâm Bồ-đề như tướng ở trước đã nói được mười lực phần, học mười pháp: Một là cung kính cúng dường Chư Phật, hai là khen

ngợi Bồ-tát, ba là che chở chúng sinh, bốn là gần gũi bạn hiền, năm là khen ngợi pháp không lui sụt, sáu là tu công đức Phật, bảy là theo muốn sinh về trước Phật, tám là tu định vắng lặng, chín là muốn xa lìa sinh tử, mười là vì khổ nên sinh tâm nương nhờ, giữ gìn. Trong Trì địa trụ, ở chỗ chúng sinh phát mười thứ tâm: Đại từ, bi, lợi lạc, an trụ, hoan hỷ, độ thoát, niệm chúng sinh, không có ngã sở, thâm tâm, Như lai tâm. Học mười pháp: chuyên cầu học rộng, tu định lìa dục, gần gũi thiện tri thức, không trái lời dạy theo bảo, biết được lúc nói pháp, học hạnh vô sở úy, hiểu rõ nghĩa sâu xa, rõ biết chánh pháp, biết pháp hạnh bền chắc, lìa bỏ sân si, an trụ bất động. Trong tu hành trụ dùng mười hạnh quán tất cả pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã, không tự tại, chẳng đáng ưa thích, không tu tập phân tán, không có nơi chốn, lìa phân biệt, không bền chắc chân thật, hòa hợp vững chắc học mười pháp. Trong sinh quý trụ tu mười pháp, học mười pháp, cho đến Quán đánh trụ thành mười trí. Học mười trí đầu tiên phát tâm cao quý cầu đại Bồ-đề, đã ở Sơ trụ khởi tâm đại từ bi, độ thoát chúng sinh, đã ở trụ thứ hai trụ thứ hai, nhị trụ trên đây liền phát tâm rộng lớn là Đệ nhất tâm, đầu tiên nguyện muốn biết không, vô ngã.v.v... ở trụ thứ ba đã nghe khen ngợi che bai, tâm định bất động, ở trụ thứ sáu hợp với hai trụ kia đều là thường tâm, vì không thấy ngoài thân có chúng sinh, phân biệt Tam-muội. Từ Tam trụ trở lên và Lục trụ trở xuống chia thành thường tâm, biết tất cả vô tánh, vô tướng. Ở Địa thứ bảy trụ không có tâm điên đảo, tức là nhiếp phục tán thời. Thất trụ trở lên, đều là tâm không điên đảo, cho nên biết phát tâm thuộc về Thập trụ. Do trong Thập trụ giải thích hạnh còn thiếu, sở tri còn kém cõi cho nên nói sơ lược. Nhiếp đa trụ hạnh, Thập hạnh trở lên giải thích hạnh sở tri vì dần dần cao quý là do nói rộng. Kế là Nhị trụ xứ nghĩa là Ba-la-mật tịnh trụ xứ là Thập hạnh vị. Theo phẩm Minh Pháp trong kinh Hoa Nghiêm: Bồ-tát Tinh Tấn Tuệ rằng hỏi Bồ-tát Pháp tuệ, Bồ-tát phát tâm làm thế nào để công đức càng cao quý, Chư Phật vui mừng?. Pháp tuệ đáp: Bồ-tát phát tâm nên dứt bỏ buông lung, có mười pháp được sự không buông lung. Mười pháp giàu? Một là giữ giới thanh tịnh, hai là xa lìa ngu si tịnh tâm Bồ-đề, ba là bỏ tâm dua nịnh có lòng từ thương xót chúng sinh, bốn là khuyên tu không lui sụt, năm là thường an vui vắng lặng, xa lìa phàm phu, sáu là chẳng thích cái vui thế gian, bảy theo là tinh tấn làm các việc lành, tám lìa bỏ Hai Thừa, chín là tu công đức tâm không đắm nhiễm, mười là khó phân biệt thân mình và người.

Kế là tu mười pháp nhiếp thanh tịnh cho đến tròn đầy hạnh nguyện

được mười pháp tạng vô tận, Bồ-tát phát tâm công đức càng vượt trội, Chư Phật vui mừng.

Sau mới nói Mười hạnh, Ba-la-mật tịnh trụ xứ, là sáu hạnh, nhưng chia làm hai: Thứ nhất là năm hạnh không trụ thí, không trụ tướng tướng là hạnh thứ sáu, kia muốn trụ xứ là bốn hạnh sau chẳng trụ trong bố thí độ. đầu tiên, Đàn Ba-la-mật là hạnh hoan hỷ đầu, trong hạnh hoan hỷ là đại thí chủ, đều xả bỏ sở hữu.v.v... dùng tuệ thí ba thời không hối hận, chẳng mong quả báo, chẳng cầu danh tiếng, chẳng cầu sinh về cõi tốt đẹp, chẳng cầu lợi ích. Khi thực hành bố thí, có mười hành vi:

1. Chỉ muốn cứu giúp chúng sinh.
2. Nhiếp thọ chúng sinh.
3. Lợi ích chúng sinh.
4. Học bản hạnh của Phật.
5. Nhớ tưởng bản hạnh của Phật.
6. Thanh tịnh bản hạnh của Phật.
7. Giữ gìn bản hạnh của Phật.
8. Nói về bản hạnh của Phật.
9. Nói bản hạnh của Phật.
10. Khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui.

Cho đến nói rộng về chỗ sinh, vì thường thực hành hạnh bố thí, làm cho tất cả chúng sinh vui mừng kính mến, gọi là hạnh Hoan Hỷ, bố thí Ba-la-mật tức là Sơ hạnh. Thứ hai: là hạnh nhiều ích thường giữ giới thanh tịnh, không nhiễm năm dục, nói pháp vô nhiễm, không cầu sinh ở chỗ tôn quý tốt đẹp cõi trời, cõi người, không thích lợi dưỡng, ngôi đế vương đoan chánh, chỉ giữ giới thanh tịnh. Ác ma dùng năm dục mê, loạn tâm Bồ-tát, cuối cùng Bồ-tát không khởi một niệm tâm ái dục, thà bỏ ngàn thân mạng chứ không gây thêm pháp ác. Đối với tất cả chúng sinh thường nghĩ chúng sinh đem dài đắm chìm trong nước ái dục, nay ta phải học giúp cho ma vương đồng với tất cả chúng sinh lập giới vô thượng cho đến thành Chánh giác nhập Niết-bàn vô dư, thường giữ gìn tịnh giới, lợi ích tự tha, gọi là hạnh nhiều ích. Cho nên giới Ba-la-mật đa là hạnh thứ hai.

Thứ ba là Vô nhuế hạnh: thường tu nhẫn nhục, nhún mình cung kính hòa thuận ái ngữ, không hại mình và người, không tự tha chấp, không tự tha đều cho là đúng, không khen ngợi mình, niệm thường nói pháp, lìa tất cả ác, an lập đại nhẫn. Lại bị vô lượng sự mắng chửi ác độc, hủy theo nhục, dao gậy, đánh đập suy theo nghĩ chịu đựng các thứ quán hạnh. Suy theo nghĩ ta hiểu không, vô thường vì nhân nói tuy bị

oán hại, xót thương nghĩ nên nhẫn giúp cho thành Bồ-đề. Gặp tất cả khổ chẳng tức chẳng giận gọi là vô nhuế hạnh, nhận ba la mật là hạnh thứ ba.

Thứ tư là hạnh vô tận thường thực hành tinh tấn, không bị tất cả phiền não khuấy rối, cho đến nói rộng tinh tấn nên làm. Nghĩ rằng: Dù cho nhiều kiếp chịu khổ, sau thành Bồ-đề, cũng tu hành tinh tấn, nói nhiều thí dụ vô lượng thế giới nghiền nát thành bụi, niệm niệm thường không quên tâm đại Bồ-đề như thế. Như nghe nói lời phải không hối hận vui mừng, nhờ ta tinh tấn giúp cho vô lượng chúng sinh lìa hẳn các khổ, thường thay thế chịu khổ, khắp giúp tất cả chúng sinh lìa khổ, được vui niết-bàn, nhưng sau ta mới thành Vô thượng Chánh giác, và thường có tâm tu hành tinh tấn vô tận, gọi là hạnh vô tận. Vì thế tinh tấn Ba la mật là hạnh thứ tư.

Địa thứ năm là lìa si hạnh; thường trụ chánh niệm, không hề tán loạn vững chắc không hư hoại, cho đến chết đây sinh kia, ở trong thai hoặc ra thai chẳng có si loạn, nói rộng tướng ấy, thường trụ chánh niệm lìa ngu si tán loạn nên gọi là hạnh ly theo si. Phước định trí tuệ hai hạnh Ba-la-mật, đó là hạnh Địa thứ năm, vì chưa thể tu riêng định tuệ cao siêu, do đó giúp tu bốn hạnh dễ, cho nên vắng lặng riêng tạo tác.

Thứ sáu là hạnh Thiệu, hiện thành tự vắng lặng, ba nghiệp tất cả thị hiện ba nghiệp không ràng buộc, không giải thích thoát, cho đến hiểu tất cả thế gian đều vắng lặng, không phân biệt pháp thế gian, xuất thế gian. Cho đến chẳng bỏ tâm giáo hóa chúng sinh, nếu ta không giáo hóa chúng sinh thì ai sẽ giáo hóa, ta không làm cho chúng sinh vui mừng thì ai sẽ làm cho họ vui mừng. Chúng sinh chịu khổ sinh ra các phiền não, xả chấp Chánh giác là điều không nên, do đó ta tu hành chưa thành thì giúp cho thành, chưa điều phục làm cho điều phục thì, chưa độ giúp được độ thì, hiểu pháp vắng lặng và lợi ích chúng sinh các căn hiển bày theo gọi là thiệu hạnh cho nên không trụ tướng tướng là hạnh thứ sáu, hợp sáu hạnh trước là Ba-la-mật tịnh trụ xứ.

Dục trụ xứ có hai là: Muốn được sắc thân và muốn được pháp thân.

Muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy, hạnh này không mê đắm do không có tâm mê đắm, thường nghĩ đến cõi Phật thấy cõi trang nghiêm thanh tịnh, tâm không đắm nhiễm, thường đến cúng dường, cho đến thấy Bồ-tát đại chúng, tâm không đắm nhiễm. Thấy cõi bất tịnh tâm không chán ghét vì quán chiếu bình đẳng, nghĩ các chúng sinh không hiểu chân đế, chẳng cầu quả Điều Ngự Sư, rơi vào lưới ma-la,

phải chịu các khổ, liền khởi tâm đại bi, quán các gốc lành, tâm quán pháp không mê đắm cho đến nói rộng, nguyện lợi ích chúng sinh, đối với tất cả hạnh, tâm không đắm nhiễm gọi là hạnh vô trước. Cho nên không dùng tướng thấy Như lai là hạnh không nhiễm đắm.

Muốn được pháp thân có ba: Một là muốn được nói năng, hai là muốn được trí tướng, ba là muốn được Phước tướng. Muốn được nói năng là hạnh tôn nặng thứ tám; thành tựu gốc lành tôn nặng ưa thích Phật pháp, chuyên cầu Bồ-đề, phân biệt pháp sâu xa, trụ vô sở úy, cho đến nói rộng hạnh lợi ích chúng sinh, nhập vào pháp giới thanh tịnh. Thí như hỏa châu phát ra lửa, không thể cùng tận, các công đức không thể cùng tận của các Bồ-tát như thế, giáo hóa chúng sinh cũng không thể cùng tận. Tôn nặng Bồ-đề, tôn nặng Phật pháp làm việc lợi ích chúng sinh gọi là hạnh tôn nặng. Cho nên đối với kinh này muốn được nói năng, sinh ra thật tướng, vì hạnh này do là hàng trăm, ngàn, muôn Chư Phật đã gieo trồng gốc lành tu pháp cúng dường, mới sinh một niệm thanh tịnh. Huống chi sinh ra thật tướng. Muốn được trí tướng pháp thân là hạnh thứ chín, hạnh pháp lành thứ chín vì các chúng sinh làm ao pháp trong mát, giữ gìn che chở Phật pháp, vì thế hạt giống Phật không dứt được Đà-la-ni, do đó được bốn món biện tài, trùm khắp cõi Tam thiên, thân biến hóa như Chư Phật, âm mâu đầy theo đủ. Đối với pháp không bị chướng ngại làm các Phật sự, được từ ngữ vô ngại, thuận theo tất cả câu hỏi có thể trả lời riêng, tâm không sợ sệt, được mười thứ thân. Làm ao pháp trong mát, được thông suốt Phật pháp, gọi là thiện hạnh pháp, cho nên muốn được trí tướng nói pháp bất định khả đắc, khả nói, y theo kia tu sẽ được thân Phước tướng, là hạnh thứ mười. Trong hạnh Chân thật thành tựu lời nói thành thật chắc chắn, đúng như lời nói thực hành, như hạnh hay học lời nói chân thật của Chư Phật ba đời, thành nhân mười trí. Bồ-tát nghĩ rằng: ta thấy chúng sinh chịu vô lượng khổ nếu chưa độ chúng sinh này thành Chánh giác trước thì không nên như vậy. Ta phải đầy theo đủ nguyện lớn rồi mới thành Phật, giúp cho các chúng sinh đều cầu Bồ-đề rốt ráo Niết-bàn vô dư. Chẳng đợi chúng sinh thỉnh ta mới phát tâm nguyện thực hành hạnh Bồ-tát, mà ta tự phát nguyện độ khắp chúng sinh, vì muốn cho tất cả chúng sinh rốt ráo chứng đắc Nhất thiết chủng trí, ta đối với tất cả vì các hạnh tương ứng cao quý, tâm sắc điều thuận, gọi là hạnh chân thật. Vì thế được tướng Phước, có khả năng đối với kinh này thọ trì giảng nói bốn câu được trí tuệ cao siêu vô biên ba thân Bồ-đề, vì xuất xứ từ kinh này giúp cho tu hạnh chân thật.

Thứ tư là lia chướng trụ xứ, có mười hai thứ lia chướng hợp thành

mười Hồi hương, đối với thứ trung ở trước có chín loại lìa chướng. Chín hạnh Hồi hương và hạnh Hồi hương thứ mười, cuối cùng đầy theo đủ v.v... trở xuống, thuộc về từ Sơ phát tâm cho đến Mười Hồi hương, cuối cùng tròn đầy vị, vì hợp thành đạo tư lương thuận giải thích thoát thuộc phần gốc lành. Ba pháp lìa chướng sau là Hồi hương thứ mười sắp tròn đầy vị, hợp thành gia hạnh đạo thuận quyết trạch, thuộc phần gốc lành vị. Chín hạnh lìa chướng trước có ít phần hoàn toàn là hạnh Hồi hương thứ mười.

Mười giai vị Hồi hương theo kinh Hoa Nghiêm là:

1/ Cứu hộ tất cả chúng sinh lìa tướng chúng sinh Hồi hương, tu sáu pháp Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng các gốc lành. Nghĩ pháp tu tập cho chúng sinh dứt bỏ phiền não rốt ráo thanh tịnh, dùng gốc lành Hồi hương này làm nhà cho chúng sinh để họ tránh được các việc khổ, vì chúng sinh khởi tâm hộ niệm và giải thích thoát phiền não, nên làm Chủ Bảo thân, vì giúp được tịnh trí thân thanh, vô ngại xem kẻ oán kẻ thân như nhau không hai, thường ưa xem xét có nhân oán thù đến thì kết làm bạn lành và nói pháp sâu mầu cho họ nghe. Thí như biển cả các thứ độc hại không thể làm hoại được, như mặt trời không vì nhân mù mà bị che khuất, cũng thế không vì tâm oán hận của vô lượng chúng sinh mà Bồ-tát hiềm hận lui sụt tâm Hồi hương, không vì chúng sinh khó điều phục mà lui sụt gốc lành, đã tu gốc lành đều vì cứu độ Hồi hương cho chúng sinh. Vì độ chúng sinh mà không thấy tướng chúng sinh, gọi là cứu chúng sinh lìa tướng chúng sinh Hồi hương. Trong mười hạnh trước các vị Bồ-tát do tu hành mười hạnh mà được mười công đức vô tận: tín, tâm, quý, giới, văn, thí, tuệ niệm, trì, biện. Tâm sinh kiêu mạn ta có khả năng tu hành hạnh này, nhờ hạnh này mà chứng được công đức đó, ta có khả năng nói pháp này, pháp này lợi ích cho chúng sinh đó, do tâm kiêu mạn như thế không thể tiến nhập vào Sơ Hồi hương. Nay Phật giảng nói cho họ nghe bậc Tiểu thánh Dự lưu.v.v.... còn không nói ta được nói pháp, hướng chỉ Bồ-tát giúp cho lìa kiêu mạn, tu hạnh không kiêu mạn đặc nhập Sơ Hồi hương. Cho nên đầu tiên lìa kiêu mạn là sơ Hồi hương.

2. Bất hoại Hồi hương: Đối với Chư Phật ba đời, Chư Bồ-tát, giáo pháp của Phật không hoại được lòng tin, dùng mắt từ bi quán sát chúng sinh, do gốc lành Hồi hương này mà được lòng tin không hư hoại như thế. Nhờ năng lực Tam bảo mà không hoại lòng tin Hồi hương, nhiếp lấy tất cả gốc lành chẳng bị tổn hoại, gọi là Bất hoại Hồi hương, cho nên thứ hai lìa chướng ít học, giúp kia không lìa hạnh lúc Phật ra đời, là

Hồi hương thứ hai, vì thường được thấy Phật nghe pháp sâu xa.

3. Đẳng Chư Phật Hồi hương, học cách Hồi hương của Chư Phật ba đời thấy sắc đẹp xấu, tâm vẫn thanh tịnh không thương ghét mà Hồi hương. Khởi niệm Chư Phật diêu lạc Hồi hương, Bồ-tát đầy theo đủ các nguyện, chứng Tát-bà-nhã Hồi hương. Chúng sinh thấy Phật nghe pháp, tâm ta càng tinh tấn thêm niềm tin, cho đến có vợ con đâu chẳng lia tâm Bồ-đề, tùy[^] thọ dụng vật gì trong bốn món cúng dường kia nhưng không lia tâm Bồ-đề, thấy theo đều Hồi hương Vô thượng Bồ-đề, chẳng mê đắm tất cả pháp. Như năm uẩn v.v... Như Phật đã biết Bồ-tát Hồi hương, ta cũng như thế, thứ ba Hồi hương gọi là đồng Chư Phật Hồi hương. Do đó thứ ba là lia một chút phan duyên, khởi niệm tu đạo chướng, giúp tu hạnh vô tướng, đó là Hồi hương thứ ba.

Hồi hương đến tất cả chỗ, lúc tu gốc lành, gốc lành này Hồi hương như thế, giúp cho năng lực công đức của gốc lành đến tất cả mọi nơi. Thí như mé thật không chỗ nào chẳng đến, nghĩa là gốc lành đến khắp chỗ Phật, cúng dường Chư Phật, trang nghiêm ba đời, cho đến trong khoảng một niệm đầy theo khắp tất cả các thế giới ở mười phương. Lại nghĩ cúng dường tất cả Chư Phật, Bồ-tát mười phương đều do gốc lành vì tâm không tán loạn, cho đến không có tâm đối trả làm hại, đều vì Hồi hương, Hồi hương tướng tốt, cho đến Hồi hương thế giới Phật thanh tịnh, Bồ-tát ở mười phương đến đây được nhất thiết xứ thần túc. Thuận theo các Đà-la-ni biện tài, vì làm cho tất cả chúng sinh đều vui mừng. Do gốc lành này, không có nơi nào có chúng sinh mà Phật không đến, gọi là Chí nhất thiết xứ Hồi hương. Cho nên thứ tư là lia bỏ chướng chúng sinh, tu hạnh thành tựu chúng sinh, đây là hạnh Hồi hương thứ tư.

Vô tận công đức tạng Hồi hương, tu pháp sám hối gốc lành, lia bỏ tất cả nghiệp chướng, đối với Chư Phật ba đời. Từ mới phát tâm cho đến thành Phật thị hiện nhập Niết-bàn, tất cả gốc lành thấy theo đều tùy hỷ, cho đến tất cả gốc lành của chúng sinh trong ba đời cũng đều tùy hỷ nhờ tùy hỷ gốc lành nên tất cả công đức vô tận. Sau được mười thứ vô tận Công đức tạng Hồi hương. Cho nên Địa thứ năm là thuận theo ngoại luận tán loạn chứng tu hạnh xa lia. Đây là hạnh Hồi hương Địa thứ năm và các lỗi đều sám hối, nghiệp chướng đều xa lia.

Thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hương. Nếu lúc làm vua, được đất nước tốt đẹp an ổn giàu có yên vui, cho đến được bảy theo báu, thành tựu được thân Na-la-diên bền chắc, xa lia nghiệp chướng, được nghiệp thanh tịnh, xả bỏ trong ngoài để cứu hộ nhân từ tội trong ngục, dùng bản thân mình thay thế cái khổ chết, cho đến nhiếp lấy tất

cả ân tuệ xả thí, thuận theo tất cả gốc lành bền chắc, thời đều thuận theo tất cả Chư Phật, cho đến thuận theo hạnh thanh tịnh. Hồi hướng như thế rồi, làm cho tất cả chúng sinh được pháp Như lai, Chư Phật vui mừng. Đối với mỗi hạnh đều không trái nghịch, gốc lành vững chắc, Hồi hướng đến bờ giác ngộ, gọi là thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hướng.

Tâm thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hướng, thêm lớn ba phẩm, cho đến bao gồm tất cả cảnh giới gốc lành của chúng sinh. Thực hành gốc lành này tu tập rất ráo, trụ trong nhẫn, đóng cửa đường ác, khéo điều phục các căn, oai nghi đầy theo đủ. Cho đến đến các gốc lành tướng như có quả, tận đời vị lai tà mạng thực hành hạnh Bồ-tát, chẳng lìa bỏ chúng sinh, tu chân thật đại xả, Hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều không bỏ sót. Cho đến Bồ-tát này được đạo vô sinh đến chỗ không hai, với tất cả thân được tự tại, với các hạnh nguyện được tròn đầy, trí có thể đến khắp tất cả cõi Phật, được nhĩ căn vô ngại, nghe tất cả tiếng trong cõi nước, được mắt trí tuệ sáng suốt thấy được Chư Phật. Do tâm bình đẳng thuận theo tất cả chúng sinh Hồi hướng các gốc lành, gọi là bình đẳng tâm thuận theo tất cả chúng sinh Hồi hướng. Vì thế thứ sáu là lìa tướng ảnh tượng tự tại, không chứng được phương tiện khéo léo, thuận theo sắc và thân chúng sinh. Năm lấy Trung quán, phá hoại tương ưng, hai vị Hồi hướng thứ sáu và Địa thứ bảy, vì giúp họ có phương tiện khéo léo chứng được thần thông.v.v... vì phần nhiều ở Hồi hướng Địa thứ bảy.

Thứ Tám là Như tướng Hồi hướng, thành tựu niệm trí, an trụ bất động, đối với cảnh nhất thiết trí, được không lui sụt, cho đến tu tập các thứ gốc lành, một niệm quán cảnh giới không hai nhất thiết trí. Trong một niệm có khả năng trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi Phật, với các thần thông trí tuệ được tự tại, nhập pháp thật tướng, cho đến không mê đắm thế giới, không mê đắm chúng sinh, tâm không chỗ nương, vắng lặng không tán loạn, chánh niệm đối với các pháp, đầy theo đủ trí Chư Phật không phân biệt, chẳng trái nghịch tất cả bình đẳng chánh pháp, không hoại tướng Phật, bình đẳng quán ba đời, rõ chúng sinh không chẳng trụ ở sở y, thuận theo như thật thông suốt, hiểu nghĩa chân thật. Vì đến địa vị Phật, nói về chỗ tu hành gốc lành thuận theo như tướng Hồi hướng, gọi là như thật Hồi hướng. Địa thứ bảy theo là xa lìa chướng không đầy theo đủ Phước tư lương, tu hạnh cúng dường làm thị giả Như lai, là Đệ Bát Hồi hướng. Tuy quán pháp thân nhập pháp thật tướng, chẳng hoại ba mươi hai tướng của Phật, nhưng không cho là chân thành

Phật.

Thứ chín không ràng buộc không đắm nhiễm Hội hưởng, đối với các gốc lành, chẳng sinh tâm chê bai không có tâm khinh thường, ra khỏi sinh tử.v.v... tất cả các gốc lành, thường ưa nhiếp thọ, vững chắc không hư hoại, do tâm không ràng buộc không mê đắm gốc lành, Hội hưởng đầy theo đủ. Cho đến trụ nơi vị Hội hưởng này các núi kim cương không thể phá hoại, tất cả các ma không thể phá hoại, đều có thể bề dẹp tiêu diệt các ma tà kiến. Đều được nghe và giữ gìn Phật pháp trong ba đời, thường không đắm nhiễm, được hạnh Phổ Hiền, các nguyện đầy theo đủ, tu hành tất cả công đức chẳng vì bản thân mà vì người khác, do tâm giải thích thoát không ràng buộc mê đắm hội hưởng, lợi ích tất cả chúng sinh. Gọi là Hội hưởng vô trước tâm, do đó thứ tám là lia chướng biếng nhác, lợi lạc đồng vị an vui. Tu hạnh lia lợi dưỡng thiếu thốn nóng bức, đối với hạnh tinh tấn hoặc lui sụt hoặc không phát tâm, đây là hạnh Hội hưởng thứ chín.

Thứ mười là Hội hưởng vô lượng pháp giới, lia cấu hệ đảnh, nhận lời Đại Pháp sư, có thể nói rộng về bố thí, thành đại từ bi, an lập chúng sinh trong tâm Bồ-đề, cho đến thực hành pháp thí bình đẳng tất cả pháp hành, nhiếp lấy tâm Tát-Bà-nhã, rốt ráo chánh lực đến bờ bên kia. Dù cho một câu pháp vị, Đức Phật pháp hoặc nghe hoặc thọ trì, hoặc giảng nói, do hạnh Hội hưởng này nhất tâm bình đẳng chánh niệm vô lượng vô biên hư, không đồng với thế giới Chư Phật ba đời thực, hành hạnh Bồ-tát, giúp cho Chư Phật thường giữ gìn đối với tất cả thế giới, tận kiếp vị lai, vì một chúng sinh, tu hạnh Bồ-tát, vì tất cả chúng sinh cũng như thế. Cho đến điều phục pháp giới đồng vô lượng chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh pháp giới đồng với vô lượng cõi Phật. Như vô lượng pháp giới sinh ra trí tuệ cũng giống như vậy, tất cả gốc lành Hội hưởng đều bình đẳng như pháp giới, gọi là pháp giới vô lượng Hội hưởng cho nên thứ chín lia chướng bất năng nhẫn khổ Tu hạnh nhẫn khổ là hạnh Hội hưởng thứ mười. Luận Thành Duy Thức v.v... chép rằng: Từ khi phát tâm đại Bồ-đề vững chắc, cho đến chưa khởi thuận quyết trạch thức, cầu trụ tánh Duy thức chân thắng nghĩa, bằng địa vị này đều thuộc vị tư lương, vì đến Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, vì tu tập nhiều thứ tư lương cao quý, vì hữu tình cho nên siêng năng cầu giải thích thoát, đây cũng gọi là thuận giải thích thoát phần.

Vì vậy theo trong kinh này từ lúc mới phát tâm cho đến lia chướng bất năng nhẫn khổ tu hạnh nhẫn khổ v.v...trở xuống, hợp lại thuộc giai vị này, Bồ-tát trong vô lượng kiếp khéo tu Phước đức trí tuệ tư lương,

thuận theo giải thích thoát phần đã đầy đủ rồi, thì nhập thấy đạo Trụ Duy thức tánh. Lại tu gia hạnh điều phục dứt trừ hai chấp, nghĩa là Noãn – Đảnh – Nhãn – Thế đệ nhất pháp, bốn giai vị này gọi chung là Thuận quyết trạch phần. Vì gần thấy đạo mà đặt tên Gia hạnh, nghĩa là chẳng phải tư lương ở trước không có gia hạnh. Bốn pháp, như Noãn.v.v..., bốn tâm tư, bốn trí như thật trước sau lập vị, y theo minh mà đặc định. Phát ra tâm tư nương theo quán không có chỗ chấp, lập thành Noãn vị, nghĩa là trong giai vị này, khai phát quán sở thủ tên đồng với bốn pháp, đều tự tâm biến hiện. Giả lập có, thật không thể được và mới được mặt trời trí tuệ hành tướng trước, lập minh được tên, tức là vị này được tướng đạo hỏa tiền, vì vậy theo cũng gọi là Noãn. Thứ mười là lia thiếu sót, đều là Tư lương, tu hạnh lia vắng lặng, lập vị Noãn phục trừ sở thủ, vì cầu trí hạnh.

Luận ấy lại chép: Nhờ sáng tăng thêm định, phát thượng tâm tư, quán vô sở thủ lập thành Đảnh vị. Nghĩa là trong vị này quán lại sở thủ, bốn pháp như danh v.v... đều do tự tâm biến hiện, giả lập bày mà có, thật không thể được, tướng sáng càng rực rỡ nên gọi là ánh sáng tăng vị tâm tư cùng tốt nên, còn gọi là Đảnh.

Mười một lia chướng tự thủ, lúc tu chứng đạo, lia hạnh hỷ động là Đảnh vị này. Do Noãn vị quán sở thủ không khai mở được ánh sáng được định, phát ra trí tầm tư cõi dưới, tâm sinh hỷ khả năng v.v.... Nói ta có thể đồng, chẳng thể tiến tu, chứng đương thánh vị chỗ có chứng đạo, cho nên nói lia hạnh, giúp lập Đảnh vị. Luận thì nương ấn thuận định, phát hạn trí như thật ở vô sở thủ quyết định ấn trì, không có trong năng thủ cũng thuận theo lạc nhãn. Đã không có cảnh thật lia năng thủ thức thì đâu có thật thức lia cảnh sở thủ, vì sở thủ năng thủ đối đãi nhau mà lập.

Lúc ấn thuận nhãn, đặt chung là nhãn ấn trước thuận sau, gọi là ấn thuận, nhãn cảnh thức không, nên theo cũng gọi là Nhãn.

Trong đây nói Nhãn có ba phẩm: Hạ nhãn ấn vô sở thủ; Trung nhãn thuận quán năng thủ không; thượng nhãn ấn trì năng thủ phi hữu. đầu tiên khởi quán tâm tư vô sở thủ, quán vẫn chưa cao siêu, chia thành Noãn, Đảnh thời gian hơi lâu, đối với ba thời nhãn: đầu tiên ấn sở thủ không, kế là quán năng thủ không, sau là ấn quán cả hai đều không. Vì năng thủ dễ nên hợp lại đặt tên, không chia nhiều vị, do hạ phẩm nhãn ấn sở thủ không, thượng phẩm quán vị ấn năng thủ không, trung nhãn tuy chẳng phải ấn, vì cái đầu và sau ấn, gọi chung là ấn. Đối với không hai thủ đã có thể phân biệt quán, đã có thể phân biệt ấn.

Nhưng vì chưa song ấn, vì chưa chứng chân sau đây một niệm song ấn gọi là thế đệ nhất pháp, vì ngay lúc nhập liền chứng.

Duy Thức chép: Nương định không xen hở, phát như trí thật ở trên, ấn hai chấp không, lập pháp thế đệ nhất. Nghĩa là trước thượng nhãn chỉ ấn năng thủ không, nay đệ nhất pháp hai không đều ấn. Từ đây không còn dứt quãng, chắc chắn nhập thấy đạo, nên đặt tên là Vô Giác, trong pháp di sinh vì đây tối thắng gọi là pháp Thế đệ nhất.

Đây là thứ Mười hai lìa chướng không giáo thọ, tu hạnh cầu giáo thọ là Nhân, phát và thế đệ nhất. Pháp thế đệ nhất chỉ một sát-na, song ấn tiền không, không có hạnh rộng khác nên theo gộp chung. Mà nói Do Đảnh vị này cho đến cùng tột tâm tư thuận với sở quán, trụ trong Nhãn vị, hành tướng càng cao quý không cầu Giáo thọ, chẳng do tiến tu, muốn làm cho tiến tu thì phải cầu giáo thọ, giáo thọ được rồi, y theo lời dạy theo mà tu hành, liền được nhập vào dòng thánh. Chẳng trải qua bốn vị rồi bắt đầu cầu Giáo thọ mới chứng đạo. Một niệm không dứt quãng không còn cách vượt, liền nhập vào chân. Duy Thức lại chép: Noãn, Đảnh như vậy y theo năng chấp thức, quán sở chấp không, khi hạ nhãn khởi thì cảnh ấn tướng không, trung nhãn chuyển vị ở thức năng thủ như cảnh không này thuận lạc nhãn khả, thượng nhãn khởi vị ấn năng thủ không. Pháp thế đệ nhất song ấn tướng không, vì đều gồm tướng chưa thể chứng thật. Do đó nói Bồ-tát trong bốn vị này còn ở chơn thật an trụ lý Duy thức, tướng kia diệt rồi mới thật sự an trụ. Theo nghĩa như vậy nên theo có bài tụng rằng:

*“Bồ-tát ở định vị
Quán ảnh chỉ là tâm
Tướng nghĩa (noãn vị) đã dứt trừ
Quán kỹ chỉ tư tướng (đảnh vị)
Trụ trong tâm như thế
Biết sở thủ chẳng có (hạ nhãn)
Kế năng thủ cũng không (trung thượng nhãn)
Sau xúc vô sở đắc”.*

(Chánh nhập Thánh vị do lúc thiếu pháp Thế đệ nhất, vì vậy theo không nói). Vị gia hạnh này chưa dứt tướng ràng buộc, đối với thô nặng ràng buộc cũng chưa thể dứt. Nay nói giáo vô tướng trừ tướng ràng buộc kia, do mười hạnh Hồi hướng trước y theo nhân duyên quán, khởi quán Duy thức hoàn toàn không thể dứt trừ tướng thô trong ràng buộc, dùng đó làm nhân để bước lên Thập Hồi hướng. Bốn gốc lành trước y theo Duy thức quán, tác các quán như vô tướng, v.v... mặc dù phân biệt

ràng buộc thiếu chiết phục, quán vẫn còn tướng chung, chưa thể phân biệt khởi quán, cũng chưa dứt trừ ràng buộc. Bốn gốc lành vị y theo vô tướng quán, tác quán chân như, vì còn mang tướng vẫn chưa chứng chân phân biệt hai thứ ràng buộc đều chiết phục hết, câu sinh hai sự trói buộc tuy chiết phục được một ít, cũng chưa dứt trừ. Nhập vị thấy đạo khởi quán chân như, đối với mỗi pháp thật chứng chân như, thông đạt lý vô tướng, mới dứt hai món ràng buộc. Do đó, luận Phật Địa v.v... nói về quán tướng riêng, dứt được phiền não. Các luận có nói y theo tướng chung quán dứt phiền não, theo gia hạnh thì có ba sự theo khác nhau: đầu tiên vừa quán nhân duyên vừa quán Duy thức. Chỉ quán tướng chung, nhân duyên Duy thức.v.v... chưa thể thực hành riêng. đầu tiên quán nhân duyên cho đến quán Duy Thức, địa vị còn tướng chung. Quán Duy thức v.v... mới quán riêng được, nhân duyên các pháp thắng giải thích kém. Đến vị quán vô tướng cũng chỉ tướng chung, thực hành quán vô tướng v.v... đối với pháp Duy thức mới quán riêng được. Vì vậy theo các luận chép ở Tư lương vị với lý Duy thức chỉ thuận theo nghe, sinh ra thắng giải. Đến vị gia hạnh có thể dần dần hàng phục dứt trừ năng thủ sở thủ, dẫn phát cái thấy chân thật.

Y THEO vô tướng này khởi quán Duy thức riêng, cho đến chân như quán đã chứng chân riêng cũng có thể biết pháp vô tướng riêng. v.v... vì quán hạnh cùng tốt, vì quán căn bản, trí vô phân biệt chứng được lý riêng, trong trí hậu đắc năng thủ sự riêng. Chân như chỉ là tự tướng các pháp, vì vậy theo được tự tướng, đây gọi là biết theo riêng lý của các pháp. Thể của các pháp đó cũng phân biệt biết, cho nên Thánh hai trí của bậc có thể chứng hai tánh Viên thành thật và y theo tha, gọi là đắc thật pháp. Nếu quán chung về chân tùy theo thô tế, tức hai pháp quán biến kế và sở chấp nhân pháp hai ngã ở trước, đã không thể quán riêng trí vô phân biệt. Lúc quán không, sở không lý, sở kiến sự tức hai tánh, Luận Phật Địa thì Biến kế sở chấp không quán tâm sở biến, chẳng thuộc y theo tha khởi, lý chân như không thuộc Viên thành thật, cho nên chứng pháp chỉ nói riêng hai trí. Do hai pháp quán trước ở trước thấy đạo, chỉ có trí gia hạnh nhập Thánh rồi sau mới có cả trí hậu đắc. Nhưng nhập Thánh rồi tùy sở ứng kia nói mười chấp như, mười lớp chứng trước lia chướng và đạo năng chứng gọi là có phần bằng trí chân đế lý. Nói có mười lớp chẳng phải thể chân như có mười thứ khác nhau, chẳng phải như cảnh tướng của ba pháp quán trước đều khác nhau. Do trước đã nói năng quán quán hạnh có trước sau, sở quán chân đế cũng có bốn thứ thể lý. Chân đế đã có bốn lớp thì hình tục đế cũng nói có

bốn, trung trí sở tri gọi là thế đế, vì thượng trí sở tri gọi là chân đế lẽ ra quán sát phải đặc biệt đầy theo đủ. Sở quán các pháp cạn sâu đã khác nhau, nói đế bốn lớp, năng quán quán tâm y theo cảnh khác nhau cũng nên nói khác nhau, ba pháp quán tâm trước có ở quán chân đế, vì ba pháp trước là chân đế tức ba pháp sau là tục đế. Chân như đồng quán chỉ có chân chẳng phải tục vì chỉ quán chân, song không có quán phân biệt. Chỉ đầu tiên là tục chẳng có tự thể riêng để quán, vì quyết hiệp chân quán, trên chân pháp không có sơ tục này, chỗ chấp này thật ra chẳng phải hai đế, y theo tâm tục đế cho nên nói là tục, quán hạnh này chỉ nói bốn lớp, chẳng thể nói không chỉ có chân như quán. Vì nói quyết hiệp lý tục, phải bỏ thuyên để chứng chân, quán hạnh chứng chân khác với ba pháp đối đãi nhau mà nói xét kỹ mới biết. Như lời nói trình bày theo riêng, mặc dù trước thấy đạo quán chẳng an lập cho là vô tướng còn đối tượng chưa thể dứt trừ, cho đến nói rộng Vị Bồ-tát này đối với an lập đế chẳng phải an lập đế, đều học quán sát vì dẫn hai pháp quán ở đời vị lai, chính là điều phục phân biệt hai chướng, chẳng phải an lập đế là chánh sở quán không phải như Hai Thừa chỉ quán an lập. Vì vậy theo ở các vị đều dùng Duy thức vô tướng làm đầu mà tu các hạnh, các vị trước đây đã tu các hạnh nguyện, cảnh lý sở quán làm lợi ích chúng sinh, đều như các kinh và luận khác có nói rộng.

